

榮花



BÁCH KHOA

SỔ ĐẶC BIỆT XUÂN KỶ-DẬU



SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

▶ *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 290-291 ngày 1 và 15 - 2
ĐẶC - BIỆT TẾT KỶ DẬU 1969

TRẦN VĂN KHA <i>mùa xuân của thiên nhiên</i>	5
PHẠM VIỆT CHÂU <i>trăm Việt trên vùng định-mệnh</i>	7
VƯƠNG HỒNG SẼN <i>ngiên mục Tức-Mặc-Hầu của vua Tự-Đức</i>	13
CÔ LIÊU <i>một khám phá mới mẻ về di - truyền - tính (thuật theo C. EDELMANN)</i>	19
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>bốn lối kết trong tiểu thuyết ; Bốn nhân sinh - quan</i>	24
TRẦN THÁI ĐÌNH <i>thuyết Cơ-cấu và phê-bình văn học (dịch Gérard GENETTE)</i>	29
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên : vẫn lang thang trên các địa hạt (dinh điền, thực nghiệp, văn-hóa, hành chánh, ngoại giao...) (hồi ký)</i>	33
ĐOÀN THÊM <i>thơ</i>	43
ĐÔNG HỒ <i>xuân tư (thơ)</i>	44
MỘNG TUYẾT <i>xuân ý (thơ)</i>	44
BIÊN HỒ <i>đốt lửa trong đêm (truyện)</i>	45
TRẦN THỊ TUỆ MAI <i>bếp lửa chiều sông (thơ)</i>	51
TRẦN HUIỀN ÂN <i>chiều xuân trên cao (thơ)</i>	52

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

60, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 50 \$ Công sở : GIÁ 100 đ

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Nhân dịp Tết Kỷ - Dậu

KÍNH CHÚC QUÍ BẠN ĐỌC

MỘT NĂM MỚI VUI VẼ, MAY MẮN

MỌI SỰ NHƯ Ý

Tòa soạn **BÁCH KHOA THỜI ĐẠI**

LÊ MINH NGỌC <i>xuân của cu Bần</i> (thơ)	53
TRÙNG DƯƠNG <i>ý nghĩ về một mùa xuân chưa kịp nở</i> (tùy bút)	55
DUY THỨC, NGÊ BÁ LÍ, VIỆT HÁN, LÊ THANH THÁI <i>hoài xuân</i> (thơ <i>xướng và họa</i>)	63
PHAN DU <i>nhớ một cành mai</i> (truyện)	65
TRẦN TUẤN KIẾT <i>mùa xuân trên chiến địa</i> (thơ)	75
HẠ IAN <i>mẹ</i> (thơ)	76
HUỲNH PHAN <i>người con gái đầu tiên</i> (truyện)	77
BÙI KHÁNH ĐẢN <i>hoa chúc</i> (thơ)	86
LÊ HƯƠNG <i>ngày Tết ở chợ trời biên giới Gò Dầu Hạ</i> (phóng sự)	87
LŨ QUỲNH <i>cát vàng</i> (truyện)	93
VÕ PHIẾN <i>một chỗ thật tịch mịch</i> (truyện)	97
DUY <i>một năm kinh tế</i>	101
TỪ TRÍ <i>thời sự thế giới</i>	113
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	120
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	122
<i>Bìa do họa sĩ</i> VĂN THANH <i>trình bày</i>	
SỐ TẤT NIÊN 292 <i>sẽ ra ngày</i> 1-5-1969	

Mùa xuân của thiên nhiên

Một chu kỳ vòng quanh mặt trời của trái đất là 365 ngày, và cứ hết 365 ngày một năm khác lại bắt đầu. Ở những nơi có bốn mùa thời tiết đổi thay, thì cứ vào khoảng cuối năm khí hậu bắt đầu bớt lạnh, và lá cây non đâm chồi nảy lộc. Sau những ngày tháng lạnh lẽo thân cây trơ trụi trông như chết, những búp lá non ấy như báo hiệu một nguồn sống mới. Đó là mùa Xuân, đất trời đang mở hội. Hòa mình theo nhịp sống của Vũ trụ, Dân-tộc ta đã có phong tục vui xuân, thưởng xuân. Cứ vào ngày đầu năm thì mọi người nghĩ đến chuyện làm lại cuộc đời, hy vọng một năm tốt đẹp hơn năm ngoái. Mùa xuân của đất trời đã xâm nhập vào lòng người nên vào ngày đầu xuân, mọi người đều rộng lượng, cởi mở. Có thể ngày cuối năm hôm qua họ còn chửi nhau, đánh nhau, coi nhau như không thể đội trời chung, nhưng ngày hôm nay thì khác, họ tươi cười chào hỏi nhau, chúc tụng nhau những điều đẹp đẽ nhất.

Tồn tại được cho đến ngày hôm nay có lẽ vì Dân tộc ta đã biết thích nghi với hoàn cảnh, với vũ trụ, nên đã trở lại theo mỗi mùa xuân của đất trời, và sẽ tồn tại mãi với đất trời nếu còn biết hòa hợp với thiên nhiên. Nhớ lại những năm còn nhỏ, tôi mong Tết đến để được nghỉ học, được sống vui nhộn trong cái không khí chuẩn bị đón Tết, giết heo, giã giò, luộc bánh chưng đêm. Tết của ngày xưa, Xuân của ngày xưa thiêng liêng hơn cái Tết cái Xuân bây giờ. Chiến tranh kéo dài trên quê hương, tang tóc càng ngày càng gia tăng, nỗi lo càng ngày thêm chồng chất, nên Tết đã mất đi rất nhiều hương vị, nhất là ngày nay chạy theo văn minh vật chất người ta không quan niệm rằng cái vui ngày đầu năm, cái may ngày đầu năm, có thể đem lại Hạnh - phúc cho cả năm.

Không biết có phải các Cụ ta ngày xưa đã phong-tục-hóa một triết-lý cao siêu của Trời Đất, « xuân đến, xuân đi, xuân bắt tận », nên đã tạo ra cái thú thưởng xuân để làm cho tâm hồn trở lại mãi theo với đất trời, gây niềm thông cảm, sự tha thứ, cần thiết cho tình thương yêu dân tộc.

Cái triết-lý cao siêu ấy, sau nhiều năm thảng ắn sâu vào tiềm-thức để trở thành phong tục, không được ai nhắc lại, nên đã mất tính-chất triết-lý, mà chỉ còn lại cái phần thực-hành của lý-thuyết, thành ra những người ngày nay, theo văn-hóa mới, chỉ coi Tết như là một dịp để nghỉ ngơi, để giải

trí. Người ngày nay tuy được hưởng thụ nhiều tiện-nghi vật-chất hơn, nhờ các phát-minh khoa-học, nhưng trong thực-chất có lẽ chúng ta cũng đã bị nhiều sự thiệt thòi. Chúng ta xa dần thiên nhiên, để sống chen chúc trong những thành phố thiếu gió mát, thiếu trăng trong, nhưng có rất nhiều khói xe, nhiều rác rưởi. Kết quả là ngày nay có nhiều người điên hơn, còn các nhà thương khác thì hai người nằm chung một giường.

Nhớ lại năm trước khi đi du học ở Hoa-kỳ, được người bạn đưa về thăm miền quê, tôi đã cảm thấy chán thành phố, dầu là bất cứ thành phố nào cũng vậy, tôi mong được sống ở miền quê với những cánh đồng lúa xanh. Cuộc thăm viếng những căn nhà cũ xây trên ngọn núi nhìn xuống một giòng sông, đem lại cho tôi những cảm giác vui tươi là lạ. Tôi thấy ngôi nhà cũ, có hoa tuy-líp, đẹp hơn những căn nhà đẹp nhất, nhiều tiện-nghi nhất của thành phố Nữ-ước. Người bạn tôi nói rằng Chính-phủ muốn bảo tồn thiên nhiên tại nơi này, nên không cho phép làm thêm nhà mới. Nhà mới, những căn phố lâu của Saigon, chúng ta đang chạy theo vật chất, và đi xa thiên nhiên, trong khi ở nước ngoài thì người ta đang muốn trở lại với thiên nhiên. Đã có những nhà triết-học khuyên ta nên đi chân đất, ăn uống phù hợp với các đặc tính của âm-dương thì mới đỡ đau ốm, bệnh tật.

Nhiều hôm thấy trong lòng buồn bực, tôi mới chợt nhớ ra rằng đã từ nhiều đêm không nhìn thấy trăng. Tôi đi tìm trăng nhưng trăng của thành phố phải cạnh tranh với ánh sáng đèn điện, không có cái uy nghi của trăng đồng quê, hay trăng rừng.

Trăng rừng trong hơn, dịu hiền hơn trăng thành phố, mà có lẽ con người phải gần gũi với cái dịu hiền của thiên-nhiên ấy thì mới sống lâu, sống khoẻ. Và còn gì lành mạnh hơn là mỗi năm một lần ta trở lại theo mùa Xuân của đất trời. Tóc trên đầu có thể đã ngả màu, da trên mặt có thể bắt đầu răn, nhưng ai cấm ta có một tâm hồn trẻ, mà trẻ thì bao giờ cũng đẹp hơn già, bởi vì cái gì đã già tất nhiên phải chết. Con người không chết là con người sống mãi không già. Ta không thể làm chủ được thân-thể, bởi thân-thể bắt buộc phải đi theo cái chu-kỳ sinh lão bệnh tử, nhưng ta có thể làm chủ được tâm-hồn. Có ai cấm được ta có một tâm hồn trẻ, có ai cấm được ta cười.

Đã nhiều năm nay không cảm thấy Tết trong tâm hồn, nên Tết năm qua chúng tôi dự định ăn một cái Tết cho huy hoàng. Chúng tôi muốn quên mọi tru-phiền, chúng tôi muốn trở lại theo mùa Xuân của Vũ-trụ, nhưng vừa sang ngày mồng 2 thì chiến tranh lan tràn vào thành-phố. Thế là hết Tết. Từ nhiều năm đã mất mùa Xuân, vậy thì Xuân năm nay chúng tôi nhất định trở về với mùa Xuân của Dân-tộc.

— Xin mỗi người hãy tươi cười và khoan dung với mọi người.

— Xin mỗi người hãy cầu chúc bằng tất cả tâm hồn thành thực những gì tốt đẹp nhất cho anh em, họ hàng, làng, nước.

— Xin các bạn cùng chúng tôi trở lại theo mùa Xuân của Đất Trời, và xin kính chúc toàn thể quý bạn một mùa Xuân như ý muốn.

Trăm Việt trên vùng định - mệnh

VÙNG ĐỊNH-MỆNH

Chính danh

Cho đến khi người viết cầm bút viết những dòng này, năm 1968, các cô cậu học sinh Việt từ Nam chí Bắc vẫn còn phải đọc trong sách học những dòng đầu địa-lý về xứ sở mình : Nước Việt-Nam ở về phía Đông bán-đảo Ấn-Hoa !

Cái bản-chất lệ thuộc trong địa-danh Ấn-Hoa đã hạ nhục tất cả các quốc-gia độc-lập trong khu vực, cũng như cái bản-chất chư-hầu trong quốc-hiệu An-Nam đã làm cho người Việt chúng ta phải tủi hổ khi nghe người khác gọi mình và đã quyết liệt xóa bỏ bằng chính máu của mình.

Tại sao lại *Indochine*, *Ấn-độ Chi-na*, *Ấn-Trung* hay *Ấn-Hoa* ? Có phải vì trước đây người Tây-phương khi nhìn về Đông-phương đã không thấy gì hơn là hai quốc-gia khổng-lồ này ? Một vùng gồm nhiều nước có vẻ hỗn-tạp, không thể ghép vào Ấn vì chẳng phải là Ấn, không thể dồn vào Hoa, vì cũng chẳng phải là Hoa, nhưng không đáng được mang một cái tên riêng, vậy âu đặt luôn và Ấn-Hoa cho dễ nhớ. Tây nghĩ vậy và đã làm vậy ! Cũng với cung cách ấy, họ còn gọi khu vực chúng ta ở bằng những danh-hiệu đầy

tính chất lệ-thuộc khác như *Tiểu-Hoa*, (*Little China* theo người Anh), như *Ngoại-Ấn* (*L'Inde extérieure* theo một số học-giả Pháp).v.v. Tuy nhiên, chậm lắm là sau Thế-chiến 2, người Tây-phương cũng đã phải mở mắt rộng hơn để nhìn rõ những gì đang xảy ra khi cả thế-giới nhược-tiểu bưng bưng trời dậy ; Nhất là ở vùng địa đầu tối quan yếu này. Với tiếng nói của một số dân nhiều hơn dân Liên-sô, gấp rưỡi dân Hoa-kỳ và bằng toàn thể dân số Châu Phi hợp lại (1) cùng trời lên điệp khúc đòi tự-do giải phóng, đòi *chỗ đứng riêng biệt* trong tập-thể nhân-loại, thì tất nhiên âm vang của nó không thể không buộc người khác phải chú-ý.

Sử-gia D.G.E.Hall, giáo-sư Đại-học-đường Luân-đôn, đã lớn tiếng nhắc nhở người Tây-phương không nên gọi vùng đất ở miền Đông-Nam Châu Á này bằng bất cứ danh-từ gì có liên quan đến hai chữ *Trung-Hoa* và *Ấn-độ*, vì gọi như vậy chắc chắn sẽ bị người

(1) Tính tới 1965, toàn thể Đông-Nam-Á gồm ba trăm triệu dân, chia ra như sau : In-đô-nê-sia 160.000.000, Việt-Nam 33.000.000, Phi-Luật-Tân 32.345.000, Thái-Lan 30.561.000, Miến-Điện 24.732.000, Mã-Lai-Á 9.384.000, Cao-Miên 6.200.000, Lào 3.000.000 v.v

trong vùng phản đối và hơn nữa còn là cố ý phủ-nhận sự cá-biệt của khu vực này, tức phủ-nhận một sự thực lịch-sử. Vẫn theo ông, sự thực lịch-sử đó là : dù có chịu ảnh-hưởng rõ-rệt của văn-minh Hoa và Ấn, vùng đất này từ xưa đến nay vẫn có một nền văn-hóa riêng biệt không thể chối cãi được. Nghệ-thuật và kiến trúc ở Angkor, Pagan, Trung Java và các khu vực nguyên là nước Chiêm-thành cũ rõ ràng khác xa nghệ-thuật và kiến-trúc của Ấn-Độ. Ngay cả đến Việt-Nam, nơi đã bị người Tàu cai-trị từ năm 111 trước Công-nguyên tới 939 sau Công-nguyên, và dưới đời Nhà Hán đã trở nên đối tượng cho một nỗ-lực Hán-hóa khốc liệt, vẫn phát-triển một hướng đi riêng và vẫn bảo toàn được bản-chất văn-hóa cá biệt với những cội rễ tiếp nối từ thời tiền bị trị (1).

Vậy thì, hãy trả cái gì của César cho César ! Vùng đất mà chúng ta đang nói tới cùng các quần-đảo lớn nhỏ bao bên ngoài ở miền Đông-Nam Châu Á, chúng ta hãy gọi nó là Đông-Nam-Á, một cách đặt tên đúng đắn nhất y cứ vào Châu và vị-trí trong Châu, như người ta đã gọi Đông-Âu, Bắc-Âu, Nam-Mỹ, Trung-Mỹ.v.v.

Toàn thể Đông-Nam-Á gồm các nước Việt-Nam, Lào, Cao-Miên, Thái-Lan, Miến-Điện, Mã-Lai-Á, Tân-Gia-Ba, Indonesia và Phi-Luật-Tân. Để chỉ rõ ràng hơn, người ta gọi bán đảo bám vào đại-lục Âu-Á trước có tên Ấn-Hoa nay là Đông-Nam-Á Lục-địa (Southeast Asia Mainland), phần còn lại là Đông-Nam-Á Hải-Đảo (Southeast Asia Islands) gồm chuỗi đảo chạy vòng cung từ Sumatra tới Luzon nối

liền Âu-Độ-Dương với Thái-Bình-Dương

Định-mệnh

Thực ra thì danh-từ Đông-Nam-Á đã xuất hiện từ năm 1943 trong cái tên của Bộ Tư-lệnh Hỗn-hợp Anh-Mỹ đặt ở Tích-Lan, Anglo-American Southeast Asian Command. Đặt một bộ Tư-lệnh riêng cho một vùng trong thế-chiến không thể là một chuyện ngẫu nhiên của Đồng-Minh mà chắc chắn phải bắt nguồn từ một nhu-cầu có tính cách chiến-lược. Tầm quan trọng của toàn thể khu-vực này đã đặc biệt gây sự chú-ý trước hết cho những người lãnh đạo thế-giới. Đó là điều bất-hạnh nhất cho nhân-dân Đông-Nam-Á mà chúng có đã rành rành trước mắt chúng ta ngày nay, khi Đông-Nam-Á trở nên vùng tranh chấp nóng lạnh của hai phe Đế-quốc Cộng-sản và Tư-bản.

Trở ngược lại trước Thế-chiến 2, chúng ta thấy nhân dân các nước trong vùng đều chịu chung một số phận : Bị Tây-phương thống-trị. Trừ Thái-Lan, dù chưa chính thức bị trị, nhưng cũng đã kinh qua nhiều phen tủi nhục vì sự chèn ép của Tây-phương. Trong trạng huống ấy, Đế-quốc Tây-phương đã trở thành kẻ thù số một trước mắt nhân-dân Đông-Nam-Á. Và dĩ-nhiên họ đã vùng lên chống lại.

Suốt thế-kỷ qua, nhân-dân Đông-Nam-Á đã viết những trang sử đấu-tranh thật anh-dũng. Tuy nhiên trong cái mớ bong bong của một cuộc đời đời vi-đại (từ một xã-hội sống theo nền nếp cũ sang một nền xã-hội luôn

(1) A History of South-East, Asia D.G. E.Hall London Mac Millan and Co Ltd. 1964

¹ uôn xáo động với các ý-thức, tư-trào mới), họ đã không kịp sửa soạn để tự định đoạt lấy số phận bằng chính hướng đi của mình. Nhóm này đã lao theo chiêu bài « Đại Đông Á » của Nhật và đã vỡ mộng khi thấy Nhật chẳng qua cũng chỉ mưu đồ thay thế Tây-phương trong vai trò thống-trị. Nhóm khác đã khoác vội lấy bộ áo Xã-hội đỏ vì tưởng đó là lá bùa chống thực dân hữu hiệu nhất ; Nhưng khoác vào thì dễ, cởi ra thì khó ! Như con thiêu thân đã chịu đèn, họ vẫn tiếp tục lao vào lửa và đã trở thành tay sai của một thứ Đế-quốc gian manh nhất thế-kỷ : Đế-quốc Cộng-sản ! Một số người khác, có thể là những nhóm ôn hòa hơn, đã tranh thủ độc lập bằng những phương cách ít sắt máu hơn, hoặc đôi khi đã được kẻ thống trị tự trao trả độc lập (trong một cái thế không thể dừng). Nhận mà không tốn công nhiều, họ trở thành những đứa con phung phí, chỉ biết dựa vào nước Tư-bản đỡ đầu cho tới khi chợt thấy mình không còn đứng nổi một mình nữa thì đã quá muộn (1).

Cái thảm kịch chung của Thế-giới Nhược-tiểu là ở đó, nhưng cái thảm-kịch của riêng Đông-Nam-Á lại còn khốc liệt gấp bội do nơi vị-trí định-mệnh của toàn vùng.

Nói đến vị-trí định-mệnh, trước hết kẻ viết nghĩ đến hình ảnh cái lò pha trộn các món văn-hóa, sản phẩm tư-tưởng từ mọi ngã và mọi thời-kỳ của lịch-sử loài người. Trong quá trình phát triển, Đông-Nam-Á đã có những sắc thái sinh-hoạt riêng biệt, đồng thời cũng tiếp nhận hai nền văn-minh Hoa, Ấn cùng tất cả các hình - thái, tín-ngưỡng thuộc các tôn-giáo lớn của

nhân loại. Sang kỷ-nguyên mới, thế-giới mở rộng, Đông-Nam-Á lại tiếp nhận một cách cởi mở nền văn-hóa Âu-Tây. Một sự điều hòa khéo léo giữa cái mới và cái cũ, giữa bảo thủ và tiến bộ, giữa tĩnh và động, có lẽ không ở đâu bộc lộ rõ rệt cho bằng xã hội vùng này. Trạng thái đặc biệt ấy không những chỉ là một sự pha trộn Đông Tây kiểu Nhật-bản qua ly rượu Champagne bên đĩa cá sống Sasimi cò truyền, mà hơn thế nữa, còn là sự phơi bày diễn-trình văn - minh nhân loại, như có người đã hình-dung : Văn-hóa thời-đại thạch-khí cộng sinh cùng các phòng thí-nghiệm năng-lực nguyên-tử (Stone Age Cultures coexist with atomic energy laboratories). (4).

Chuyển sang giai đoạn đấu tranh ý-thức-hệ, Đông-Nam-Á một lần nữa lại là cái lò thử lửa của các lực lượng đối kháng trên mặt đất. Dầu muốn dầu không, như định-mệnh đã an bài, Đông-Nam-Á cũng đã bị nhuộm xanh nhuộm đỏ lỗ chỗ khắp nơi ; Và hơn bất cứ nhóm dân nào trên thế-giới, người dân Đông-Nam-Á đã kinh qua những thử thách mới từ chiếc-bánh-băng-bột-lọc trộn-thủy-tinh ngoài phủ kem hồng của Moscou đến những đồng-đô-la tuy thơm mùi giấy nhưng bên trong đã được tẩm sẵn vi trùng đòi bại ở bên kia Thái-bình-dương. Những kinh nghiệm bằng máu và nước mắt ấy đang chói lên từ nội - tâm

(1) Trong History Of The World, Nehru đã cho rằng hình-thức thống-trị xảo quyết (Subtle form of domination) của Đế-quốc Tư-bản mới, khác với bọn Thực-dân Tây-phương cũ ở chỗ không tung quân chinh-phục nhưng chỉ viện-trợ và xen vào nội bộ dần dần làm cho quốc-gia đó mất độc lập lúc nào mà không hay.

những kẻ có ý-thức và sẽ là *đinh lửa làm phản-tĩnh* những phần-tử còn mê lòa trong ảo vọng nương nhờ ngoại viện. Tuy nhiên cho đến khi giác ngộ đủ triệt-đề ngộ hầu chuyển-hóa thời-cơ, nhân dân Đông-nam-Á mà đại-diện là nhân-dân Việt, vẫn còn tiếp tục phải hứng chịu những đòn thù từ đôi bên quật xuống.

Thành ra cái tính-chất khai-phóng trong việc tiếp nhận các tư-trào mới nếu đã làm cho Đông-nam-Á trở thành nơi đúc kết tinh-hoa của tư-tưởng loài người, thì trên thực-tế cũng đã là mối họa vì những lực-lượng tranh chấp ý-thức-hệ.

Nhưng cuộc tranh chấp giữa hai khối hiện tại đầu sao cũng chỉ là cái họa trước mắt; Nguy hiểm hơn thế nữa là cái họa triển miên có tính-cách lịch-sử, lúc âm ỉ, khi bộc phát, luôn luôn treo trên đầu nhân-dân Đông-Nam-Á: Đó là *nhu cầu bành trướng quyết-liệt của Trung-hoa về phương Nam*. Nhu cầu ấy từ lâu đã trở thành quốc-sách và dù cho Trung-hoa có ở trong thể chế Quân chủ chuyên chế, Dân chủ tư-bản hay Độc-tài Cộng-sản, mưu đồ Nam tiến vẫn được tiếp tục duy trì, tuy chiến lược có thể đổi thay, mỗi thời một khác. Vì tính cách trọng đại của nó, chúng tôi sẽ đặc biệt đề-cập tới vấn-đề này trong một bài sau.

Bàn tiếp đến cái mà chúng tôi gọi là vị-trí định-mệnh, nếu đứng trên bình-diện nhân-hoạt, chúng tôi đã nghĩ tới hình ảnh cái lò pha trộn các món văn-hóa, thì đứng trên bình-diện nhân-chúng, chúng tôi lại thấy hình ảnh cái hồ lớn nằm kề lục-địa Đông-Á để hứng lấy và bao bọc tất cả những bầy cá bị săn đuổi từ các dòng suối dòng

sông tản lạc về — Chúng tôi muốn nói tới các bộ tộc Bách-Việt qua nhiều đợt nam-thiên dưới áp lực của Hán tộc.

Ngày nay, xét về xã-hội Người tại Đông-Nam-Á, những nhà nghiên-cứu nhân-chúng không khỏi ngạc-nhiên khi thấy một khu-vực có vẻ hỗn tạp nhất, nếu nhìn thoáng qua bên ngoài, lại cũng là nơi tương-đối rất thuần nhất, nếu đào sâu bởi rễ bên trong. Thật vậy, trừ những sắc dân Australoid và tương tự còn lại rất ít ở vùng đất này, tất cả thành phần dân số chính cấu tạo nên tập-thể Đông-Nam-Á ngày nay đều bắt nguồn từ chủng-tộc Bách-Việt, mà các nhà nhân-chúng-học Tây-phương khi phân loại thường gọi là Indonesian hay Malay.

Milton W. Meyer, giáo-sư sử-học ở California, đã xác-nhận « Khởi đầu từ năm 2.500 trước Công-nguyên, từ phương Bắc, các giống người Malay đã mang theo văn-hóa tiêu-mễ xuống vùng này. Họ là tổ tiên của những dân-tộc Phi-luật-tân, In-đô-nê-sia, Mã-lai, Việt-Nam, Thái-Lan và Miến-Điện. Những cuộc di cư của họ đã xảy ra trong nhiều thế-kỷ; Đất gốc của họ là lãnh thổ Trung-hoa ngày nay và họ đã tạo nên những đợt nam-thiên triển-miên tiếp-diễn xuống khắp vùng Đông-Nam-Á » (1).

Với hình ảnh cái hồ, chúng tôi cũng nghĩ đến đoạn đường chót của cuộc hành-trình lịch-sử. Thật vậy, chúng ta không còn đường nào, nơi nào để mà

(1) « Southeast Asia — A Brief History » của Milton W. Meyer, Littlefield, Adams and Co — 1965.

thiên-di xa hơn nữa. Cửa ngõ thế-giới đã khép lại trong khi áp-lực từ phương Bắc dưới hình-thức này hay hình-thức khác vẫn tiếp tục đè nặng xuống. Chúng tôi cũng không nghĩ gì khác hơn là ý-nghĩ của những người Thái-anh-эм ở bên kia bờ sông Cửu về cùng một mối lo chung của nhân dân Trăm Việt trên vùng định-mệnh này. Ý-nghĩ ấy đã được ngoại-trưởng Thái Thanat

Khoman phát-biểu : « Không con chó nào cho chúng tôi lùi (thêm) được nữa ! Đối với chúng tôi, nơi đây là kháng-diềm đầu tiên và cũng sẽ là kháng-diềm cuối cùng » (1).

PHẠM VIỆT CHÂU

Kỳ tới : **Dấu chân Bách-Việt**

1) Reader's Digest số 533, Bộ 89, tháng 9-1966.

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn chổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện
số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT-NAM

LIÊN ĐOÀN TƯƠNG TRỢ BẢO HIỂM

Hội lập dưới hình thức hồ tương — vốn 10.000.000đ. V.N.

TRỤ SỞ TRUNG ƯƠNG : 7 Lý Thái Tổ — Saigon

Điện Thoại : 90.060 — 92507

Nghị định số : 81 — BTC-BHTH-NĐ ngày 12-1-68

— BÀI ĐỌC QUYỀN

— CHẾ TRUNG GIAN

— HẠ BẢO PHÍ

— BỒI THƯỜNG MAU LẼ

Đó là 4 câu châm ngôn của Liên Đoàn Tương Trợ Bảo Hiểm VN.

BNP

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Nghiên mực Túc - Mặc - Hầu của vua Tự - Đức

Vua Tự-Đức trị vì từ năm 1847 đến năm 1883. Ông có tiếng là một ông vua hay chữ nhất trong dòng Nguyễn-Phúc. Ông Thân-Trọng-Huê năm xưa đã từng viết bài khen ngợi tài học của vua rằng cao và trội hơn cả học lực các quan trong triều, tuy gốc khoa giáp xuất thân. Tôi có dịp kinh-nghiệm tài của ông vua này, tiếc thay tôi là một thằng dốt. Năm 1958, tôi có dịp ra Huế, và được ông quản-thủ viện bảo-tàng ngoài ấy lấy châu-bản ra cho xem. Châu-bản là bản sớ-tấu, tờ điều-trần viết mực đen, của các quan dâng cho vua, và vua phê chữ son vào, nên gọi "châu-bản". Châu là chu, là son, là sắc đỏ. Châu-bản triều Gia-Long, chữ son phê rất ít, vài hàng ngăn ngăn, chữ đều đều. Châu-bản hai triều Minh Mạng và Thiệu-trị, na ná cũng thế, khi ít khi nhiều không chừng độ. Duy qua triều đức Dục-Tôn (Tự-Đức), châu bản quả là một rừng chữ son, chữ dày mịn, nhi-nhít khít rịt và thẳng thớm, có khi còn nhiều hơn phần sớ tấu của các quan, tiếc vì tôi không đọc được. Tôi xin nói thêm châu bản đời Khải-Định, còn thấy phê son bằng Hán-ự. Qua đến đời ông Bảo-Đại, ông này chỉ phê bằng quốc-ngữ, có khi chỉ ký tắt lên tờ sớ hai chữ B.Đ. thật to nhưng cũng thật đẹp. Tôi thấy sao nói vậy, không

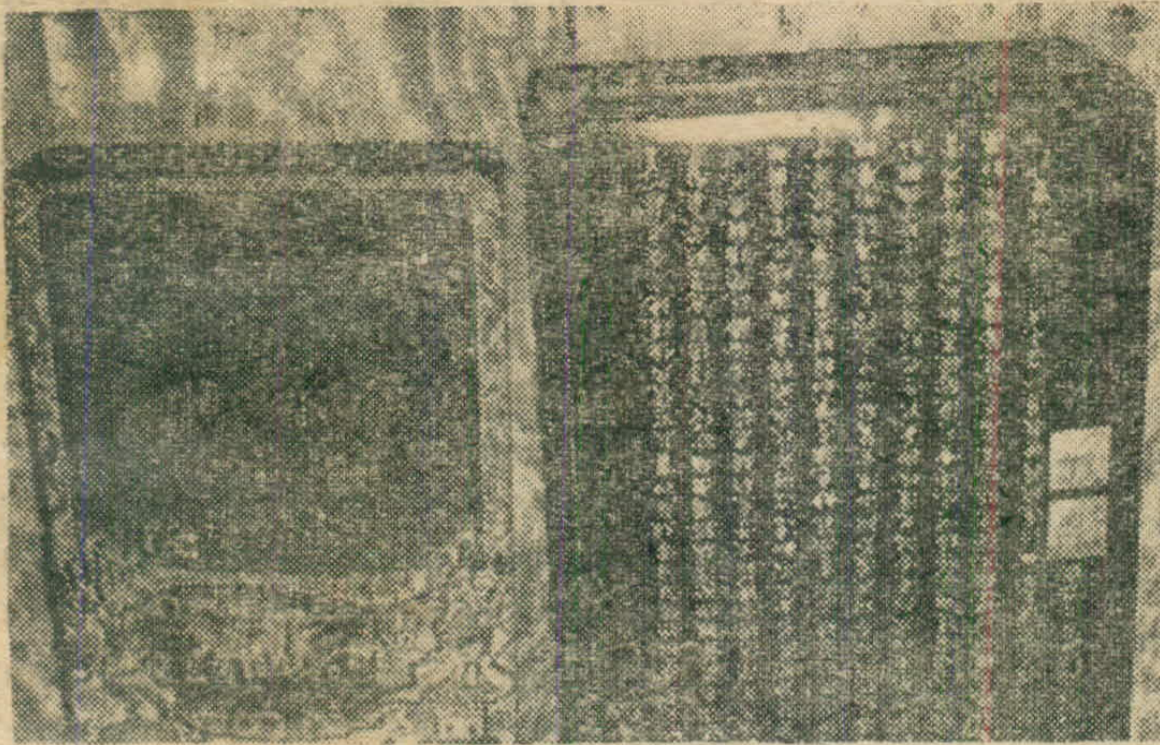
ý gì tăng bốc. Ông này đã theo Tây học, chơi thể thao nhiều hơn cầm viết, chữ Nho chữ Hán, đã cho Tản-Đà đem bán trên chợ trời hết rồi.

Ông Tự-Đức là một ông vua hay chữ, nên những gì thuộc văn phòng tứ bửu, ông hết sức sấm soi. Ông có một nghiên mực đá Đoan-khê, ông rất bằng bụng, nên đã phong nghiên mực là Túc-Mặc-Hầu. Ông đã nhân-cách-hóa (personnifier) một vật vô tri, gia phong tước hầu, vì dâng mực cho ông tước khắc, theo ý ông muốn. Ngày nay ta đã bớt tin dị đoan, hết sợ ma, không chắc có sự huyền bí, nên xem nghiên mực này là tầm thường. Vào thế-kỷ XIX, khoa học chưa phổ biến nhiều trên nước ta, một cục đá khô ngoeo, cầm không dơ tay, thế mà khi muốn có mực, chỉ thôi hơi người vào là mực tươm ra, quả là lạ lùng, phải là nghiên "mực tiên", có phép tiên, mới hiểu được. Đừng nói phong hầu, phong vương cũng đáng. Ông vua là ông vua hay chữ. Ông lại có tánh giản dị, ít sai cắt người dưới tay. Ông viết nhiều, thế mà mỗi khi gấp rút, không sẵn mực mài, nếu đợi cung phi lấy nghiên lấy nước, cọ mài lâu hoặc thì mất hứng, bởi vậy mỗi khi muốn viết vội một vài chữ, hoặc ghi một câu thi

vừa thoáng qua trí óc, đức vua chỉ hà một hơi dài vào nghiên mực quý, tức thì mực cũ còn lại ướt lên và tươm ra đời dào, ôi quý hóa thay nghiên mực này. Tôi tả vụng về thế ấy, ít người chịu tin là có thật. Nhưng tôi xin quả quyết, tôi đã từng được cầm nghiên mực « Túc-Mặc-Hầu » trên tay và thí nghiệm chính tôi. Kỳ tôi ra Huế năm ấy, một bữa sáng, ông T. T. Đ. tiếp tôi tại viện bảo-tàng. Ông tiếp tôi một cách hết sức niềm nở, không biết vì tại mớ tóc bạc của tôi hay vì ông vốn là người tôn thất, nên sẵn cử chỉ đẹp. Ông lấy nghiên mực ra cho tôi xem. Túc-Mặc-Hầu (xem hình), vóc lớn và nặng cỡ hai phần ba miếng gạch Tàu, nhớ độ chừng, cũng lối othzo bề dài, othzo bề ngang và othzo bề dày. Bởi là loại đá bùn đá nôi, nên tôi nói nặng bằng gạch Tàu. Về cách chạm trở thì tuyệt mỹ. Nét chạm tinh vi, viên đá tron bèn và thời gian đã ký tên vào bằng một màu cổ kính không giả mạo được. Tôi lật bề trái xem trước, thì là một bài thi « ngự chế » của đức Dực-Tôn, đề cao đặc tánh có một không hai của Túc - Mặc - Hầu. Chữ khắc nôi, mạ vàng lên trên, sắc sảo vô song, tiếc vì ảnh chụp không đủ sức làm lộ ra nét độc đáo này. Tôi xem qua hộp đựng, thì là một cái hộp rất mỹ-thuật làm bằng đồi mồi Hà-tiên, trong trẻo và vàng hực, làm cho bài thi « ngự chế » khắc lên nắp trên nắp dưới cái hộp càng khiêu gợi ; theo tôi, nội cái hộp cũng đủ là một mỹ-phẩm tuyệt tác. Đồ ngự, đồ của vua dùng, thảo nào ! Xem rồi bề trái cái nghiên, xem một loạt cái hộp đựng, tôi mới lật ngửa cái nghiên xem qua bề mặt. Phần trên của nghiên mực thì chạm

hình nôi : một gốc cồ-tùng ngoằn-ngoè cho xứng là thiên-niên-thọ, kể bên là một cồ-đỉnh tượng ra một « tiên động » tuyệt khéo, nóc trở từng miếng ngói đều đặn, từng và đỉnh có lùm mây bao phủ, gợi ý đây là tiên cảnh không phải chốn phàm trần...

Phần dưới kể đó, sát chừa « từng-đỉnh » là một bề con dùng để chứa nước mài mực, giữa bề là một củ lao, chạm tằm tiên ông đượng vây tròn, hình như họ chùm nhum nhau lại đây để ngắm ngía một bức tranh cồ mà mỗi tiên-ông nắm lấy một chéo, dường như tranh này quý lắm phải thận trọng từ chút khi chiêm ngưỡng. Chung quanh nghiên mực có chạy một đường biên, là một viền hồi-vấn kiểu « chân muỗi », Pháp dịch là « en pattes de mouche », tuy nói làm vậy chớ tôi thấy chân muỗi chân ruồi chưa mịn và nhỏ số bằng nét chạm li ti này. Cả hồi-vấn và bức chạm nói trên đóng khuôn cho một khoảng chừa trống và chạm khuyết, phẳng lý và tron tru ; mới xem, không đề ý, không thấy gì là đặc sắc, sau tôi nhìn kỹ thấy trên mặt đá, tuy bằng phẳng nhưng có bảy tám chỗ lạ lạ, y như nốt mắt cây mắt cá, trông cỡ đầu đũa và màu sắc dợt hơn màu đá chung quanh. Chính sau này tôi mới biết đó là những túi nước huyền bí của nghiên mực, trong sách Trung-hoa gọi là « cù-dục-nhãn », nôm na là con mắt của chim cù-dục. Tôi tra tự-điền chỉ thấy trong Gustave Hue ghi : « Cù-dục » là một loại họa-mi (grive). Tôi cầm nghiên mực, nắm chặt vì sợ rúi ro, xem trước xem sau, xem kỹ lại từ trên tới dưới, thú thật tôi không thấy chi là lạ là khác những nghiên mực đá đã thấy đâu đây, bất quá nó



Hộp đựng
và Nghiên mực
Tức-Mặc-Hầu

khéo hơn, nét chạm tinh vi hơn, vậy thôi. Tôi vừa định hoàn lại ông T.T.Đ. nhưng ông biết ý nói nhỏ nhỏ đủ tôi nghe: "Cụ thồi hơi vào đó thử coi." Tôi vâng lời, nâng nghiên mực lên gần mặt và thồi một hơi dài lên chỗ mài mực. Bỗng tôi giật mình, hết sức kinh ngạc khi thấy dưới bóng ánh sáng ở ngoài cửa rọi vào, hơi thở của tôi khi nãy đã biến thành một làn mỏng ngũ sắc, chạy lên chạy xuống trên mặt nghiên mực rà sát da đá rồi bỗng biến mất. Ông T.T.Đ. bảo tôi lấy ngón tay quẹt thử thì quả nhiên mực ở đâu dính tay và ướt đầu ngón như thấm mực của ai mài sẵn hồi nào không hay. Mà chớ chi nghiên đá này « nông nước », ẩm ướt như đá mài dao thì đâu có chi là lạ. Đàng này, trước khi hà hơi vào đó thì cục đá vẫn khô rom cho nên tôi cầm nó mà không dơ tay, thế mà khi có chút hơi người thồi vào để mượn sức, thì tức khắc bảy tám chỗ « cù-dục-nhãn » kia làm phận sự và mượn hơi thở của tôi mà tiết ra đủ nước cần dùng, pha mực ít nào cũng đủ cho một người hối hả xoe tròn cây bút lông và có đủ mực

đề nguyệt-ngoạc muốn vẽ vờ hay muốn viết đỡ năm ba chữ đều được. Thiết là thần bí quá và quý hóa quá. Trong thời buổi chưa chế tạo ra cây bút chì, cây viết bi chưa sanh và các loại bút máy chưa ra đời, xin hỏi người nào có một nghiên mực có phép lạ như thế không lấy nó làm quý sao được? Thật là đáng phong làm Tức-Mặc-Hầu (1) Và nhớ đầu năm xưa nghiên mực này đã được trị giá bạc triệu cũng không có chi là quá đáng. Theo ý tôi, bạc triệu ngày nay giá lấy Mỹ phải thời có còn hơn; đừng nói đầu xa, một anh thợ giặt đồ dơ, đừng vội chê làm nghề hạ tiện, như điều gặp gió, ảnh xây cất buynh-dinh không mấy hồi. Dầu sao đi nữa, nghiên mực này quả là một bảo vật thế-gian hy hữu, một trân-ngoạu thế-

1.— Năm 1967, tôi ra Huế lần chót, có được nghe một nhà nợ cũng có một nghiên mực có cù-dục-n'ãn và đồn rằng nghiên mực này quý lắm vì vốn là lấy ngói cung Vị-Uơng đời Han tạo ra, có trên ngàn năm tuổi (Vị-Uơng-cung-ngõa). Tôi không dám tìm xem vì sợ rui có điều gì, người chủ sẽ nghi tôi điếm chi.

thượng vô song, tôi không còn danh từ nào xứng đáng để mô tả cái quý lạ của nó, theo trí óc ương gàn của tôi. Đánh giá nó bạc triệu cũng chưa là vừa. Ấy thế mà ngày nay nó đã mất: nước Việt-Nam ta đã mất một món đồ-vật, một báu-vật hiếm có rồi!

Nếu tôi có mê nghiên mục Tức-Mặc-Hầu thì chẳng qua là tôi mê nó như trăm ngàn người đi xem ciné, mê bình dung các cô đào trên màn ảnh. Giá thử bây giờ ai tìm gặp, đem cho tôi nghiên mục Tức-Mặc-Hầu, để tôi đem về nhà làm của riêng, thì tôi cũng lạy dài mà từ chối, vì tôi biết tôi bạc phước, không đủ sức làm chủ vật quý dường ấy.

Ấy thế mà trước đây, đã có một người si mê nó đến tột bực và mê nó đến bất chấp lương tâm. Người đó nay đã chết, nên tôi không nói tên ra làm gì. Người đó thuở sanh tiền có tiếng là thanh liêm không ai bì. Đã được tiếng thanh liêm dường ấy, tại sao đắm mê chi nghiên mục Tức-Mặc-Hầu là một nghiên đá lọ lem đen thúi đen thui vì dính đầy mực. Người đó đã đem nghiên mực về Sài-Gòn, làm chủ riêng một mình. Tôi thấy cái gương này tôi ngụ ý trên đời không nên sớm khoe rằng mình trong sạch, rằng mình thanh liêm không ai bằng. Quá mức thì hết thanh liêm. Ông huyện tuổi Tý, bởi thanh liêm nên nghèo. Sau biết được châu xưa dân đi lễ một con chuột đặc bằng bạc ròng nên mới có mà xài. Chẳng lành mà chớ, ông lại trách vợ năm xưa sao không nói mình tuổi Sửu, cho món lễ lớn bằng con trâu, chẳng sướng hơn? Đến như ông tôi đang nói chuyện đây, cho đến ngày ông chết, tôi thấy ông đi đâu chỉ

có một cái nón nỉ trên đầu và một cây gậy ba-toong cầm tay (nay gậy và nón lọt về tay ai hé?), trọn đời ông làm như không màng đến của cải (bộ hạ ông vor vét cũng đủ chết cha dân), thế mà ông đắm mê chi cái nghiên mực quèn, nghi cũng lạ thật. Ông tôi nói đây, lúc nhỏ, học tại trường Hậu-Bồ ngoài Huế. Tạp san Đô thành hiếu-cổ (Bulletin des Amis du Vieux Huế) có đăng một bài khảo-cứu bằng Pháp-văn do ông viết, trong bài đó, ông phiên dịch kỹ càng những bài thi chạm trên hộp và trên nghiên mực và kể lại rành rọt những loại đá quý, Trung-Hoa lấy đó làm nghiên mài mực, trong số đá ấy có một thứ lấy trong núi Đoan-Khê là tốt nhất. Và trong số trăm ngàn nghiên mực Đoan-khê, thỉnh thoảng mới gặp một nghiên màu nhiệm như nghiên Tức-Mặc-Hầu, và nghiên nào có cù-dục-nhân thì gọi là ngọc chớ không phải là đá nữa. Đối với ai có tánh hiếu kỳ, muốn biết thêm về nghiên mực lạ này, tôi xin mách nên tìm đọc bài khảo cứu của E. Gras và của tác-giả nhắc đây, in trong tạp san Đô-thành hiếu-cổ năm 1917, từ trang 207 đến trang 212. Khi ông lên tột phẩm nấc thang danh vọng, thì có người ngoài Huế biết chỗ nhược của ông nên ôm nghiên mực vào đây tấn công. Tôi biết chắc chắn vì từ năm 1959 đến năm 1962, mấy lần ra Huế tôi hỏi thăm thì người ta nói với tôi Tức-Mặc-Hầu đã vào Nam. Và ngày nay ý muốn của tôi là muốn sao nếu nghiên mực này, không còn duyên nợ với viện bảo-tàng Huế, thì nó phải được (hầu) hồi về ở viện bảo-tàng Sài-Gòn mới là xứng nơi xứng chỗ. Phải nói tôi theo dõi viên ngọc

Tức-Mặc-Hầu và theo bèn gót như bóng với hình. Sau khi điện Gia-Long bị phá, ông bỏ chạy kể bị giết hôm sau. Nghiên mực cũng mất tích luôn từ đó. Tôi cứ hỏi hoài mà cho đến nay vẫn chưa ra manh mối. Sau ngày đảo chánh, ai nấy lo mất nước, mất nhà, tôi lo mất nghiên mực. Tôi hỏi khéo ông quản gia giữ đồ vật trong điện Gia-Long, ông trả lời ông chẳng bao giờ thấy nghiên mực này. Tôi mượn nhạc gia của ông quản gia hỏi lại ông, ông cũng đinh ninh nói rằng không biết. Hỏi mãi, có người đưa ra thuyết hay là nghiên mực có chun, đã chạy tốt qua La-Mã, qua Paris, hoặc mẹ em dâu ác ôn đã bán quách nó cho ngoại quốc rồi. Kể đến tháng chín năm 1964, tôi cũng bị cho ra rìa, thôi làm quản thủ viện bảo-tàng Sài-Gòn. Nhưng tôi không thôi theo dấu nghiên mực quý đã bị ai lấy mất từ điện Gia-Long. Gần đây, một người đáng tin, nói với tôi nửa úp nửa mở, rằng nghiên mực Tức Mặc-Hầu chưa ra ngoại quốc, còn ở lẫn quần đâu đây hoặc vùng Sài-Gòn, hoặc còn trong nước không xa, và ở trong tay một người nọ, nghèo lắm túng lắm, chức vị nhỏ lắm, nhưng va không khứng xa lìa viên ngọc. Tôi nghe làm vậy và hỏi thăm cách mấy cũng không ra manh mối gì thêm, nên đành hôm nay nói tách bạch ra đây, trên mặt báo, họa may thấu đến tai nhà hữu quyền. Những ai có lòng với văn-hóa, biết bảo tồn quốc túy, hãy rán phanh cho ra manh mối, hầu cứu vớt nghiên mực này khỏi bước lạc loài. Nếu người nay giữ nó không ham tiền bạc, thì cũng có cách khác tưởng thưởng xứng đáng công khó y gìn giữ bấy lâu : thăng chức, phong quan, v.v.. Chừng

nào viên ngọc kia trở về nhập vào viện bảo-tàng quốc-gia, khi ấy tôi mới yên tâm. Ngày nào nghiên Tức-Mặc-Hầu còn trên đường lưu lạc thì không khác của báu — bở như vỏ trứng — còn trên bước phiêu lưu mỏng manh. Phải sớm thấu hỏi về kho chắc chắn mới được. Nước ta đã mất nhiều châu báu vì không biết giữ gìn. Bấy cây ngọc Như-Ý tôi sẽ nói trong kỳ sau, bao nhiêu đồ sứ đồ sành bán đũa bán mớ bấy lâu ra ngoại quốc... Nạn Tết Mậu-Thân, viện bảo-tàng Huế bị hư hao phân tán. Rồi đến phiên nghiên mực này. Cứ cái đà ấy, sau này còn gì báu trong nước ta. Tỷ dụ người này muốn giữ nghiên mực tìm được làm dấu tích, cũng tạm được đi. Nhưng qua đời con đời cháu, biết có trường cửu không? Không khéo, cầm lòng không đậu, nghe lời ai đó, bèn bán ra ngoại quốc, chẳng là uổng lắm. Hoặc không đủ tài giữ gìn, hoặc bị nhà cháy, hoặc bị mất cắp, khi ấy đã muộn, than tiếc ích gì? Tôi nhớ một chuyện cũ, xin lấy ra làm kết luận. Trước đây, ngoài Miền Trung, một ông được sư sinh nghề, thôi bán cao đơn hoàn tán, nhảy ra làm thủ-hiến. Ngày nay ở Huế, ai qua cầu Trường-Tiền, đầu cầu mé trái, ngang đối diện nhà Morin (Đại-Học Văn-khoa) sẽ thấy một tấm bình phong xây bằng gạch dùng để ghi lên đó những câu nung nấu tinh thần ái-quốc. Tấm bảng này chạm nhiều câu tốt đẹp, nhưng tại sao ông được-sư, quên, ông thủ-hiến năm đó, lại viên một hàng hồi-văn y như nhãn thuốc hiệu Tây? Hèn chi người ta nói « văn tức là người » và bao giờ giấu đầu thì lòi đuôi là thế! Trong năm đảo chánh kỳ nhứt, quốc-sử-quán Huế có

mất rất nhiều tài-liệu quý giá. Ông thủ hiến bán thuốc Tây, thay vì nói ngọt khuyên nhủ những người lượm mót giấy má tài-liệu trong quốc-sử-quán, hãy thâu góp trả lại cho chánh phủ, nếu không tiền thưởng đền thì thưởng bằng lời khen cũng đủ, nếu biết nói mất tai thì ai mà không tra không chịu. Đảng này lão viết cáo-thị hăm he đủ thứ nên dân chúng vừa ghét lão mà ghét lây mớ tài liệu kia, bèn tuôn hết ra chợ Đông-Ba để gói đồ hoặc thủ tiêu trong lửa bếp. Hành-chánh vô duyên, kết quả tai hại là thế.

Tôi lựa một tỷ dụ vô duyên không

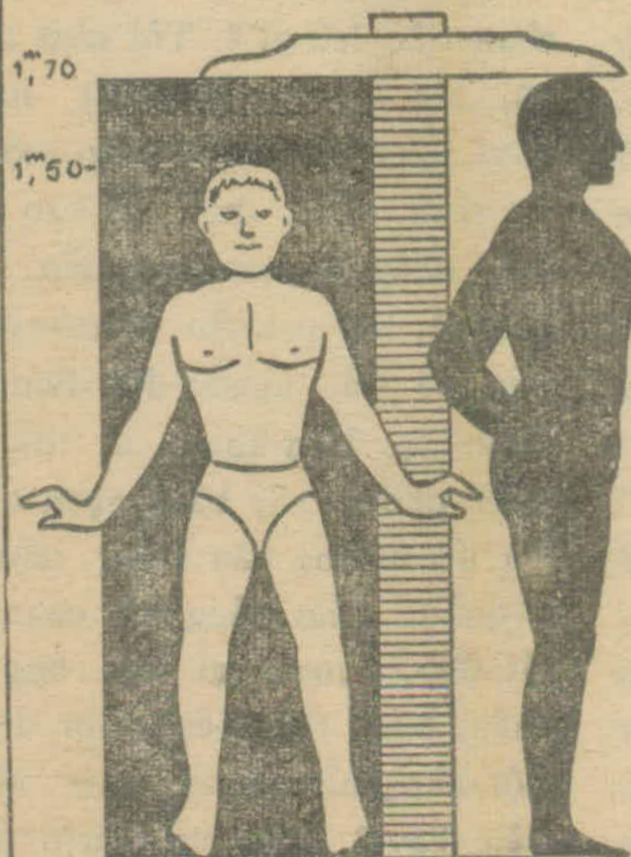
thua ông Thủ-hiến, tôi xin chịu tội. Tôi không muốn lấy đó làm trù ẻo, tôi chỉ muốn thấy nghiên mục vua Tự-Đức chấm dứt bước lạc loài và trở về với chánh phủ. Tôi cũng có lời tạ lỗi với người đã mách tôi về tình trạng lưu vong của nghiên Tức-Mặc-Hầu. Tôi mắc tội thày lay, chẳng qua vì muốn thấy "ngọc bích Triệu huân", muốn cho của báu trở về chánh phủ.

Đêm No-en 1968

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

S6 KN 78 MBYTIQCDP

Một khám phá mới mẻ về DI TRUYỀN TÍNH

Mới đây một nhà bác học người Đức nói cả quyết rằng trong 20 năm nữa người ta sẽ biết được bí mật của sinh vật nhưng Giáo-sư Brachet, trường Đại học nước Bỉ, có một thái độ kềm lạc quan hơn nhiều.

Ông nói : « Tuy rằng khoa học ngày nay tiến rất nhanh nhưng tôi nghĩ rằng 20 năm chưa đủ để biết hết các động-cơ của thế-giới sinh-vật ». Chúng ta đã gần hiểu tại sao một con vi-khuẩn sinh đẻ ra những con khác y hệt nó. Một vài nhà khảo cứu đã giải thích hiện tượng ấy và đã được giải thưởng Nobel.

F.C.Crick và J.D.Watson đã chứng minh rằng gia tài truyền thống của mỗi giống vật được xếp gọn trong phân-tử ADN dưới hình thức những mật hiệu, như một cuộn băng đục lỗ dùng trong máy truyền-tin vô-tuyến-điện hay máy điện-tử.

F. Jacob và J. Monod, tại viện Pasteur đã cắt nghĩa được động-cơ mở và đóng các hạt truyền-giống (gène), đồng thời cho chạy guồng máy tổng-hợp hóa-học hay hãm máy lại. Như vậy hai ông đã cung cấp cho chúng ta một hình ảnh toàn-diện về động-cơ của đời sống.

Người ta lựa con vi-khuẩn làm đối

tượng khảo-sát kể ra cũng hữu-lý, vì nó là sinh vật đơn giản nhất trong thiên nhiên. Chất ADN của nó chỉ là một chuỗi độ 1000 hạt truyền giống. Nó cũng là một sinh vật dễ nuôi nấng, dễ quan sát và sinh sản rất chóng.

Nhưng khi muốn áp dụng khoa-học sinh-vật phân-tử để giải thích các tế-bào nòng nọc và chuột, thì người ta mới biết rằng những tế-bào đã phân-hóa có cơ-cấu phức-tạp hơn nhiều. Bởi vậy cho nên có nhiều nhà khảo-cứu, như F. Jacob chẳng hạn, từ bỏ việc khảo-cứu vi trùng để nghiên-cứu khoa sinh-vật tế bào.

ADN một nhà độc-tài ?

Sự hiểu biết về tế-bào chỉ là những kiến-thức mới đạt được. Mới cách đây khoảng 30 năm, khoa học chỉ biết rằng tế-bào hiện ra dưới ống kính hiển vi là một chất trong suốt và đồng thể.

Hẳn là người ta đã nhuộm màu được cái nhân của nó để nhìn thấy rõ hơn. Khi tế bào phân đôi người ta cũng trông thấy rõ những sợi dây có xoắn gọi là dây nhiễm sắc (chromosome), nghĩa là vật đã nhuộm màu. Nhưng chỗ còn lại — tế-bào-chất (cytoplasme) — chỉ hiện ra như một chất đông chứa đựng

một vài hạt lăn tăn như hạt cốm.

Rồi sau, phương tiện làm việc tinh vi hơn người ta khám phá ra một thế giới đa tạp : nào là ống dẫn, nào là thùng chứa, nào là cơ quan vi ti để tiêu hóa, để hô hấp, cả một tổ chức/phức tạp tế vi.

Nếu muốn dùng những kết quả đã lượng được khi nghiên-cứu thế giới vi-khuẩn để giải thích thế giới đa tạp của tế-bào thì thật là khiêm khuyết không đủ dùng.

Bởi vậy, một trong những vấn đề hiện thời của sinh-vật-học là tìm hiểu sự tổ chức và điều hành những cơ quan trong tế bào. Mới đây người ta còn tin rằng toàn thể quyền chỉ huy tế-bào được tập trung vào cái nhân. Người ta có quan-niệm ấy vì đã lấy cơ-cấu tổ-chức của con vi-khuẩn mà suy rộng ra, chất ADN chỉ-đạo toàn-thể cơ-cấu. Một vài hạt truyền-giống của ADN trong thận con vi-khuẩn chỉ-huy sự tổng-hợp chất đàn-bạch (protéine) xây dựng ra cơ-thể của nó. Một vài hạt khác, điều khiển sự tổng-hợp chất đàn-bạch, đảm nhiệm những công việc dịch-hóa hóa-học. Không những ADN chỉ-huy sự kiến trúc cơ-thể con vật mà còn chỉ-huy tất cả các hoạt động của cơ-thể nó. Ngoài ra ADN còn chỉ huy cả sự tổng-hợp những đàn-bạch có nhiệm vụ kiểm soát.

Quyền địa-phương

Di nhiên, kết quả lượng được về vi-khuẩn ấy có thể đem áp dụng với những tế-bào đã tiến-hóa đến mức phức-tạp hơn, với điều kiện là kể đến một sự khác biệt duy nhất : trong người con vi-khuẩn thì chuỗi ADN đề trần và chỉ có chừng 1.000 hạt truyền giống, còn như trong tế-bào của động vật hay thực-vật thì chuỗi ADN

được bao phủ bởi một lớp đàn-bạch (protéine) và chứa đựng hàng chục ngàn hạt truyền giống, có khi hàng triệu hạt. Người ta tưởng rằng chuỗi ADN chỉ có ở trong cái nhân của tế-bào, dưới hình thức những sợi dây gọi là dây nhiễm-sắc (chromosome). Nhưng xét ra, nghi như vậy hình như không đúng lắm. Mới đây người ta đã khám phá ra một số lớn chuỗi ADN trong tế-bào-chất của quả trứng. Đối với một vài giống vật, như trứng con ếch chẳng hạn, trong tế-bào-chất tỷ-lệ ADN chiếm hơn 80% tổng số ADN. Như vậy, không phải cái nhân của tế-bào chỉ-huy toàn thể tế-bào một cách độc đoán. do đó người ta phải nghĩ đến sự phân-quyền theo chế-độ dân-chủ.

Ta thử lấy thí-dụ một tế-bào động-vật hay thực vật, trong tế bào có những cơ quan vi ti để tiêu hóa hay để hô hấp. Những cơ-quan vi ti ấy gọi là organite. Một loại cơ-quan vi ti rất quan trọng gọi là ty-lạp-thể (mitochondrie) mỗi tế bào chỉ có chừng vài chục ty-lạp thể. Ty-lạp-thể là những Trung-tâm tinh-lực, những bình điện của tế-bào. Cái trung-tâm tinh-lực ấy không thuộc quyền chỉ-huy của nhân tế-bào. Hẳn là nhân tế-bào có quyền kiểm soát những điều-tổ (enzymes) tức là những nhân viên làm việc trong trung-trong tinh-lực, nhưng sự xây cất trung-tâm thuộc quyền của địa-phương. Ty-lạp-thể cũng có riêng những chuỗi ADN chẳng khác nào hạt nhân của tế bào; ADN trong ty-lạp-thể điều khiển sự tổng hợp chất đàn-bạch để tự tạo, không cần lệnh của cái nhân.

Ở Bruxelles người ta đã nghiên cứu nhiều về loại rong xanh có mũ gọi là "Acetabularia". Trong cây rong ấy cũng như các loại rong và rêu khác,

trung-ương tinh-lực đều chứa đựng chất điệp-lục-tố có đặc tính hút tinh-lực của mặt trời. Người ta đã chứng minh rằng trung-tâm tinh-lực của loài rong Acetabularia chứa đựng một số ADN quan trọng nhiều hơn cả số ADN trong hạt nhân tế bào.

Sự phân-quyền

Chuỗi ADN của trung-tâm tinh-lực có khả năng điều-khiển sự tổng-hợp chất đạm-bạch ngay tại chỗ không cần lệnh của nhân tế bào. Khi chúng ta cắt mất cái nhân đi, trung-tâm tinh-lực vẫn làm việc và sinh sản. Điều này thật là kỳ lạ đối với chúng ta, bởi vậy người ta đã có ý so sánh trung-tâm tinh-lực với những tế bào nhỏ nằm ở trong tế-bào và sống cộng sinh với tế bào.

Còn một cơ quan khác của tế bào cũng còn ở trong vòng bí mật và cũng nêu lên những vấn đề tương tự, đó là trung-tâm-thể (centrosome). Trung tâm thể điều động sự sinh sản, nghĩ là sự phân đôi của tế bào. Trong sự phân đôi chính trung tâm thể phân đôi trước cả cái nhân của tế-bào. Như vậy chắc là nó cũng có chuỗi ADN và làm việc một cách tự trị. Người ta cũng rất ngạc nhiên khi nhận thấy phần lớn ADN của quả trứng ếch được chứa trong tế-bào-chất (cytoplasme), một chất tương đương với lòng đỏ trứng gà. Chuỗi ADN đó cũng có đủ tài-liệu về di-truyền-tính của con ếch

Chất ADN đó ở đâu ra ?

Vì ADN có nhiều đạm-bạch và đạm-bạch rất giàu chất phốt-pho (lân chất) cho nên người ta nghĩ rằng nó có thể thoát ra từ lá gan của con vật mẹ : quả vậy, lá gan tạo ra chất lòng đỏ trứng gà.

Vào mùa xuân năm ngoái, người ta

đã chứng minh được giả-thuyết ấy. Người ta nhận thấy ếch cái sau khi đẻ trứng, lá gan của nó xuất huyết. Trong thời gian cấu tạo trứng, những tế bào ở lá gan nứt ra, và tổng cái nhân ra ngoài. Sợi dây nhiễm sắc (chromosome) chạy vào trong máu để rồi tụ tập lại trong lòng đỏ trứng đang được cấu tạo. Công việc khảo cứu này được gửi đến Hội-nghị Quốc-tế Phôi-thai-học (embryologie) và khám phá này đã được Hội-nghị chú ý.

Sự sinh-sản không cần nam nữ tính.

Có lẽ đây là lần đầu tiên người ta chứng kiến sự kiện sau đây : vật-liệu di-truyền chuyển từ cơ thể mẹ sang con không cần sự tái tạo dây nhiễm-sắc (chromosome) bằng đường lối giao-hợp dục-tính. Chất ADN trong lòng đỏ trứng dùng để làm gì? Không nên phóng-đại vai trò của nó và cho rằng nó truyền lại những nét quan trọng của con vật. Có thể vai trò của nó chỉ có tầm tác dụng địa-phương, nghĩa là có tác dụng trong phạm vi lòng đỏ trứng mà thôi.

Người ta đã ngâm trứng ếch vào trong một thứ thuốc khử độc là acridine, thuốc độc chỉ làm tê liệt chất ADN không nhiễm-sắc-thể mà thôi. Trứng ấy nở ra những con nòng nọc yếu ớt, chỉ sống được 15 ngày. Xem ra thì những bắp thịt của nó có chất lòng đỏ trứng. Như thế đủ tỏ ra chất ADN. đó có nhiệm vụ biến chất lòng đỏ ra thức ăn của cái trứng. Nhưng chất ADN đó còn có những nhiệm vụ khác mà ta chưa biết.

Còn những cuộc thí nghiệm khác cho biết rằng cái nhân của tế-bào cũng chịu

quyền kiểm soát của tế-bào-chất chứ không phải có toàn quyền.

Một nhà bác học ở Oxford, ông J. Gurdon, tách bỏ cái nhân của trứng cóc, ông đem thay thế bằng cái nhân khác lấy ở não-bào của một con cóc đã lớn. Ta biết rằng não bào không bao giờ sinh ra não-bào khác, chất ADN của nó của nó không hoạt động. Nhưng cái nhân của nó ghép vào một tế-bào còn trẻ lại thức tỉnh và phân đôi để sinh sản thêm mãi.

Người ta tưởng rằng cái nhân có độc quyền chỉ huy vì người ta căn cứ vào phương thức truyền lại di-truyền-tính của nó. Di-truyền-tính ấy khắc vào trong chuỗi ADN, muốn truyền lại thì phải chép ra một bản khác đem ra ngoài cái nhân rồi dùng vào việc tổng-hợp chất dẫn-bạch. Huyết-sách-tổ (hémoglobine) của hồng-huyết cầu là một chất dẫn-bạch. Nó là một cái dây làm bằng hàng trăm hạt a-cit a-min dính vào nhau rồi cuộn lại như một cuộn len. Trong thiên-nhiên, chỉ có độ 20 thứ a-cit a-min. Tùy theo cách sắp xếp 20 hạt a-cit theo thứ tự khác nhau mà người ta có nhiều thứ dẫn-bạch.

Sản-xuất dẫn-bạch theo kiểu dây truyền

Như vậy vấn-đề chính là tìm hiểu xem cách sắp xếp hạt a-cit thế nào. Người ta có 26 mẫu-tự từ A đến Z, tùy cách ghép những mẫu-tự mà chúng ta viết ra bao nhiêu là chữ. Trong sự cấu tạo dẫn-bạch cũng vậy, tùy theo cách ghép những hạt a-cit, chúng ta cũng có rất nhiều thứ dẫn-bạch. Ghép mẫu-tự thành chữ thì ta có quy luật dùng nguyên-âm, phụ-âm, vần bằng, vần trắc, vần vân... Ghép a-cit thành dẫn-bạch thì cũng phải theo quy

luật, và quy-luật ấy do chất ADN đề xướng. Nó đề xướng ra quy-luật rồi sẽ có chất điều-tổ (enzyme) cứ theo đó, ghi vào một cái băng, như băng truyền tin; cái băng ấy gọi là «ARN liên lạc». Băng «ARN liên lạc» từ trong hạt nhân chạy ra thì đã có một anh thợ. Lại đứng chực sẵn đấy, anh này tên gọi là ribosome. Anh thợ lại đọc từng chữ trên băng và theo đúng chữ mà dán vào đấy một hạt a-xit đúng với chữ. Dán hết hạt này đến hạt khác, lần lần những hạt a-cit dính lại với nhau thành một sợi dây dài, dây đó quấn lại như cuộn len; thế là ta có một viên dẫn-bạch. Ba nhà bác-học Mỹ, Holley, Nirenberg và Khorana được giải thưởng Nobel 1968 vì đã khám phá ra bí mật của sự di-truyền, như mô tả trên đây.

oOo

Song viên dẫn-bạch này, anh thợ-lại tiếp tục làm các viên khác. Chỉ 3 phút sau viên dẫn-bạch được chuyển vào ống dẫn của tế-bào, rồi 5 phút sau lại được dẫn đến một cái thùng chứa. Người ta biết được tốc độ sản-xuất của cái xưởng thiên nhiên đào tạo dẫn-bạch ấy nhờ cách lấy cac-bon 14 phóng-xạ-tính đánh dấu một hạt a-xit rồi theo dõi cuộc hành-trình của nó. Độ 10 phút sau thì viên dẫn-bạch được đưa ra ngoài để tạo thành một cái xương, một điều-tổ hay một kích-thích-tổ, tùy trường-hợp. Vai trò của anh thợ-lại là làm từng viên dẫn-bạch một, để cấu tạo ra đủ mọi thứ trong cơ-thể sinh-vật, từ con vi-khuẩn đến loài người.

Điều lạ là trong vũ-trụ, anh thợ-lại nào cũng giống hết anh thợ-lại nào, dù anh ta công-tác trong thân con

vi-khuẩn, con chuột, hay người ta ; và cũng vẫn anh ta làm ra hàng ngàn loại đản-bạch khác nhau.

Anh ta làm được công việc ấy vì nhiệm-vụ của anh chỉ giới-hạn trong phạm-vi dán hạt a-cít theo băng «ARN liên lạc», muốn có loại đản-bạch khác chỉ việc thay băng đi, đưa băng khác vào là anh ta làm đúng ý muốn. Như vậy, muốn tạo thứ đản-bạch nào thì chỉ cần chọn thứ băng phù hợp với thứ đản-bạch ấy là được rồi.

Người ta khám phá ra sự bí mật ấy nhờ khảo cứu con vi-khuẩn. Đối với con vi-khuẩn thì cái băng ARN liên lạc đó không giữ được lâu, sau mỗi lần làm xong một viên đản-bạch người ta lại tháo băng ra bỏ vào thùng rác và thay thế bằng băng mới, Một vài thứ băng chỉ dùng độ một phút rưỡi là bỏ. Bởi vậy con vi-khuẩn phải luôn luôn thỉnh ý chuỗi ADN của nó để xin băng mới.

Trong tế-bào con vật thượng-đẳng thì hình như băng được tiết-kiệm hơn không đến nỗi phí phạm như thế. Người ta nghĩ rằng, trong một tế-bào động-vật hay thực-vật một cái băng «ARN liên lạc» được dùng hàng giờ, hàng ngày, có thể hàng tháng, và có lẽ còn dùng lại nữa. Bởi vậy cho nên tế-bào có thể làm việc mà không cần đến cái nhân.

Thí dụ như con amibe, vi-trùng bệnh kiết, nó có thể sống thêm mấy ngày sau khi bị lấy mất nhân. Cây rong Acetabularia, đã nói ở phần trên, cũng vậy ; người ta lấy mất nhân của nó mà nó sống được thêm ba ngày, nếu là con vi-khuẩn vì đã xuống âm-phủ từ lâu rồi. Cái băng «ARN

liên lạc», ngoài công việc thường xuyên của nó, còn có nhiệm vụ điều-hoà tình-trạng sinh-hoạt của tế-bào. Thí dụ cây rong đã thí nghiệm, nếu rụng mất tán là nó tự ý làm lại cái tán khác khỏi cần hạt nhân. Trùng con hải-đỏm (oursin) có thể tổng-hợp được đản-bạch, khỏi cần đến hạt nhân, ấy là nhờ một vài thứ «ARN liên lạc» sống lâu được trong tế-bào-chất (cytoplasme).

Phương-thức điều-chỉnh của tế-bào

Sự tác-động của tế-bào phức-tạp và mềm dẻo đến mức độ kinh khủng, nhờ vậy nó thích-ứng rất dễ dàng với hoàn-cảnh.

Khả-năng điều-chỉnh tình-trạng cho thích-hợp với nhu cầu rất khác nhau từ con vi-khuẩn đến con vật thượng-đẳng ; Con vi-khuẩn chỉ có những cơ-quan điều-chỉnh đơn-sơ ; tế-bào động - vật và thực-vật có rất nhiều phương-thức điều-chỉnh : cái nhân kiểm soát tế-bào-chất, nhưng tế-bào-chất cũng kiểm soát được cái nhân, tác-động của phần nọ có thể thay thế tác-động của phần kia. Chúng ta đứng trước một hình-thức tổ-chức và phân-công dân-chủ chứ không còn là quyền độc đoán của cái nhân. Loài người còn mất nhiều thời giờ để gỡ mối bong bong rối mù ấy.

Những năm tới đây chắc là sinh-vật-học sẽ hướng về công việc nghiên cứu những thể-thức điều-chỉnh trong một tế bào ; chính sự tổ-chức vô cùng phức tạp của những động - cơ điều-chỉnh làm cho tế-bào là một thực-thể hết sức sống động.

CÔ LIÊU thuật
theo C. Edelmann, *Réalités*, tháng 12-1968

Bốn lối kết trong tiểu thuyết

Bốn nhân sinh quan

(Xin xem BK. T.Đ. từ số 289)

Nếu lấy sự tự nhiên, đúng với đời thực làm tiêu chuẩn thì phải nhận lối kết thứ ba, lối của Tolstoi trong *Chiến tranh và hòa bình* là hơn cả.

Một bộ truyện dài hai ngàn trang tả xã hội Nga trong giai đoạn có nhiều biến cố lịch sử vĩ đại nhất của họ — từ 1805 đến 1812 — mấy lần nửa triệu quân Tây Âu tiến tới rồi lại lùi về như những làn sóng ngất trời dâng lên rồi hạ xuống, lần cuối cùng tràn ngập Moscou lôi cuốn biết bao nhiêu nhân mạng, gây biết bao cuộc tàn phá — trọn thành Moscou ngùn ngụt khói lửa — mà rồi kết thúc một cách rất tầm thường, bằng một cảnh hội họp gia đình gần như vô vị. Pierre và Natacha đã gặp bao nhiêu cảnh đứt ruột : chàng bị bạn và vợ phản, bị bắt làm tù binh, rồi vợ chết ; nàng tính vốn bằng bột yêu đời mà hóa ra gần mất hồn, ân hận vì một lỗi nặng, rồi phải thấy cái cảnh người yêu chết trong tay mình, cảnh nhà phá sản ; tới đoạn kết, họ sống chung với nhau, có hai con với nhau, chàng thì bao nhiêu ước vọng lớn lao — như ám sát Napoléon để giải thoát Châu Âu — tiêu tan hết ; nàng thì không còn lấy một chút duyên dáng thời trẻ, ăn mặc lôi thôi, nói năng cộc cằn, ghen tuông,

quạu cọ. Họ yêu mến nhau đấy, nhưng sao mà buồn tẻ đến thế !

Cặp Nicolas và Marie thì cũng vậy : anh chàng Nicolas hào hoa phong nhã, vũ rất khéo, phi ngựa rất tài, nay thành một hạng trang chủ — chỉ lo đóng lúa, tậu ruộng đất để cho « bày con sau này khỏi khổ » ; còn vợ chàng, nàng Marie đã chịu bao nỗi đau khổ bên cạnh người cha già lắm cảm khó tính rồi cha chết, anh chết, có lần muốn đi theo bọn khát sĩ hy sinh cho tất cả những kẻ đau khổ, mà bây giờ cũng chỉ lo những cái lật vật : mình có mang, xấu xí, anh Nicolas có chán mình không, sao hôm nay anh ấy có cái giọng không âu yếm với mình...

Chúng ta có cảm tưởng mấy lớp sóng ồ ạt của chiến tranh không để lại một dấu vết gì trong tâm hồn họ cả, bao nhiêu cảnh tàn phá, phân li, chết tróc, phản phúc họ đã mục kích, đã sống trong bảy năm đó không giúp họ rút kinh nghiệm, mà thay đổi nhân sinh quan được một chút gì cả. Thật là tầm thường đến cái mức bi đát. Bản anh hùng cả ăm ăm tiếng đại bác, tiếng kèn tiếng trống, tiếng ngựa hí người reo mà khúc vĩ thanh chỉ là một điệu ru con « à ơ . . . » xen với tiếng bà già ho khò khò, tiếng trẻ khóc, tiếng vợ

chồng ngày ngà nhau hoặc nói chuyện nhà cửa, làm ăn với nhau. Có tài như Tolstoi mà sao lựa lối kết quá tầm thường đó ?

Vậy mà Somerset Maugham, sau năm chục năm luyện kỹ thuật viết tiểu thuyết, lại khen lối kết của Tolstoi là một phát minh kỳ tài. Chính ông ta cũng đã dùng lối đó trong cuốn *Kiếp người* : anh chàng Philip có chí hướng, có tâm hồn nghệ sĩ, đã gặp nhiều nỗi gian truân : bị bạn và nhân tình phản một cách như nhuốc, có lần đói, ngủ bờ ngủ bụi, sau nhờ kiên nhẫn, đậu được bằng tiến sĩ y khoa, hí hửng tưởng sắp thực hiện được cái mộng ấp ủ từ lâu : du lịch Y Pha Nho, Đông Á, Thái Bình Dương, mà rốt cuộc bỏ hết cả dự định, cưới một cô gái may thuê tầm thường nàng Sally — và an phận với đời một y sĩ vườn.

— Maugham đã quá ca tụng Tolstoi. Hai chục năm trước, đọc *Chiến tranh và Hòa bình*, tới đoạn kết tôi đã thất vọng.

— Vâng chắc nhiều người thất vọng. Người ta chờ đợi một khúc khái hoàn xứng với bản anh hùng ca vĩ đại đó. Nhưng sau chín năm chống quân xâm lăng Pháp, sau một cuộc xáo trộn cực điềm trong hồi tản cư, làn sóng tạm hạ xuống, chúng ta về thành và đời sống chúng ta cũng y như đời sống cặp Pierre — Natacha và cặp Nicolas — Marie chứ khác gì. Trong những năm 1955 - 1960 chúng ta cũng quên hết những gian lao ở Bắc Việt, ở Cao Nguyên, ở Đồng Tháp... và cũng chỉ nghĩ tới chuyện lật vạt trong gia đình, như chưa hề trải qua một biến cố lớn bậc nhất trong lịch sử dân tộc vậy.

Cũng lại chỉ lo mua được lon sữa cho con, kí đường cho vợ, lẩn được vài tấc qua đất ông hàng xóm. Thì ra lòng người đâu đâu cũng vậy, thời nào cũng vậy. Tolstoi thấu được tâm lý đó mà lại có sáng kiến tả cái tâm trạng tầm thường đến bi đát đó trong đoạn kết, đoạn mà nghệ sĩ nào cũng muốn cho thật đặt sắc, phi thường, đập mạnh vào óc độc giả, vì vậy mà Maugham khen là một phát minh kỳ tài.

Thực ra phát minh đó cũng chẳng mới mẻ gì lắm. Ở Trung Hoa, ít nhất là ở đời đương trước Tolstoi khoảng ngàn năm, đã có một thi sĩ là Nguyễn Chấn, bạn thân của Bạch Cư Dị đã có cái lối kết bình thường của Tolstoi. Ông ta viết truyện ngắn *Hội Chân kỳ* sau làm đề tài cho tuồng *Tây tương ký* của Vương Thực chủ đời Nguyên. Trương Quân Thụy cứu thối Oanh Oanh bà mẹ Oanh Oanh, hứa gả nàng cho Quân Thụy rồi nuốt lời hứa. Trương buồn rầu, bực tức, ốm tương tư. Oanh Oanh đêm đêm lên qua thăm, ái ân với nhau. Lúc đó những tưởng trăm năm sống chết có nhau. Nhưng rồi chàng lên kinh thi. Cái buổi biệt ly sao mà thảm : «Lệ tràn chín khúc Hoàng Hà, hận đê ba ngọn Hoa nhạc». Tưởng như vậy rồi thì họ sẽ đoàn viên với nhau, chàng đậu trạng, vui chữ vinh qui mà nàng cũng vui chữ vu quy; nếu không vậy, nếu phải chia rẽ nhau, kẻ Ngô người Sở, thì phải có một kẻ chết vì sầu tủi, mới là đúng phép. Không, Nguyễn Chấn bỏ cả phép tắc, cho Quân Thụy đỗ đạt rồi quên Oanh Oanh mà Oanh Oanh cũng vui vẻ sống với người khác.

Và người sau khen Nguyễn Chấn «quét một nhát sạch cái tác phong đại

đoàn viên trong các tiểu thuyết cũ».

Vương Thực Phủ khi viết thành tuồng, cho kết thúc ở sau lúc hai người chia tay nhau; đêm đó trong quán trọ Trương nằm mê thấy Thôi. Như vậy là bỏ lửng. Quan Hán Khanh sau viết tiếp, cho Trương đậu thám hóa vì cưới Thôi, làm sai ý của Nguyên Chấn nhiều quá!

— Nhưng ông nói đến nhân sinh quan. Hai lối trên — có hậu hay không hậu — có chứa một nhân sinh quan thật, còn lối này chỉ là ghi chép chuyện thường tình trong xã hội thì nhân sinh quan ở đâu?

— Nhiều nhà phê bình khen phần kết *Chiến tranh và Hòa bình* là một khúc âu ca; mà cũng nhiều nhà khen *Kiếp người* là một bản chúc phúc. Nhân sinh quan trong hai truyện đó André Maurois đã khen là chân chính trong *Thư ngỏ gửi tuổi đôi mươi*. Ông viết: «Đời sống chân chính (...) ở trong những em bé âu yếm nhìn mẹ, trong tất cả những căn nhà nhỏ kia tại đó vợ chồng con cái rán kiếm ăn, yêu nhau và du hí. Không có gì quan trọng bằng những kiếp sống tầm thường đó». Ai nấy đều có đủ cơm ăn áo mặc thuốc uống, trong nhà có già có trẻ, trong sân có con gà con què, có dàn mướp luống rau, thực là tâm thường, vậy mà từ trước tới nay, bao nhiêu triết gia, chính trị gia vẫn chưa thực hiện được cho nhân loại! Cặp Pierre - Natacha, cặp Nicolas-Marie, cặp Philip-Sally đều đã tìm thấy ý nghĩa chân chính của nhân sinh trong một cuộc đời tầm thường...

— Thế còn thái độ của cặp Thôi-Trương ông cũng cho là chân chính sao?

— Thưa, tôi đâu dám nghĩ vậy.

Nhưng tôi tưởng hạng thường nhân chúng ta. ít ai đủ tư cách để ném cục đá đầu tiên vào họ. Họ yêu nhau say mê và rất thành thực, không ai oán ai, gây lụy cho ai, mà cũng lưu được những kỷ niệm tuyệt đẹp cho nhau, như vậy cũng là được chứ. Mà cái thái độ của người viết truyện, của Nguyên Chấn, cũng là đạt quan chứ, không trách họ, thấy sự đời như vậy thì nhận như vậy rồi trung thực ghi chép lại.

— Còn lối kết thứ tư, xin ông cho nghe nốt.

oOo

— Lối này là lối lừng chừng. Đúng ra là lối không kết. Mỗi năm tôi chỉ được đọc vài tiểu thuyết hiện đại của ta và của Pháp. Nhận xét của tôi e phiến diện, không đúng. Tôi có cảm tưởng rằng ngày nay người ta có xu hướng viết truyện không có kết.

Chẳng hạn một ông lớn vì chán phê phởn mà buồn tình, yêu một cô gái đã thô kịch lại cảm, mượn một chỗ lén lút gặp nhau, rồi cô ta có mang thì ông lớn đòi lên thủ đô, lãnh một nhiệm vụ lớn hơn nữa. Thế là hết. Mối tình tới đó chấm dứt hay không? hậu quả của nó ra sao? không ai biết.

Hoặc: một bọn trẻ nghịch ngợm như một bày tiểu yêu, đến khi thôi học, kẻ đăng lính, kẻ ở nhà lang thang, vẫn giao du thân thiết với nhau, có tiền thì rủ nhau đi nhót, rồi một kẻ chết để lại một bà mẹ, bọn họ xúm nhau lại lo đám táng rất tươm tất. Tới đó cũng hết. Chẳng biết tương lai họ ra sao, họ có ý hướng gì không. Chắc họ cũng lại họp nhau nữa, cũng lâu lâu đi nhót, tối tối lại quán

phê ngó người qua đường, đấu láo với nhau cho hết buổi, đề đến lúc lại có một kẻ chết nữa vì bom đạn.

Một truyện nữa. Nhân vật chính gồm hai cặp. Cặp thứ nhất : chàng và nàng quen nhau từ lâu, có hội ở chung nhà nhau, mến nhau ; người chung quanh đều tưởng chàng sẽ cưới nàng trước khi đi quân dịch, nhưng không, chàng cứ lừng khừng và trước khi chàng vô trại, nàng đãi chàng một bữa cơm có chả giò hay bì bún gì đó, Chàng ăn xong, ra về, chẳng hứa hẹn gì cả, mà cũng chẳng từ biệt nhau nữa. Cặp thứ nhì cũng mến nhau. Chàng bị Việt Cộng bắt, nàng buồn rầu, rồi vô Vũng Tàu theo học một khóa huấn luyện cán bộ, khi hay tin chàng được quân đội Mỹ giải thoát, nàng mừng, viết thư hẹn Tết sẽ về thăm chàng. Nhưng gần tới Tết thì chàng vô Sài Gòn ăn Tết với cha mẹ, không đợi được gặp nàng. Truyện tới đó hết. Chẳng biết mối tình của hai cặp đó ra sao, cũng chẳng biết họ có yêu nhau hay không nữa.

Thượng Đế đã chết, hy vọng và ái tình cũng chết nốt. Đương cái tuổi dào dạt nhựa sống mà thanh niên ngày nay chẳng hề vui ồ ạt mà cũng chẳng hề khờ thăm thía, chẳng dự tính việc gì, cơ hồ chỉ thích ăn phở, « uống ba ba » và hút Salem. Chán nản kinh khủng.

Một cặp nữa trong truyện dưới đây thì cũng vậy : chàng trai trẻ, mới ở trường ra, độc thân, tới nhận một chức ở một tỉnh nhỏ, ở trọ nhà một thiếu nữ nghèo, xinh, ngoan, thông minh, di dỏm. Họ chẳng ra mặt yêu nhau, nhưng có nhiều cảm tình với nhau, khá thân với nhau, nàng săn sóc cho chàng khi

ốm, chàng nâng đỡ cho gia-đình nàng , rồi nàng chán đời sống ở nhà, thôi học, vô thủ đô, trước khi đi đưa cho chàng một bức thư dặn nàng lên phi cơ rồi mới được mở ra đọc. Nàng đi, chàng không hỏi han, dặn dò gì cả, cũng không ra phi trường tiễn đưa, tới giờ phi cơ cất cánh, chàng nhớ tới nàng nhưng cũng chẳng mở bức thư ra đọc. Bức thư đó ra sao, chẳng ai biết. Và chính mối tình của họ với nhau ra sao, độc giả cũng không đoán được. Họ như anh em với nhau mà lại gọi nhau bằng chú cháu, có vẻ quý mến nhau, hợp ý nhau mà chẳng bao giờ tỏ tình với nhau. Cứ lơ lơ lửng lửng, phát phơ, tà tà vậ thôi. Chẳng có gì dứt khoát, chẳng ham muốn mạnh mẽ mà cũng chẳng bao giờ rầu rĩ đến thờ dài, mất ngủ.

Nghi cho cùng, biết kết làm sao bây giờ ? Kết có hậu ư ? Nhưng chàng là một công chức trung bình, sống độc thân thì vừa đủ ăn, nàng còn đương tuổi đi học, cưới rồi mà chàng phải vô Thủ Đức, ra mặt trận thì nàng sẽ cầm bằng như thành quả phụ. Kết có hậu như vậy thì sẽ như không hậu mất. Cũng không thể kết một cách tự nhiên như Nguyễn Chấn được. Chiến tranh không biết bao giờ chấm dứt, tương lai của chàng và của nàng mù mù mịt mịt thì kết cách nào cho tự nhiên được.

Chẳng những việc cá nhân, việc nhà việc nước, đến việc thế giới lúc này cũng đều mắc nghẽn, không sao giải quyết nổi. Bi kịch Đức, Đại Hàn, Cuba, Israël, A Rập, Ấn, Hồi, tạm yên được đấy thôi, chưa biết lúc nào lại bùng lên nữa. Đông Á, Phi Châu, bán đảo Ả Rập

Nam Mỹ, Bắc Mỹ (vấn đề Da đen), Châu Âu (vấn đề Đông Tây) đâu đâu cũng còn những vụ tranh chấp lúc lạnh, lúc nóng, liên miên bất tuyệt, êm được đâu. Và cái số võ khí nguyên-tử kinh khủng ở Mỹ, ở Nga kia, cứ chất hoai như vậy sao, khó mà tin là êm được lắm.

Thế giới bất ổn, bất định, nhìn về phía nào cũng thấy ngõ cụt, ngay những kẻ cầm quyền lãnh đạo các cường quốc cũng không không biết giải quyết cách nào, đi tới đâu — đi tới đâu cuộc đua nhau chế tạo võ khí hạch tâm này? Giải quyết cách nào phong trào đòi quyền sống của hai tỉ người thiếu ăn thiếu học này trong khi vài ba trăm triệu người phê phỡn vẫn ửng ngạnh đàn áp, bóc lột họ? Vì vậy mà người ta hoang mang, bất bình, thấy đời là phi lý và những tiểu thuyết mới nhất ngày nay có đầu mà không đuôi, có khi không đuôi cũng không đầu, có khi lại như chuyện một người điên nói bậy nói bạ. Tôi có cảm tưởng người ta dọn cho chúng ta một bữa thịnh soạn — vì truyện nào cũng phong phú, kỹ thuật lại thường cao — nhưng mới cho nếm sauce mayonnaise thì đưa ra món mắm ruột để nhắm với Whisky soda rồi bỗng ngưng lại, và chúng ta đành ngó nhau, đứng dậy ra về. Đúng như Malraux nói, tiểu thuyết ngày nay chỉ phô diễn cái bí hiểm của lịch sử chứ không giảng cho ta hiểu con người.

— Vậy ông cho là tại xã hội, thời đại mà tiểu thuyết ngày nay có cái lối kết như vậy? Nhưng tổ tiên ta ở thế kỷ XVIII cũng đã biết một thời đại như thời đại chúng ta bây giờ. Hồi đó các cụ cũng chịu cái cảnh phân tranh Nam Bắc như chúng ta ngày nay, các cụ không biết tình hình thế giới hồi đó giá biết thì cũng lắc đầu cho nó là phi lý vì cả châu Âu như nổi súp-de muốn nổi. Vậy mà tiểu thuyết của các cụ kết vẫn có hậu lắm. Nàng cung nữ bị vua bỏ thì vẫn « nghiêng bình phẫn mốc mà giới má

nheo » đề « phòng khi động đến cữu trùng » thì « giữ sao cho được má hồng như xưa »; còn nàng chinh phụ thì đã bật tin chồng đã mấy thu mà vẫn còn mong khi về « đeo quả ấn vàng » đề « xin vì chàng xếp bào cởi giáp, xin vì chàng rũ lớp phong sương ». Tại tâm trạng con người chứ đâu tại xã hội, tại thời đại.

— Chính vậy, tại nhân sinh quan đã thay đổi. Ngày xưa các cụ còn vững lòng tin tưởng. Ngày nay người ta đã mất lòng tin. Người ta tuyên bố: « Chúa đã chết ». Nhìn chung quanh, còn cái gì? Chỉ còn có hạch tâm mà cái thứ đó nó cứ nảy nở theo tốc độ hiện nay thì chẳng bao lâu nhân loại sẽ chết hết. Nhưng tiếng nói của một số tiểu thuyết gia đâu phải là tiếng nói của tất cả một xã hội. Cho nên thời xưa có những nhà tin tưởng như tác giả *Cung oán* và *Chinh phụ* thì cũng có những người chán nản buông xuôi như tác giả *Sơ kinh tâm trang*, và ngày nay có những nhà kết theo lối mới thì cũng có một số nhà kết theo lối cũ. Nhân sinh quan trong tiểu thuyết chỉ là nhân sinh quan của cá nhân, của một nhóm, tôi chắc không đồng lắm. Đại đa số quần chúng vẫn mong rồi sẽ có hòa bình, sẽ có một trật tự nào đó, để được sống cái cuộc sống tầm thường mà chính là cuộc sống chân chính như André Maurois coi, một cuộc sống gồm những thú vui giản dị, chẳng hạn ăn lạc rang mà đọc tiểu thuyết.

— Nhưng ông đã nói rằng tin như vậy là rất đổi ngây thơ?

— Ngây thơ nhất là các em bé, mà sung sướng nhất cũng là các em bé. Và lại đã phải sống thì cần có một tin tưởng, thiếu tin tưởng thì còn sống làm quái gì nữa.

— Ông kết có hậu lắm.

— Vâng. Hồi chín mười tuổi tôi mê truyện Tàu mà.

NGUYỄN HIỂN LÊ
Saigon ngày 15.6.1968

Gérard GENETTE

Bản dịch của TRẦN-THAI-ĐÌNH

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 289)

Thuyết cơ-cấu và phê-bình văn-học

NGÔN - NGỮ VĂN - HỌC

Văn học trước hết là tác phẩm ngôn ngữ, và trong bản chất của nó thì thuyết cơ cấu là một phương pháp ngữ-học, cho nên ta dễ thấy chúng có thể gặp nhau trên lãnh vực của vật liệu ngôn ngữ: âm thanh, hình thái, danh từ và câu cú làm nên đối tượng chung của nhà ngữ-học và nhà từ ngữ học, đến mức trong những bước đầu đầy hăng say của phong trào duy hình thái (formalisme) của Nga, người ta đã định nghĩa văn học như một thứ thổ ngữ (dialecte) và coi sự nghiên cứu về văn học như một ngành trong môn thổ ngữ-học tổng-quát. Và chính thuyết duy-hình-thái của Nga, mà người ta vẫn coi là một trong những nguồn phát sinh ra khoa ngữ-học cơ-cấu, thoát tiên cũng chỉ là sự gặp gỡ giữa những nhà phê bình và những nhà ngữ học trên lãnh vực ngôn ngữ của thi ca. Sự đồng hóa văn học với thổ ngữ đã gây nên quá nhiều vấn nạn nên không thể hiểu theo nghĩa chặt được. Cho nên nếu có thổ ngữ, thì chỉ là thứ thổ-ngữ phổ-ngôn-ngữ, nghĩa là nó gây nên một số những biến thể nơi tất cả các ngôn ngữ tùy theo những phương thức khác nhau, nhưng các biến thể này vẫn tương tự nhau trong chức-năng của chúng, y như ta thấy những tiếng lóng nơi

các ngôn ngữ luôn giống nhau trong cái chức-năng « lóng » của chúng. Còn như các thổ-ngữ thực sự, thì không có gì như thế cả, và sự khác biệt giữa « ngôn ngữ văn học » và ngôn ngữ thông dụng không ở tại những phương tiện cho bằng ở tại những mục tiêu: nhà văn cũng dùng một thứ ngôn ngữ gần y hệt ngôn ngữ của mọi người, nhưng có điều nhà văn không dùng cùng một cách và cho cùng một ý hướng. Vật dụng như nhau, chức năng khác nhau: thành thử không giống mà còn trái ngược hẳn với trường hợp ta thấy nơi thổ ngữ trên kia. Thế rồi, cũng như những « thái quá » của thuyết duy hình thức, ở đây thuyết này cũng có một giá trị thanh lọc: tạm quên cái nội dung đi, giảm trừ tạm thời cái bản chất văn học của văn chương thành bản chất ngữ-học, đó là những điều sẽ cho phép duyệt lại một số những điều người ta vẫn coi là hiển nhiên đối với « thực chất » của ngôn ngữ văn học, đồng thời cũng cho phép nghiên cứu tường tận về hệ thống những ước-lệ của ngôn-ngữ. Từ lâu người ta vẫn coi văn chương là một sứ-diệp không mật - mã (un message sans code), cho nên đã tới lúc cần phải tạm coi nó là một mật-mã không

sứ - điệp (un code sans message).

Phương pháp cơ-cấu đã đập tan cái vỏ của thuyết duy hình-thái chính lúc ta nhận ra sứ điệp bằng mật mã, hay đúng hơn : trong cái khuôn của mật mã, xét như sứ điệp bị cái cơ cấu của mật mã bắt phải thể chứ không do một thứ tập-quán ý-thức-hệ nào hết. Cái giờ đó, cái lúc đó không còn xa nữa, bởi vì sự hiện hữu của ký-hiệu ở tất cả các bình diện của ngôn ngữ đều dựa trên tương quan giữa hình thái và ý nghĩa. Cũng nhờ đó, trong việc nghiên cứu về văn thơ của Tiệp năm 1923, Roman Jakobson đã khám phá ra tương quan giữa giá trị bình thơ của một âm-tổ với giá trị biểu-nghĩa của nó, mỗi ngôn ngữ thường có khuynh hướng quan trọng hóa rất mực cái âm-điệu của hệ thống những cặp đối nghịch được coi là ăn nhằm nhất trên phương diện từ - nghĩa (sémantique) : tiếng Nga thì quan trọng hóa sự khác biệt về cường độ, tiếng Hy-lạp thì đề ý về chỗ khác biệt dài ngắn, còn tiếng croate thì chú trọng đến chỗ khác biệt về giọng cao thấp của các âm thanh. Sự chuyển mình từ quan điểm âm-học (phonétique) sang quan điểm âm hình học (phonématique), nghĩa là chuyển từ tính chất âm thanh thuần túy (mà phong trào duy hình-thái trước kia rất sính) qua sự tổ chức các âm thanh cho thành hệ-thống ngữ-thái (có khả năng nói lên một ý nghĩa), — sự chuyển mình này không chỉ liên hệ đến việc nghiên cứu về vận thơ, bởi vì người ta có lý để coi đó là một bước đầu của phương pháp âm ngữ học (phonologique). Sự chuyển mình đó biểu hiện cho sự đóng góp của thuyết cơ cấu đối với toàn thể các công cuộc nghiên cứu về mô-hình văn - chương (morphologie littéraire) : thi ca, văn-thề

học, bố cục. Giữa hai thái cực, một bên là thuyết duy hình-thái chủ trương giảm trừ tất cả các "hình-thái" văn học thành một mớ chất liệu âm thanh không có hình thái bởi vì không có biểu-nghĩa, và một bên là thuyết duy-thực cổ truyền với chủ trương coi mỗi hình-thái là một giá trị diễn tả độc lập và có căn bản, thì sự phân tích cơ cấu của chúng ta sẽ cho phép vạch trần mối tương quan giữa một hệ thống những hình-hái và một hệ thống những ý nghĩa, và chủ trương tìm ra những nét tương tự giữa những toàn bộ tương đồng chứ không chú ý đến những đối chiếu giữa từng hạn từ nữa.

Một thí dụ đơn giản có thể giúp dễ hiểu điểm này hơn : một trong những điều học búa cò điển của thuyết biểu-tượng là vấn đề « màu sắc » các nguyên-âm (couleur des voyelles) được đề cao nơi những văn thơ của Rimbaud. Những người theo phái biểu-tượng của âm thanh, như Jespersen hay Grammont, đã cố gắng gán cho mỗi âm-vận, một giá trị gọi nghĩa riêng biệt, và họ cho rằng có như thế cho bất cứ thứ ngôn ngữ nào mỗi khi các danh-từ được đặt xít vào nhau. Nhưng nhiều học giả đã chứng minh sự yếu đuối của những giả-thuyết đó, và riêng về vấn đề màu sắc các nguyên-âm thì những tấm bảng so sánh của Etiennele chứng tỏ một cách chung thắm rằng những người chủ trương tính chất màu sắc của âm thanh đã không sao đồng ý với nhau về màu nào đi với âm nào. Tất nhiên những người phản đối thuyết biểu tượng đã kết luận rằng màu sắc của âm thanh chỉ là một huyền thoại, và xét về phương diện sự kiện thiên nhiên, thì chắc nó không có nghĩa gì hơn.

Tuy nhiên sự kiện những tấm bảng cá nhân kia không hợp nhau đã không

giảm tính chất trung thực của từng tấm bảng đó, cho nên nơi đây thuyết Cơ cấu có thể đưa ra một cách giải thích thỏa mãn được cả tính cách thiếu chắc chắn của từng bản đối chiếu giữa nguyên âm và màu sắc, cả cảm nghĩ thông thường của mọi người về một hệ thống màu sắc của các nguyên âm : thực vậy, không một nguyên âm nào tự nó kêu gọi lên một màu sắc khi nó được phát âm một mình ; nhưng chắc chắn sự phân phối các màu sắc nơi quang-phổ (spectre) (mà theo Geld và Goldstein thì quang phổ là một hiện tượng vừa có tính cách ngôn ngữ và có tính cách nhìn thấy) có thể được phản chiếu phần nào nơi sự phân phối các nguyên âm trong một ngôn ngữ. Nhân đó ta có ý niệm về một bảng đối chiếu, tuy có xê xích trong chi tiết nhưng ổn định trong chức vụ của nó : có một quang phổ những nguyên âm cũng như có một quang phổ những màu sắc, hai hệ thống này kêu gọi nhau và khơi động nhau, nhân đó một mối tương đồng toàn bộ có thể gây nên ảo tưởng là có sự đối chiếu từng hạn-từ với nhau : ảo tưởng này sui nên do sự mỗi người hình dung theo cảm nghĩ của mình và theo sự đưa đẩy của các tự-g-trung, cũng như trường hợp mà Lévi-Strauss đã tố cáo khi người ta bàn về thuyết vật-tử. Sự đưa đẩy nơi cá nhân như thế, xét theo khách quan thì không theo luật lệ nào hết, nhưng xét theo chủ quan thì lại có nền tảng cho nên ta có thể coi đó như dấu chỉ của một thứ đồ-hình (configuration) thuộc sinh hoạt tâm thần. Trong trường hợp này, thuyết Cơ cấu đã mang về cho thế văn học chủ quan những gì nó lấy mất của thế văn học khách quan.

Không có gì bắt buộc thuyết Cơ cấu phải dừng chân nơi những phân tích

“ ngoại diện ”, trái lại thì có, cho nên ở các lãnh vực khác, chân trời của hoạt động cơ cấu luôn có tính chất từ-nghĩa (sémantique). “ Trước hết câu thơ bao giờ cũng là một hình-thái âm thanh hồi-vọng ; nhưng nó không phải chỉ là thế.. Câu nói của Valéry — “ *bài thơ là một lưỡng-lự kéo dài giữa âm - thanh và ý-nghĩa* ” — vừa đúng sự thực vừa khoa học hơn tất cả những hình-thái của thuyết độc-tôn âm-thanh (JAKOBSON, *Essais de linguistique générale*, Paris, 1963, tr.233). Từ bài viết về Pasternak năm 1935, Jakobson đã đề cao sự quan trọng của hai quan niệm về ẩn-dụ (métaphore) và hoán-dụ (métonymie), đúng theo truyền thống tu-từ-học về sự chuyển nghĩa. Đó là điển hình về khuynh hướng đó, nhất là nếu ta nhớ rằng một trong những ợi khí của thuyết duy hình - thái hồi đầu là khinh rẻ những hình ảnh, và họ còn coi sự hạ giá những cách chuyển nghĩa như là đặc điểm của ngôn ngữ thi ca. Đến năm 1936, nhân một bài thơ của Pouchkine, Jakobson còn nhấn mạnh đến loại *thi ca không hình ảnh*. Nhưng từ năm 1938 ông ta xét lại vấn đề này và đổi giọng rõ ràng : “ Các sách giáo khoa tin tưởng rằng có những thể thi-ca không hình ảnh, nhưng thực ra thì sự nghèo nàn về bóng bảy danh từ đã được bù lại bằng những bóng bảy và hình ảnh rất huy hoàng của văn phạm ” (JAKOBSON, *Sđ*, tr.244). Chúng ta biết những cách nói bóng bảy (tropes) đều là những hình thức gọi nghĩa, cho nên khi coi ẩn - dụ và hoán - dụ như hai cực của hình-thái học về ngôn ngữ và văn chương, Jakobson không những đã ca ngợi khoa tu-từ xưa kia, mà còn đem những phạm-trù của ý nghĩa đặt vào giữa lòng phương pháp cơ cấu.

Sự nghiên cứu về cơ cấu của « ngôn ngữ thi ca » và các hình-thái diễn tả khác của văn học nói chung không thể không đi tới sự phân tích những tương quan giữa *mật mã* và *sứ điệp* (giữa hình thức và nội dung của ngôn ngữ). Những trình bày của Jakobson về « Ngữ học và thi ca » vừa nại đến những chuyên viên về giao thông vừa nại đến những nhà thơ như Hopkins và Valéry hay là những nhà phê bình như Ransom và Empson, đã chứng minh rõ ràng điều đó : « Hàm hồ là đặc tính nội tại, không bao giờ mất được, của bất cứ sứ-điệp nào khi ta chỉ nhìn vào nó. Tóm lại, đó là một hệ-luận tất yếu của thi ca. Chúng tôi nhắc lại với Empson rằng những dụng tâm để tạo nên hàm hồ là chính gốc gác của thi

ca » (JAKOBSON, Sd. tr.238). Chủ đích của thuyết Cơ cấu không phải là chỉ biết đếm xem thơ có mấy vế, hoặc những âm thanh được lặp lại mấy lần : thuyết đó phải nhắm thẳng vào những hiện tượng từ-nghĩa vì đó mới là cái cốt yếu của ngôn-ngữ thi - ca, như người ta vẫn biết từ Mallarmé đến nay. Và nói chung thì thuyết Cơ cấu phải nhắm nghiên cứu về những vấn đề của khoa phù-hiệu-học văn-học (sémiologie littéraire). Một trong những công cuộc mà thuyết Cơ cấu phải thực hiện có thể là kiến tạo nên một khoa tu-từ mới, như Francis Ponge vẫn đòi hỏi và chúng ta vẫn chưa có.

(Còn tiếp)

Gérard GENETTE

Kỳ tới : Ý-nghĩa và cơ-cấu

ASPRO



trị :

CÁM CỨM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

Vấn lang thang trên các địa hạt

Một điểm chính-yếu trong chương-trình của ô Diệm khi mới chấp chánh, là cải cách điền-địa để chinh phục các tầng lớp nông-thôn.

Thực ra, quyền tư-hữu đã bị hạn chế, và quyền-lợi của tá-điền đã được bảo vệ nhiều hơn xưa, do những đạo Dụ 1953 của Quốc-trưởng Bảo Đại, song chánh-quyền hồi đó chưa kịp thi hành vì còn phải đợi tái lập an-ninh.

Dù sao, các văn-kiện trên được thay thế bằng Dụ 57 ngày 22-10-56 nhằm mục-đích lâu dài hơn, là giúp cho bần-nông thành tiểu-địa-chủ, phát triển sản xuất nông-nghiệp, đồng-thời hướng dẫn các đại địa-chủ qua hoạt-động kỹ-nghệ.

Chính-sách này kết hợp hai chủ-trương : thực hiện công-bằng xã-hội nhưng tránh đường lối đấu tranh giai-cấp, truất hữu mà vẫn có bồi-thường (lý-tưởng xã-hội Công-giáo của Cố-vấn Nhu) song nhân dịp này, tìm cách buộc giới tư-bản tham gia công-cuộc kỹ-nghệ-hóa, vậy thì trả các chủ ruộng đất một phần bằng những trái-phiếu có thể đem làm vốn hùn vào các công-ty kỹ-nghệ (kế-hoạch cải-tiến kinh-tế của Cố-vấn Mỹ).

Ô. Diệm chỉ can thiệp về số tối-đa để lại cho các địa chủ. Có người đề nghị 200 mẫu, người 150 mẫu, người 120 mẫu. vv. Điều này được xét đi xét lại nhiều lần, rút cuộc, ông Tổng-thống quyết định là 100 mẫu.

Ngoài ra, không thấy có chỉ-thị hay hoạt-động nào đáng kể. Ông duyệt ký khá mau lẹ các dự-thảo sắc-lệnh 1957 thiết lập toà án điền-địa, hay ấn định thể-thức bồi-thường. Qua năm 1958-59, ông chẳng còn chú ý mấy đến các biên-bản hay tờ trình về Hội-đồng Cải-cách. Hình như tâm-trí ông sớm lảng hoặc bị thu hút sang địa-hạt khác. Phải chăng vì thế mà việc không tiến được nhiều ? Ngay đến một công-tác liên hệ tối-yếu là kiến-điền, để phân rõ ranh giới ruộng đất, cũng chỉ được qui định rất chậm, do một sắc-lệnh ngày 31-5-1962.

oOo

Việc đồng ruộng được ông quan tâm hơn cả, là dinh-điền và vấn-đề sản-xuất tại các nơi định-cư. Ông vẫn muốn vượt các chúa Nguyễn trong công-

(1) Xin coi B.K. từ số 265-265 (15-1-1968).

cuộc khẩn hoang ; những cơ-sở mà ông năng đi lại thăm nom, phải được phát triển gấp mấy các đồn-điền thuở trước.

Lựa chọn các địa-điểm, lập các khu các vùng, đặt tên cho những trung-tâm được địa-phương-hoá, thường do chính ông quyết định. Ông chỉ thị trồng nhiều cam quít, khuyến khích trồng cao-xu và cả cacao, thúc đẩy mạnh việc trồng kénaf đến nỗi có hồi sợi cây này bị ứ đọng. Ông bảo trồng thử cả cây sơn miền Bắc.

Ông nóng lòng chờ đợi hoa màu.. Có nhà chức-trách quá khôn, bắt dân đào hẳn từng cây chuối cây cam mọc sẵn từ lâu, đem cắm vôi tại nơi ông sắp tới thị sát. Ông khen là tốt, và nhiều người tưởng rằng ông bị mắc lừa. Cách đó ít lâu, trước một trường-hợp tương tự, ông bình-thản hỏi một Tỉnh-trưởng : cam này đào đâu mang tới ?

Tháng 10 năm 1963, khi coi dự-thảo thứ 4 bản thông-điệp gửi Quốc-hội, ông thắc mắc về những con số kê khai, bắt kiểm lại hai lần, không chịu là chỉ có 190 địa-điểm : quả thiệt là 198 ; chẳng rõ người viết đã chép sai hay người đánh máy đã lầm sau bao lần sửa gọt từng đoạn từng câu giữa một rừng tài-liệu.

Ông rất ưa giống thông, muốn giữ vẹn các rừng thông ; khi lên Đà Lạt, thấy thông bị chặt bừa bãi, ông nổi giận đùng đùng và rầy la mãi các cấp chuyên-trách. Sau đó, ông bắt xét lại hết các thề-lệ đồn rừng chặt củi, và còn yêu cầu các phái-đoàn chuyên-viên Tây Đức, Đài-Loan xem lại giúp chương trình quản lý và khai thác lâm-phần. Ông bảo : cây cỏ với non sông là một. Nên ông chấp thuận dễ dàng sự thiết lập những khu bảo-vệ thiên-nhiên (parcs nationaux), cho lấy Trang Bom làm thí-điểm.

Ông đòi trồng thật nhiều dương-liễu ở các bờ biển miền Trung, ông chê cựu Khâm-sứ Trung Kỳ Graffeuil : anh ta chỉ thích sọ dừa, bắt dân trồng ja-liệt dừa, mà quên giống quý hơn. Năm 1961, bỗng dưng một hôm ông bảo : tại các công-sở, các ngã ba-đường lớn, nên kiếm cây ngô-đồng mà trồng, nó xum-xuê nhiều bóng mát : thế là mọi cấp đua nhau trồng cây này ; một Bộ-trưởng đích-thân đi xin về trồng trước tư-thất, ngay ở bờ rào, bên một đại-lộ mà Tổng-thống hay qua lại. Có người làm thơ vịnh ngô-đồng, viết tạp-chí kể điển-tích ngô-đồng. Một vị còn hỏi tôi : có phải cây ngô-đồng tiêu biểu cho họ Ngô không ?

oOo

Trí-nào ô. Diệm hướng về thực-nghiệp, nên ông dễ nhận rõ ích-lợi của sự huấn-luyện kỹ-thuật hơn là sự giảng dạy lý-thuyết cao xa.

Đối với ông, đào tạo chuyên-viên là việc cần cấp nhất. Ông chỉ cho phép xuất ngoại du học, nếu chọn những ngành chuyên-môn có công-dụng trực-tiếp trên bình-diện phát triển kinh-tế. Có quốc-gia bạn muốn biểu một số học-

bồng : ông cho nhận về những môn đánh cá, chế đường cát, xây đập nước, nhưng bác bỏ và còn dạn dẫm cấm hẳn những môn Nghệ-thuật Nội-trợ (Arts Ménagers)...

Dự-án trung-tâm Kỹ-Thuật Phú-Thọ đã gặp trở-ngại vì nhiều người tỏ ý dè-dặt trước sự khiếm khuyết giáo-sư. Ông bảo : có nhiều học nhiều, có ít học ít, đợi đến bao giờ ? và cứ cho phép mở.

Viện Đại-học Đà Lạt được thành lập dễ-dàng với sự nâng đỡ đặc-biệt của ông. Ông trợ cấp nhiều cho Đại-học Huế, tặng tiền dịch sách để tiến tới một Cơ-quan dịch-thuật, và khuyến khích lập một viện Hán-học.

Ông hoan nghênh sự cố gắng chấn hưng Nho-giáo của hội Khổng-học, và dặn Bộ giáo-dục tổ chức trọng-thể lễ kỷ-niệm Khổng-Tử. Trong một bản diễn-văn đọc nhân dịp này, ông có ý minh xác lập-trường vì ông theo Công-giáo : Đạo-giáo dạy cho con người sống cả ở cõi bên kia, triết-lý nhân-bản của Phu-tử dạy con người sống ở đời này, tuy phải bỏ tước, vẫn rất cần-thiết.

Về văn-chương nghệ-thuật, ông không có ý-niệm gì rõ-rệt, không hề tỏ ra thích hay không thích. Năm 1958, khi chủ tọa lần đầu đề phát giải thưởng văn-chương toàn-quốc, nét mặt ông quá nghiêm-khắc, nên cho cảm-tưởng là chẳng thiết tha. Ông chỉ cười, không nói gì, khi xem tranh tại phòng triển-lãm hội-họa quốc-tế 1962 tổ chức lần đầu tại VN.

Duy kiến-trúc được ông tìm hiểu phần nào, qua những bộ sách đầy tranh ảnh nhà cửa ; ông phân biệt nổi cột kiểu Dorique với cột kiểu Corinthien và chên cột dinh Độc-lập chẳng Corinthien cũng không Dorique. Năm 1962, sau vụ ném bom, ông dặn : nếu chữa lại dinh, thì trần và tường ở phòng ông phải cao 10 thước, cho khỏi vướng mắt vướng ý khi ông suy nghĩ : tôi cho là ông quen ngẩng đầu lên nóc giáo-đường Ông trách kiến-trúc-sư quên nhu-cầu ứng-dụng, chưa « fonctionnel » vì phòng giấy Bộ-trưởng trong Phủ lại thiếu cả căn vệ-sinh bên cạnh.

oOo

Cũng như trên địa-hạt văn-hóa, con người ô-Diệm chỉ hiện lộ cho tôi dưới vài phía cạnh đáng ghi trên lãnh-vực quốc-phòng và an-ninh, mặc dầu lãnh-vực này trực thuộc quyền ông. Lý do, là có nhiều việc quá mật mà tôi không biết, còn phần tổ-chức tuy được ông quyết định, lại không nên coi là sáng-kiến của ông.

Như sự trưởng-thành của Quân-đội, từ những tiểu - đoàn bộ-binh hay khinh-binh thời Bảo Đại tới một lực-lượng hùng-hậu với đủ các quân-chủng và binh-chủng, là kết-quả nỗ-lực của mọi cấp chuyên-trách VN với sự giúp đỡ của các cố-vấn Hoa Kỳ.

Sự phân phối quyền-hành giữa bộ Quốc-phòng và bộ Tổng-tham-mưu sự thiết-lập các Vùng, các Khu, các Tiểu-khu và Biệt-khu chiến-thuật,... đều theo đề-nghị của các cấp hữu-trách quân-sự : ô. Diệm chỉ chăm chước ít nhiều mà thôi, chớ không có chủ-ý riêng.

Ngay đến sự can-thiệp của người Mỹ, và sự chuyển-hướng từ quân-sự lồi Pháp sang quân-sự lồi Mỹ, cũng phần do thời-cuộc, phần do chủ trương của Cố-vấn Nhu : đòi quân-đội Pháp và phái-đoàn quân-sự Pháp rút lui trong thời-gian tối-thiểu, rồi mới sắp đặt lại được, mặc dầu người Mỹ đã khuyên Thủ-tướng Diệm cố chịu đựng một thời-gian chuyển-tiếp và sự cộng-tác Pháp-Mỹ trong việc viện-trợ VN.

Tuy-nhiên, ô. Diệm tin rằng ít ra ông cũng tiết chế được quân-lực, bằng cách xử dụng quân-đội và quân-nhân, như ông đã giải thích vài lần, năm 1956-57, cho một cao-cấp về nội-an.

Theo ông Tổng-thống, thì ngay trước khi người Mỹ tới giúp, ông đã cho Quân-đội những dịp chiến thắng để tự tin và tự cường, trên các mặt trận thủ-đô 1955, trong các chiến-dịch mà ông ra lệnh mở : Đinh tiên Hoàng, Nguyễn Huệ, Thoại ngọc Hầu, Trương tấn Bửu v.v. (... mais c'est moi qui ai donné à cette armée l'occasion de vaincre pour croire en elle-même.)

Bận khác, ông bảo : Mình bây giờ còn phải đánh dẹp. Mà quân-đội, là trừ loạn an dân. Trừ loạn, thì khá rồi, cho về bót cũng có thể. Nhưng an dân, thì chưa đâu. An dân là việc ông quan văn. Ông quan văn lại nhát lắm, chỉ muốn bồng vợ con dạo phố. Có ông, bắt viết cả ngày thì viết, nhưng hễ muốn cho một tỉnh, thì kêu đau bao-tử chi đó. Nên an dân, lại cũng phải dùng người trừ loạn. Hỏi ông quan võ, hẳn dạ liền, hẳn quen kỷ-luật, không đau bao-tử. Anh ở Bắc, biết Tây xưa dùng quan Ba quan Tư trị nhậm Hà Giang, Lao Kay, Territoires Militaires ; cũng tốt, nếu không gá bạc. Các nơi đó nhiều giặc cỏ. Giặc nó sợ súng, không sợ bài ngà, bằng-cấp, Ông Tá ông Úy thiếu luật-lệ, thì cho một Hành-chánh làm Phó, được rồi. Kêu rằng bị người không hiểu biết người ta sai phái mình. Muốn sai phái lấy, thì mình phải dám lãnh trách-nhậm. Trách nhậm mà trốn, thì cho biết thân mà dám, rồi coi lại sau. Ngày xưa, Nguyễn công Trứ là quan văn, mà đi đánh giặc được. Nhưng ông văn không làm nổi, thì ông Gia Long giao ông võ, cho ông Tá quân Duyệt làm Tổng-trấn Gia-Định-Thành. Xưa có Trấn-thủ, vừa đánh giữ, vừa cai trị. Bây giờ cho Tiểu-khu trưởng kiêm Tỉnh-trưởng, cũng vậy, chỉ có danh-từ thay đổi....

oOo

Sự biệt-phái sĩ-quan vào các chức-vụ chỉ-huy địa-phương, chỉ là một trong những biện-pháp nội-trị mà chính ô. Diệm tìm lấy ; ô. Nhu chỉ cho ý-kiến về những cá-nhân được chọn mà thôi.

Cơ-cấu tổ-chức các miền trong nước, từ Xã đến Phần, do chính ông Tổng-thống thay đổi. Dự-lệnh các văn-kiến căn-bản, như Dự 57-a ngày 24-10 1956, do ông sửa chữa từng chữ : như Cai-tổng thành ra Chánh-tổng.

Song ở phạm-vi này, ông chịu ảnh-hưởng sâu và nặng của các thời trước, nên vẫn theo quan-niệm lâu đời về một hệ-thống mà chưa ai xét lại tận nền móng : Ấp hay Thôn Xã, Tổng; Quận thay Phủ và Huyện; Tỉnh, và Phần thay Kỳ.

Hệ-thống đó đã được chấp nhận ở những thời chánh-quyền chỉ cần giữ yên xứ-sở. Người hữu-trách Quốc-triều cũng như Thuộc-địa, đều nhằm một mục-đích tiêu-cực : Vô-sự. Nhưng nếu mong có tiến-bộ trong dân-gian, nhất là muốn nắm vững dân trong thời loạn, thì chánh-quyền phải có mặt với nhiều nhân-viên và phương-tiện ở ngay cấp Xã và cấp Quận, thay vì ở cấp Tỉnh.

Muốn kiểm soát, viện trợ và hướng dẫn, người của chánh-quyền phải thị sát và can thiệp tại chỗ, hoặc toả về từ nơi gần nhất, là Quận-ly chớ không phải là Tỉnh-ly. vì Tỉnh-ly còn quá xa. Nên Quận phải thay Tỉnh mà thành trung-tâm nội-trị, với những cơ-quan hành-chánh và chuyên-môn, cùng những thẩm-quyền xưa nay chỉ dành cho Tỉnh. Tỉnh-trưởng, với một số nhân-viên tối-thiểu, sẽ chỉ còn giữ nhiệm-vụ thanh tra và cố vấn mà thôi,

Kế sách này, được trình lên ô. Diệm từ khi ông mới chấp chánh : ông có chú ý và xem xét vài lần. Ông nhận là phải, song theo ý ông, chỉ có thể thực hiện dần dần, vì phải có nhiều tiền và người : hơn 200 Quận sẽ được tổ chức như Tỉnh, nên phải chờ một thời-gian khá lâu mới mong cung cấp cho mỗi Quận ít nhất một kỹ-sư với dăm bảy cán-sự ở mỗi ngành chuyên-môn, một số mà các Tỉnh cũng chưa có.

Song ông hướng về mục-tiêu đó, và trong khi chờ đợi, ông nghĩ cách đem chính-quyền lại gần dân hơn : tổ chức các đoàn cán-bộ Công-dân-vụ cho lưu động khắp các nơi, khi chưa tăng được nhân-viên cho Quận, và khi chưa huấn luyện được người cho Xã ; mặt khác, chặt các địa-hạt quá rộng lớn thành những đơn-vị nhỏ hơn, thành nhiều Tỉnh hay nhiều Quận.

Bởi vậy, Công Dân Vụ được đặt trực-thuộc phủ Tổng-thống, và do ông điều động, cho tham gia các chiến-dịch, bình-định, tuyên truyền, vận động tuyên-cử, cải tiến dân-sinh v.v.

Vấn-đề thứ hai do đích-thân ông cứu xét. Ông phân chia lại lãnh-thổ, thay đổi nhiều địa-giới và địa-danh, đặt ra những Tỉnh, Quận, hay cả những Tổng mới. Hình như nhân dịp này, ông muốn in sâu dấu vết của ông trên bản đồ xứ-sở.

Ngay từ 1956, song song với cuộc cải-tổ hành-chánh, ông ký các sắc-lệnh ngày 22-10, 23-10 và 24-10, đặt Cao-nguyên thuộc Trung-phần, gọi miền Trung cũ

là Trung-nguyên, Sài-Gòn Chợ-Lớn là Sài-Gòn, định số Tỉnh Nam-phần là 22, cắt Biên Hòa làm 4, đề lập thêm Long Khánh, Bình Long và Phước Long.

Sau đó, ông lại lập các tỉnh Phước Thành (23-1-59) Quảng Đức (23-1-59) Chương Thiện (24-12-61) Quảng Tín (31-7-62) Phú Bồn (1-9-62) Hậu Nghĩa (14-10-63). Ông lập cả những quận mới như Đôn Luân và Đồng Xoài, Phước Long (24-7-61) Đôn Nhơn (7-3-63) những Tổng mới như Hoả Điền, Kiến Hòa (7-2-63)...

Với dụng-ý Việt-hoá những địa-danh khó đọc hoặc có thể gây hiểu lầm đối với ngoại-nhân, ông bắt bỏ những tên nôm-na, thay bằng những tên được coi như có nhiều ý-nghĩa hơn, với những âm-hưởng thời xưa, nghe như những tiếng thường thấy ở Đại-Nam Nhất Thống Chí hay Khâm Định Việt Sử : Quận Núi Sập thành quận Huệ Đức (An Giang) Cái Nhum thành Minh Đức (Vĩnh Long) Bãi Xàu thành Trang Kinh (Ba Xuyên) Bà Rịa thành Phước Tuy, Sóc Trang thành Ba Xuyên, Cà Mau thành An Xuyên. v.v.

Việc này đã gây bất-mãn và bị chỉ-trích khá nhiều : Dân ta vốn tha-thiết nói những gì liên quan trực-tiếp đến quê hương, người nào quen thuộc vùng ấy, không muốn liên lạc với những tỉnh-ly quận-ly chưa từng qua lại, hơn nữa, ai cũng tự hào về vùng mình, rất ngại mang tiếng bị sáp nhập vào quận hay tỉnh khác. Như khi ông Tổng-thống dự định lập tỉnh Quảng Tín, một số nhân-sĩ Quảng Ngãi khiếu nại rằng : hạt chúng tôi là nơi sinh trưởng của nhiều danh-nhân, là đất khêa-hoạn, có thời được 5 ông tiến-sĩ đồng-khoa, vua khen là « ngũ phụng tề phi », nay bắt thành dân Quảng Tín, thì đâu còn phương danh ngũ-phụng ?

Ông Diệm bảo người chung quanh : mặc mấy ông già kêu la, đặt tỉnh mới là việc lâu dài, người trẻ tuổi sau này cần chi ngũ phụng bát phụng, quen đem đơn lên Quảng Ngãi, thì rồi cũng quen đến Tam Kỳ, khó chi ?

Lại có người trách sự đặt tên chữ, cho là cầu kỳ, cứ đề nguyên tên nôm nghe thân-mật hơn, càng quê mùa càng gọi nhiều kỷ-niệm và tình-cảm riêng của người dân địa-phương. Bà Rá, Bến Tre khó nghe đối với tai ông Tổng-thống, song nhắc cho người sở-tại những sự n'ững chuyện mà ông không biết ; còn Phước Bình với Trúc Giang, chỉ thỏa mãn những người thích văn-tự cổ như ông. Mà nếu đổi, thì cần chi đổi hoài ? Đã gọi là Mộc Hóa, sao còn đổi ra Kiến Tường, chẳng chữ Hán cả hay sao ? Đổi Trà Vinh ra Vĩnh Bình, sao cứ đề nguyên Kontum, Pleiku, Darlac ? Và Sài Gòn thì Nho hay Hán đâu, sao không thay ?

Được vài bạn hỏi về vấn-đề này, tôi đã nghĩ ý riêng như sau : những tên gì thuộc thổ-ngữ và đã bị người Pháp phiên âm, nghe lai căng lắm, cũng nên được Việt-hóa. Sự cải-danh còn có chút hiệu-lực về tâm-ly, khiến cho

danh-hiệu chánh-quyền nghiêm-chỉnh hơn, mà phải nghiêm-chỉnh mới có uy-tín. Tỉnh-trưởng Phước-Tuy hay Quận-trưởng Sùng-Hiếu, nghe chứng-chạc hơn là Tỉnh-trưởng Bà Rịa và Quận-trưởng Cái Bè.

Tuy-nhiên, sự thay đổi cần dừng lại ở cấp Quận, và nên duy trì những tên được nhiều đời chấp nhận một cách hồn-nhiên, có tiếng dội sâu xa ở tâm-thần người thôn-dã. Như ở quê tôi ngoài Bắc, giả-thử có ai đổi thành Ngọc-kiều chẳng nữa, chiếc cầu Tô của tổng tôi, chắc không bà con nào của tôi bằng lòng, vì cầu Tô nhắc cho chúng tôi không biết bao nhiêu cảnh đời chỉ có thể được nhớ tiếc do người đồng-hương với tôi. Ai đã từng ăn bánh dày Quán Gánh hay bánh dán Cầu Khâu, mới muốn giữ Cầu Khâu và Quán Gánh.

Cũng may mà ông Diệm chưa kịp nghĩ đến những Bà Queo, Ông Cộ, Ông Tạ v.v.. Tôi chẳng quen biết các ông bà này, nhưng cũng đoán nổi những ý-nghĩa và thú-vị riêng của các quý-danh đối với đồng-bào địa-phương.

oOo

Về phương-diện đối-ngoại, kế-hoạch chung thường do ô. Nhu phác họa :

Hạn chế và kiểm soát quyền-lợi của Hoa-kiều : buộc họ nhập Việt-tịch và muốn vậy, cấm họ làm một số nghề nếu giữ quốc-tịch Tàu ; bỏ Lý-sự Hội quán và đặt cơ-quan Hoa-kiều-vụ ; — giành lại chủ-quyền đối với Pháp, song cứ cho Pháp hưởng những quyền-lợi sẵn có về kinh-tế và văn-hóa, nhận viện-trợ Pháp ; — trong sự giao-thiệp với Hoa Kỳ, tuy cần được họ giúp đỡ, không để cho họ noi vết cũ của Pháp mà lấn quyền ; — cầu thân với Thế-giới tự-do, với dân-chúng cũng như các chánh-phủ, vì thế, lập những hội thân-hữu Việt-Phi, Việt-Mỹ, Việt-Nhật, Việt-Pháp v.v.

Anh-hưởng của ô. Nhu trên lãnh-vực ngoại-giao rất mạnh. Nhiều người biết rằng ý-kiến của ông thường là yếu-tố quyết-định của ô. Diệm, nay về sự bổ-nhiệm các đại-diện VN và thuộc-viên.

Thành thử điều nên xét đối với tôi, là trong khuôn-khố một chính-sách đối-ngoại như trên, chính ô. Diệm đã giữ vai trò mình và xử sự như thế nào ?

Tôi thấy vẫn có những đặc-điểm phân biệt hai anh em, nghĩa là tuy đồng-ý trên nguyên-tắc, lắm khi địa-vị và cá-tính của ô. Diệm vẫn khiến ông có thái-độ và phản-ứng khác của ô Nhu.

Như khi chọn Đại-sứ, ô. Nhu căn cứ vào thành-tích mà xét có đủ trung-thành là điều-kiện ưu-tiên không. Ô. Diệm cũng đòi hỏi như vậy, nhưng ông còn xem tướng-mạo...

Cử cựu Bộ-trưởng ra nước ngoài phục vụ : ô. Nhu cho đi để khỏi ở nhà nuôi ngằm bất-mãn. Ô. Diệm coi là sự đền công, vì đã giúp ông một hồi, thì

dầu thấy không đáng lưu nhiệm vì một vài lý-do nào đó, ông cũng không nỡ bỏ : ông ngại mang tiếng là bạc. Biết thế, có người được lên Bộ-trưởng, là nhằm sẵn một châu Trưởng nhiệm-sở ngoại-giao, Ba-Lê, Đông-Kinh, Bonn vv.

Ô. Nhu rất nghi kỵ người Tàu về cả hai mặt chánh-trị và kinh-tế : Chợ Lớn và nhất là các trường Tàu cần được kiểm soát chặt-chẽ để phòng sự trà-trộn của Trung-Cộng và sự toa rập với Việt-Cộng ; những vụ đầu-cơ tích-trữ và thao-túng thị-trường phải được chấm dứt. Ô. Diệm nhia nhận vấn-đề Hoa-kiều với con mắt lạc-quan hơn, và thay vì bài trừ, ông nghĩ đến liên kết : người Tàu thuở xưa đã định đồng hóa ta để tránh sự nổi dậy, thì bây giờ ta có thể đồng hoá họ để sống chung yên ổn. Ông Tổng-thống muốn họ học Việt-ngữ, mặc quần áo ta ; với thói quen thay đổi tên gọi, ông bắt phiên âm theo giọng Việt những danh-hiệu xí-nghiệp Quảng Đông hay Phúc Kiến. Ông thông Hán-tự, trọng Khổng-học và văn-hoá cổ-truyền Trung-quốc, phục Tưởng Giới Thạch, thích thú cuộc phát-triển mau lẹ của Đài-Loan mà ông đã chứng kiến khi thăm xứ này. Ông hoan nghênh sự hợp-tác của chuyên-viên Tàu, và thúc đẩy phong-trào Hiệp-hội Nông-dân, một tổ-chức phỏng theo Nông-hội của chánh-phủ Đài Bắc.

Sự dị-biệt giữa ô Nhu và ô. Diệm cũng dễ nhận trong sự bang-giao Việt Pháp và Việt Mỹ. Cả hai người đều không thân Pháp, trên cương-vị chánh quyền. Song ô Nhu là người hiểu biết sâu rộng và ưa chuộng văn-hóa nhân bản của Pháp, lại ít cảm-tình đối với văn-minh cơ-xảo của Hoa-Kỳ : ông chẳng buồn học tiếng Mỹ. Tâm-buróng của ông lộ ra trong một câu đã nói thủng thẳng năm 1955 :

— Một thằng rất hiểu mình thì chỉ tính xỏ mình, một thằng muốn giúp mình thì chẳng hiểu mô tê chi cả.

Các trường Pháp và cơ-quan văn-hóa Pháp vẫn được tiếp-tục hoạt động điều-hòa, tuy đã có người khuyên ô. Diệm nên liệu cách giảm bớt ảnh-hưởng tinh-thần của Pháp. Song ô. Nhu thấy không nên xáo trộn huấn-luyện và chánh trị ; theo ông, chừng nào mình đủ trường hầy hay, mình còn thiếu thầy, thì để họ dạy giúp, ở nhiều xứ khác, vẫn có trường Pháp ; mình học quen tiếng Pháp thì cứ học, ngôn-ngữ chỉ là phương-tiện, xưa kia những người nổi lên đánh tàu giành lại độc-lập, lại chính là những người giỏi chữ Tàu văn Tàu.

Nên các con ông vẫn học trường Pháp, với gần 10.000 đồng-bào trẻ.

Ô. Diệm không phản đối, nhưng thường tỏ vẻ lạnh-lùng hoặc nghiêm-khắc Cố-vấn Pháp mà ô. Nhu cho giữ lại trong Phủ để tiện liên lạc với tòa Đại-sứ Pháp, ít khi được ông Tổng-thống hỏi han, chỉ hay bị kêu lên để nghe trách : Pháp-kiều này buồn lậu, Pháp-kiều kia trốn thuế, phóng-viên Pháp hay xuyên tạc, Pháp dụ dỗ thanh niên VN ở lại Pháp chớ không buộc về nước phục vụ v.v. Chính vì lý-do này mà trong nhiều năm ông không cho qua Pháp du học ; đi công cán hay tu nghiệp ở nước ngoài, mà xin ghé qua Pháp, thì khó lòng được phép ;

có lần ông giễu: vẫn coi Ba Lê là Thiên-triều hay sao mà cứ phải sang châu? Về phần ông, ông đứng đưng khi vài nghị-sĩ Pháp và cả một Tổng-trưởng Pháp ngờ ý rằng chánh-phủ Pháp muốn mời ông qua thăm nước Pháp (1959-60).

Sự lãnh-dam của ông có thể giải-thích bằng nhiều lẽ: ông đã chịu đựng mọi nỗi khổ-tâm của một ông quan cứng rắn trong thời Pháp-thuộc, đã chống chính sách của Toàn quyền Pasquier, và bị cách-chức Thượng-thơ: ô. Nhu không từng trải cảnh tình đó. Ngoài ra, ô. Diệm quên sao được, rằng năm 1955, quân-đội Pháp đã giúp ngấm những lực lượng đối-lập đề mưu lật đổ ông? Sau hết, ông theo học Pháp ít hơn ông em, nên không nặng tình với một văn hóa mà ô. Nhu đã thấm nhuần ngay trên đất Pháp, đến nỗi quen nghĩ và viết bằng tiếng Pháp.

Ô. Diệm được người Mỹ giúp đỡ ngay trong hồi bôn ba hải-ngoại. Ông tin cậy vào thiện-chí viện trợ không vụ-lợi của Hoa Kỳ, và do đó đã sẵn lòng tìm hiểu văn-minh Mỹ. Ông có học tiếng Mỹ, tuy phải dùng thông-ngôn, vẫn nghe được nhiều câu nói chuyện; ông chịu tập đọc cho đúng giọng Mỹ những bài diễn văn phải đọc trước Quốc hội và nhiều đoàn-thể Mỹ. Năm 1957, sau hai tuần công du tại Hoa-kỳ, ông vui vẻ thuật lại tỉ mỉ cho nhân viên thân-cận những điều mắt thấy tai nghe, và tỏ ý khâm phục những người đã gặp cùng những cảnh đã xem.

Vài cố-vấn Mỹ, thân-hữu của ô. Diệm, đã nhận rõ tâm-trạng hai anh em. Họ tới gặp ông Tổng-thống luôn, có khi dùng bữa điềm-tâm với ông, nhưng rất ít khi thăm hỏi Cố-vấn Ngược lại, ô. Nhu cũng tỏ ra lạnh nhạt. Cố biết rằng đã có lần họ khuyên khéo ô. Diệm nên để ông bà Nhu rời khỏi VN hay ít nhất cũng ra khỏi dinh Độc Lập: cái gì, chứ điều đó thì Cố không thể nào tha thứ. Cố oán trách ngoại-nhân đã nói xấu ông và bà khá nhiều. Cố cho là họ đã bị tuyên-truyền đầu độc và cần được giải độc. Rồi Cố còn thấy là nhiều nhân-vật Mỹ có khuynh-hướng xen lẩn, dùng áp-lực mỗi ngày một nhiều hơn để buộc ô. Diệm đi tới một chế-độ mà họ cho là dân-chủ hơn và thích-hợp hơn. Đến 1962, Cố không ngần-ngại tuyên bố nhiều lần, rằng thà khổ còn hơn chịu nhục, phải tìm cách thoát ly viện-trợ, tự túc, tự cường và tự lập.

Trong khi đó, ông Diệm vẫn giữ thái-độ hòa-nhã đối với Mỹ: ở cương vị Tổng-thống, chắc ông không thể nào khác. Ông cũng rầu-rĩ vì biết nỗi khổ-tâm của ô. Nhu. Ông không muốn chính-sách thân-thiện Việt-Mỹ bị tổn thương. Lòng thương em và tính cả nể của ông đưa ông tới một tình-trạng rất khó xử.

Một Cố-vấn Mỹ, được ông tin dùng lâu năm, quyết xin về nước, sau nhiều phen tỏ ý chán nản.

Tôi lấy làm lạ:

— Tổng-thống vẫn quý ông, sao ông lại bỏ?

— Tôi không bỏ. Tôi vẫn quý ô. Diệm. Nhưng ô. Nhu muốn tôi đi, tôi có trình như vậy.

— Chắc Tổng-thống giữ ông lại ?

— Không. Ô. Diệm chỉ nói là ông buồn lắm, very sorry, và hỏi tôi có muốn điếu gì trước khi chia tay không ? Tôi trả lời : tôi chỉ mong rằng, dù thời-cuộc biến chuyển ra sao, ông hãy giữ mãi cho tôi một chút tình xưa.

— Ông đã cáo biệt ô. Nhu chưa ?

Cố-vấn Mỹ cười lạt :

— Tôi đã được ông ấy tiếp trong 2 phút rưỡi.

Cách đó ít hôm, người Mỹ này rời Sài-Gòn. Trước khi lên máy bay, ông ta rung rung nước mắt mà dặn tôi :

— Ông Tổng-thống chẳng nghe điều gì của chúng ta. Nhưng tôi vẫn chúc cho ông thành công. Giữa ô. Nhu và tôi, tất nhiên ông không thể chọn tôi. Ông chỉ bắt tôi hứa rằng : hễ khi nào ông cần thì tôi lại phải đến với ông. Tôi mong có thể gặp ông vào dịp Noël 1963....

Đ.T.

Kỳ tới : Hình ảnh gần xa.

Rượu bò
QUINQUINA

Quina '9'

CỔ ACIDE GLUTAMIQUE





*Khởi vị,
ăn thêm ngon.*

**BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể**



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.8YT

Thơ ĐOÀN - THÊM

Bao lâu thơ đã trốn người
Lánh đêm hỏa-tiến, lánh trời hỏa-châu
Nước trôi qua bến qua cầu
Mây đưa bóng lặng về đâu gửi buồn

oOo

Ngàn cây mọc để nuôi xuân
Thơ gieo cho bút trả dần nợ hoa
Căng dây, đàn vẫn đợi ca
Cuộc đời thiếu nhịp không hòa nổi riêng

oOo

Trót quen nhiều sự chẳng thành
Tạm ghi chưa biết để dành cho ai
Núi nghe sông kể chuyện dài
Nên chẳng giữ lại một vài tiếng vang

oOo

Chiều nay, sao lộng ánh tơ
Sớm mai sao tỏ hay mờ trong sương
Mỗi ngày thăm hỏi bốn phương
Lối đi vẫn khó hơn đường lên trăng

oOo

Mưa tan cơn, nắng dịu dần
Sắp xa biển khói, chưa gần bến mơ
Sang mùa lan cúc gọi thơ
Hãy quên xuân trước để chờ xuân sau

XUÂN TƯ

thơ xướng Xuân tư nhờ tiểu muội

HOA dậy màu hoa hương ngát hương
Xuân nào địa cửu với thiên trường
Tâm tư hướng lạc trời đôi ngả
Hoài niệm với trông mây bốn phương
Đồng điệu bắc qua cầu lỗ nhịp
Hành trang thêm nặng gánh lên đường
Kinh thành nhòe nhoẹt màu quan tái
Hun hút ngàn xa cỏ trắng sương

ĐÔNG HỒ

XUÂN Ý

mượn lời Xuân ý họa ngô huynh

Ôi trường sinh điện đình trầm hương
Áo vũ xiêm nghề giấc mộng trường
Rượu ấy vừa nghiêng xuân nửa chén
Men nào đã dậy gió mười phương
Đèn khuya mặt ngọc gầy trang chữ
Ngõ hẹp hài thêu lỗ bước đường
Thảo mộc biết đâu lòng nức nở
Cành mai vẫn nhón nụ tinh sương

MỘNG-TUYẾT Thất tiểu muội

L.T.S. Trong bài thơ của Thi-si Đông-Hồ đăng trên Bách Khoa số trước, kỷ niệm 12 năm, ở trang 6, nhan đề là « TUỔI MƯỜI HAI » mà vì sơ xuất nên đã in lầm là « Tuổi hai mươi ». Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả và nhà thơ Đông-Hồ.

ĐỐT LỬA TRONG ĐÊM

Tặng Khánh, em tôi

Bóng tối loãng như một thứ sương mù xám bay lẫn vào những hạt mưa thưa còn rơi rớt lại trong hoàng hôn. Lạc đứng ngơ trên cái gác gỗ thấp. Anh vức mẫu thuốc lá xuống hàng rào hoa giấy đỏ tía phía dưới. Mẫu thuốc lẫn trên mấy cái lá ướt, thấp thoáng rồi mất hút đi để lại mấy cọng khói nhỏ ngần ngại toả ra, bay lên không được. Lạc vuốt mặt nhìn suốt cái hẻm rộng vắng teo, khép nép dưới một khung trời nặng nề sùng ướt. Anh chợt thấy mình thật vô định, bơ vơ giữa cái thành phố quá lớn, quá hỗn tạp đang nằm lim dim dưới cơn mưa cuối năm đến bất chợt.

Lạc sống ở đây đã mấy năm mà anh không hề hiểu nó, nó cuồng động, bụi bặm, kiêu sa nhưng cũng thấm thiết tình người trong những đau đớn của mùa xuân năm trước. Nơi đây ngày Tết không có gì ngoài phi cơ, bom đạn và gạch ngói đổ nát, ngoài những đêm xích túi quần áo, sách vở chạy tới chạy lui, ngoài những ổ bánh mì cứng như củi và những cốc nước đồng nai lạt lẽo. Lạc không muốn nghĩ đến những thứ ấy nữa, chúng có quá nhiều trong cuộc sống của anh, trong những khu lao động, trong những trại tạm cư trong những bữa cơm dọn vội vàng trên nền đất và trẻ con nheo nhóc bò khắp lối đi. Bàn tay của những thằng như anh đã không bù đắp nỗi đã không làm nên được một nụ cười thật bình yên trên môi một người lao động. Tất cả mọi cố gắng chỉ là vá vúi, tạm bợ. Lạc biết như thế nhưng vẫn cố gắng giúp đồng bào trong các trại tạm cư,

ngoài ra bọn anh còn biết làm gì trong một hoàn cảnh đã vô vọng. Chẳng lẽ vừa uống cà phê ăn bánh ngọt vừa viết văn than thở? Chẳng lẽ ôm "cua" mà học để kiếm mấy cái chứng chỉ xa vời? Lạc không thể quên được một đoạn thơ rất ngắn của một thằng bạn thân đã gửi tặng anh :

Năm một chín sáu lăm
bước chân vào đại học
ôi vàng son, vàng son
tôi ôm mặt đứng khóc...

Đoạn ấy ám ảnh anh mãi. Anh bè bạn với nó trong cuộc sống lẻ loi buồn tẻ giữa Một tập thể ồn ào. Đoạn thơ ấy những buổi chiều tối anh nán lại trường một mình, âm thầm đọc lại, Lạc ứa nước mắt. Nó đã viết những lời ấy và nó đã chết giữa guồng máy chiến tranh quay mãi không ngừng. Lạc mang tình thương bạn và nỗi chua xót đời mình trong cuộc sống thường

nhật. Đôi lúc anh muốn gia nhập với bè bạn cười nói ca hát học hành nhưng mỗi lần cố gắng là mỗi lần Lạc thấy gương ngấp lệch lạc. Hôm trước Tết Mậu Thân cũng vậy, bạn bè rủ nhau tổ chức liên hoan tiệc trà, nhảy nhót chúc tụng, gửi thiệp cho nhau... họ rủ anh góp phần vào cho vui nhưng Lạc biết rằng ở đó anh không thể nào vui được, anh không muốn làm lỡ cuộc vui của họ và anh từ chối. Anh nói là anh phải về quê sớm. Máy cô mấy cậu quay quanh Lạc chúc tụng tưng bừng, nào là mộng đẹp, nào là vui như pháo Tết, nào là hưởng một mùa xuân hoa mộng. Lạc cảm ơn rồi rút. Rồi Tết đến, chẳng có vui vẻ gì chỉ có bom đạn máu lửa và người chết, người chạy tìm chỗ dung thân. Lạc lo đi cứu trợ đồng bào. Anh ở lâu nhất tại trung tâm Phan-đình-Phùng, đi xin gạo, quần áo, thuốc men, chiều chiều xách đàn ra dạy các em hát. Trẻ em ở trung tâm này thật là đông, những lần các em chơi trò rắn rồng thì nối đuôi nhau gần giáp vòng cái sân chơi rộng vừa đi vừa chạy vừa hát ngêu ngao ngã xiêu ngã vẹo, giả làm say rượu rồi vỗ tay rôm rốp. Mấy cô bạn sinh viên thì lo nấu cơm xách nước dọn quét. Lạc ca một ngày không biết mấy lần, ôm các em mà ca, xoay vòng vòng khắp nơi. Tối ngủ lại, vài giờ sinh hoạt ngắn, có đêm làm văn nghệ cho các em và đồng bào xem, có lần đóng kịch nữa. Lạc làm đủ trò. Bọn anh mang nguồn vui đến cho các em bé nhưng chiều chiều vẫn có những người già, những thiếu phụ ngồi thờ dài trong một góc phòng, trong bữa cơm thanh đạm hay trong những đêm thao thức mãi.

Bọn anh biết làm gì hơn. Sự nghiệp

của đồng bào đã tan tành hết người thân chết đi không tìm lại được, anh biết nói sao trước những giọt nước mắt nhoe ra trên gò má nhăn nheo của một cụ già, anh biết làm gì trước lời ghen ngào của thiếu phụ? Bọn anh chỉ còn có thể mang lại những niềm vui hồn nhiên cho tuổi thơ, dạy cho chúng biết yêu quê hương, yêu con người, biết đùm bọc, giúp đỡ nhau. Bọn anh đã cố gắng, dù đó là một cố gắng nhỏ mọn trong một xã hội hư nát, nhưng vẫn cứ cố gắng. Đó là một thái độ phản kháng Ước mơ của bọn anh không phải chỉ bấy nhiêu ấy, bọn anh đi cứu trợ không phải để cảm thấy mình nhân đạo, mình nghĩa hiệp, nhưng mà để phản kháng, phản kháng chiến tranh tàn sát, bóc lột con người, phản kháng cái xã hội rã rời, hư nát sa đọa. Giúp một số đồng bào, dạy năm ba bài hát cho các em nào có thắm vào đầu nhưng mà bọn anh vẫn làm. Chiến đấu trong vô vọng trong phi lý nhưng vẫn chiến đấu, nào phải Lạc không biết sự vô vọng, sự phi lý ấy đâu. Anh mong đợi cuộc cách mạng xã hội toàn diện, một sự xây dựng toàn diện, một tình thương rộng lớn ôm trọn lấy con người chứ nào phải anh bằng lòng với cái hành động cứu trợ con con ấy đâu.

Một năm đã qua đi rồi, những biến động dồn dập vội vàng làm Lạc quên hết ngày tháng. Một buổi sáng thức dậy nghe radio hát một bài ca xuân, đến trường nghe những xôn xao quen thuộc như mấy năm trước cũng tụ họp cũng liên hoan, cũng những tấm vé máy bay, những bạn bè sắm sửa mua quà bánh, rim mức đem về quê. Lạc trông họ mà mũi lòng. Anh muốn về thăm mẹ nhưng không thể về được,

anh phải ở lại đây, ở lại Sài Gòn với những con đường mù mịt khói xe và bụi bặm, với mồ hôi và nắng cháy và cuồng động vội vàng, với những bữa cơm chiều buồn tẻ âm u ở khu nhà ăn đại học xá Minh-mạng, mấy dãy bàn ghế già cũ, những bát canh cải lạt lẽo, những đĩa rau, những tô cơm chan đầy nước canh lua vội vã cho qua cỡ họng cho đầy dạ dày. Một ngày hai bữa, anh đến đó với bạn bè, những người ngày ngày cúi mặt xuống bát cơm lạt, ăn để sống, để học và để phấn đấu cho đời và cho cái dạ dày khỏi trở thành cái túi đựng cơm cho xác thân này khỏi trở thành cái giá móc áo. Những buổi chiều Lạc ngồi tựa lưng vào vách hai tay khoanh trước ngực nhìn những bóng điện đỏ ủa mờ mịt, hăm-hiu, treo mãi tít trên xa, những cái đầu cúi xuống hàng loạt, lúc lắc theo những cử động đều đặn nối tiếp nhau mãi cuối phòng, lẫn khuất trong bóng tối, mấy chõng chén đĩa, rổ rau, và những bản thông cáo in ronéo dán trên tường chỉ còn thấy lờ mờ như những vệt vôi bị bong ra. Những người đã ăn xong, đi qua, đi lại như những cái bóng âm thầm. Lạc nhắm mắt lại bồi hồi. Những lúc đó anh thường nhớ đến mẹ mình. Nửa khuya Lạc chợt thức dậy thấy mẹ đang lui cui sửa lại cái mùng, kêu lại ngọn đèn dầu sắp tắt. Anh tỉnh ngủ hẳn. Hai mẹ con nói chuyện cho đến sáng. Mẹ lúc nào cũng lo lắng cho anh một mình phải sống giữa những biến động như vậy « Con phải cẩn thận đừng làm gì hết, họ làm gì kệ họ, nhà mình nghèo, lo học là hơn » Anh làm sao quên được những lời của mẹ nói từng đêm như thế, những câu nói thì thầm tha thiết đầy

lo âu ấy suốt đời anh không quên được cũng như anh nhớ hoài giọng ru thực thà của người Bình-định, giọng ru bộc lộ hết cả cái bản tính thuần hậu chất phát của người xứ anh. Anh không quên được nhưng anh vẫn trái lời mẹ. Anh không thể « đừng làm gì hết » bởi vì có quá nhiều chuyện để làm mà đôi tay anh quá nhỏ bé, bởi vì anh hiểu ra một sự thật có vẻ rất nghịch lý rằng hạnh phúc chính là sự chia sẻ đau khổ với đồng loại, rằng sự đau khổ có đầy dẫy trên đồ nát, trên đồng ruộng cháy khô và trong các trại tiếp cư lụp xụp... có ngay trên xác thân anh, trên từng bát cơm lạt lẽo trên từng bước đi mỗi rời.

Làm sao anh có thể vâng lời mẹ, làm sao anh có thể đậu đạt để cho mẹ vui đến ngủ không được ? đó là niềm vui quý báu nhất, thuần hậu nhất của mẹ cha, con thật bất hiếu đã đánh mất niềm vui ấy. Nhưng con phải làm thế đó mẹ ơi !

Lạc đốt thuốc lá. Anh nghĩ không biết mình sẽ làm gì cho hết cái đêm giao thừa này. Thành phố thật im lặng. Mọi người thu mình phía trong những khung cửa sổ có ánh đèn mờ vang vọng tiếng đàn tiếng hát. Lạc quay vào phía trong, căn gác tối đen lạng lẽ. Anh để ý thấy một con mèo đang thu mình trong xó tối rình rập, chăm chỉ và nhẫn nại. Lạc chợt thấy cuộc sống sao mà ngậm ngùi, hèn mọn và tầm thường biết bao. Không hiểu những người suốt đời chỉ bận bịu với ăn mặc, tranh giành với những vần thơ trau chuốt, với những săn đuổi tình ái... họ có bao giờ tự hỏi mình sống để làm gì. Vậy mà họ vẫn sống được, sung túc và kiêu hãnh với sự sung túc ấy. Anh không hiểu sao nữa.

Còn anh nhiều khi anh thảng thốt tự hỏi rằng nếu không có những lần lần thân vào những khổ đau của đồng loại thì anh có còn lý do nào để sống? để sống mà không hồ thẹn?

Lạc trở vào định bật đèn lên nhưng nghĩ sao anh lại mặc vội cái áo rồi xuống gác.

Bà chủ nhà hỏi:

— Cậu không ở nhà đón giao thừa?

Lạc đáp:

— Tôi đi một lúc thì về.

Rồi anh trở ra đường cái. Anh biết mình sẽ đi mãi đến bờ bến của một năm nặng nề khổ nhục.

Đường phố thật vắng. Không còn nhà nào mở cửa. Lạc bỏ hai tay vào túi quần hít một hơi dài cái không khí lạnh se se giữa khuya. Con đường nhựa bóng loáng ẩm ướt bởi trận mưa khi chiều. Con đường thật dài chạy hút xa giữa hai hàng cây lạnh lẽo và câm nín. Lạc thấy như mình đang đi lần đến một cái hố sâu nào đó ở cuối đường đầy bất ngờ và đầy huyền thoại. Con đường có những cái dốc thấp làm Lạc nhớ đến những đêm mưa dầm ở Huế. Anh đi chơi khuya trở về Nam-giao cũng qua những cái dốc ướt sũng mờ mịt đầy ảo ảnh như thế, những khoảng trống xuống phía trước tối đen như sâu thẳm như vang động xao xác mơ hồ những tiếng gọi mời mọc của một điều gì đó anh không hiểu được, có lẽ của một khát vọng thầm kín nào, anh cứ đi, đi xuống thấp dần như xuống một cái thung lũng tối mịt, lúc đó Lạc nghe được cả tiếng nức nở của một thân cây khô, tiếng một giọt nước mưa vừa rơi trên lá.

Anh nhớ nhung lạ lùng.

Lạc lại đốt thuốc. Anh cúi xuống nhặt

một viên đá cầm lên sấm soi dòi dòi trên tay rồi ném về phía trước. Viên đá nhảy trên mặt đường kêu lên những tiếng khô khan lạnh lẽo. Lạc đứng dựa lưng vào một thân cây, chợt mỉm cười. Thỉnh thoảng mới có một vài người cỡi xe gắn máy chạy vụt qua, ngoài cổ nhìn lại. Lạc yên lặng hút thuốc. Đêm thật trống trải. Anh không có gia đình để trở về ngồi bên bếp lửa, bên nồi bánh chưng, bánh tét. Lạc ngược nhìn lên khoảng trời đen thẫm thấp thoáng giữa những cành cây lay động phía trên cao. Anh nhận ra một cái dù đèn mắc lủng lẳng trên ấy từ lúc nào, bay bay như đôi cánh lớn của một con ngỗng. Lạc sờ soạn trên thân cây chỗ anh đứng anh cố gắng tách một mảnh vỏ rồi bẻ vụn đi, búng ra xa. Một cơn gió lạnh đẫm sương lướt qua làm lạc nhớ đến những phiên chợ Tết ở quê nhà ngày xưa, sáng sớm anh mở mắt ra lần nào cũng thấy một ngọn đèn dầu vàng rực trên đầu tủ, những tiếng nói nhỏ âm u trong cơn ngái ngủ. Các chị anh đã dậy từ trước, cột quang gánh, ăn cháo điểm tâm. Lạc cũng trở dậy, co ro trong chiếc áo lạnh xám cũ kỹ lúc ấy đã có nhiều tiếng chân người đi ngoài đường cái lẫn với tiếng nói chuyện, tiếng cười, tiếng kêu kịt ở hai đầu đòn gánh trĩu nặng. Lạc mở cửa sổ thấy trời còn mờ tối và những người đi qua đó nối tiếp, rầm rì, quen thuộc, những người cứ đi hoài từng tháng từng năm như những phiên chợ Tết lúc nào cũng có trâu ngựa, mèo chuột nặn bằng bột vẽ xanh đỏ vàng, những con chim, con bướm thân bằng đất sét, hai que tre xuyên vào giữa bụng và sau đít dán đôi cánh và cái đuôi bằng giấy sặc sỡ, phía trên cột dây,

Lạc coi đồng hồ thì đã hơn hai giờ sáng. Giao thừa đi qua lúc nào không biết. Anh không thấy một dấu hiệu nào của một sự ra đi và của một sự bắt đầu chỉ có những cơn gió lạnh chốc chốc lại thổi đến. Trước mặt anh chỉ còn ngọn lửa vàng rực rỡ như một niềm vinh quang ngời sáng những hy-vọng vô tội ngây thơ trên gương mặt chăm chỉ vui mừng của đứa bé, trên những tan vỡ, rữa nát âm thầm ở đâu đó, ở khắp cả,

nhưng Lạc không cần biết, anh chỉ còn nhìn thấy cái thân hình bé nhỏ linh động lạ thường bên ngọn lửa rực rỡ niềm vui huy hoàng trên nụ cười của đứa bé Lạc ôm nó vào lòng. Nó ngã đầu trong ngực anh, hai tay quờ quạng. Lạc ghé sát vào tai nó nói thì thầm, mắt không rời ngọn lửa :

— Tết đến rồi đó, em biết không ?

BIÊN HỒ

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin Ông Bà Đặng Văn Chà, Giám đốc Tổng phát hành Nam Cường, sẽ làm lễ vu quy cho trưởng nữ là :

Cô ĐẶNG THỊ HẠNH cùng Cậu PHAN LƯƠNG QUỚI và hôn lễ sẽ cử hành tại Saigon ngày 28-1-1969.

Xin trân trọng mừng Ông Bà Đặng-văn-Chà và chúc tân gia-nhân cùng tân-lang trăm năm hạnh phúc.

LÊ NGỘ CHÂU — NGUYỄN HUY NHÂN

Đón đọc :

TRƯỚC - MẶT

Số 14. KỶ-NIỆM XUÂN KỸ DẬU

Hoàn toàn đổi mới

- Khổ nhỏ dày 150 trang
- Bìa và phụ bản màu

Văn : DƯƠNG KIÊN, PHAN KIM THỊNH, LAM HỒ, VU ĐOÀI, ĐỖNH HOANG SA, BÙI NGỌC DUNG, HỒ TRƯỜNG AN, NGUYỄN PHAN DUY, TRẦN HOÀI THƯ, ĐÀO TRƯỜNG PHÚC, PHAN NHỰ THỨC, HỒ MINH DŨNG, CUNG TÍCH BIÊN, VƯƠNG THANH...

Thơ : LUÂN HOÀN, THÀNH TÔN, LÂM CHƯƠNG, NGHIÊU ĐỀ, CHU TAN, TRẦN TUẤN KIẾT, HOÀNG GỖ QUÝ, LÊ VINH THỌ, THAI TỬ HẠP, ĐOÀN MINH HẢI, HAI PHƯƠNG, DU TỬ LÊ, YẾN NGUYỄN THANH, HÀ NGUYỄN THẠCH, KHẮC MINH...

Thư từ bài vở, giao dịch : PHAN NHỰ THỨC 21 Trần Cao Vân —
Quảng Ngãi.

Bếp lửa chiều sông

Thơ TRẦN-THỊ TUỆ-MAI

Xin em lửa ấm chiều nay
cầm lòng rét mướt bao ngày gió mưa
thuyền tôi quên đỗ bến chờ
ngược dòng mỗi lái ghé nhờ bến em

Bến em bực đá vuông hiền
ngàn năm cây mát làm duyên uốn mình
lá vờn khói sóng mong manh
cành cao gió lá hiền xanh dáng chờ

Neo thuyền nghe bớt bơ vơ
lời sông lời bến như vừa ấm say

Khoang hồng bếp lửa reo vui
em nghiêng dáng trẻ — ý đời chợt xuân

Chiều xuân trên cao

Thơ TRẦN-HUIÊN-ÂN

Chiều lên nắng chắt mây cao
Nghiêng khung cửa hẹp xin chào quê hương
Lòng giăng mắc những con đường
Lòng rơi rớt những ruộng vườn xác xơ
Giật mình khiếp nổi bờ vờ
Trăm đôi mắt đắm màu cờ tiêu bang
Tràng sơn đỏ lá khô vàng
Dòng sông khóc thuốc khai quang nghẹn lời
Ngày xưa có buổi đẹp trời
Cười vui quét ngõ đón mời mùa xuân
Gót từ dẫm bước gian truân
Quên năm tháng giữa chặng tuần thú xa
Dặm trường phi vụ vút qua
Chiều lên nắng chắt mây ngà...
Là Xuân ?

Xuân của cu Bần

Thơ LÊ-MINH-NGỌC

Thằng cu Bần đi bán báo
Vừa đi vừa rao, như người hát dạo :
— Số mùa Xuân, số mùa Xuân
Ơ, báo Tết số mùa Xuân —
Tiếng rao cao, cao lãnh lốt
Tiếng thấp, thấp nghẹn dần...
Xe ngựa ồn ào
Âm thanh bát nháo
Súng thét, bom gầm
Buốt tề cân não
Ai vì mùa xuân
Thương xót tuổi dương xuân ?
Nên mùa xuân vẫn chưa về trên đôi tay gãy guộc
Trên tấm thân rách mướp
Trên đôi chân rã rời không muốn bước
Của thằng cu Bần
Một mình ôm quá nặng (mấy mùa Xuân...)

oOo

Bụi vùn đường trưa nắng bốc cao,
Phương nào xuân đẹp mà chiêm bao ?
Nơi đây xuân đến trần vai áo,
Da thịt xuân dương rỉ máu đào.

(Trích 'Mên Khôi' sắp in)

... Tôi đã giữ lại một tên người, một tên nổi hẳn lên, đối nghịch lại với tất cả những gì ám muội, khả nghi, hỗn tạp; đối nghịch lại tất cả những gì nặng nề sách vở từ chương, đối nghịch lại tất cả những gì trói buộc thúc phược: đó là tên Krishnamurti. Đây là một con người của thời đại chúng ta, một người mà chúng ta có thể nói là bậc thầy, đạo sư, người làm chủ thực tại. Ông đứng một mình một cõi. Không thể nào thấy được bất cứ người nào trên đời này đã hy sinh quên mình, từ bỏ, chối bỏ mọi sự, chối bỏ hết như là Krishnamurti đã thể hiện trong đời sống ông...

Henry Miller

An-Tiêm vừa ấn hành:

• **KRISHNAMURTI Ở CARMEL**

của Rom Landau
Nguyễn Minh Tâm dịch
(sách tái bản)

HIỆN TƯỢNG KRISHNAMURTI

của Trúc Thiên
(sách tái bản)

• **TỰ DO ĐẦU TIÊN VÀ CUỐI CÙNG**

của Krishnamurti
Phạm Công Thiện dịch
(sách tái bản)

Sách sẽ ra trong tháng 2/69:

• **ĐƯỜNG VÀO HIỆN SINH**

(Commentaries on Living)
của Krishnamurti
Trúc Thiên dịch

• **Ý NGHĨA VỀ SỰ CHẾT, ĐAU KHỔ
và THỜI GIAN**

của Krishnamurti
Nguyễn Minh Tâm dịch

(Sách do nhà Sống Mới phát hành)

Ý nghĩ về

một mùa Xuân chưa kịp nở

Tuỳ bút TRÙNG - DƯƠNG

Một buổi tối đi dạo trên con đường trung tâm của Thủ Đô — đường Tự do — với một người bạn Mỹ — kẻ thoát chết sau bảy ngày sống sát bên tử thần tại thành phố Huế trong thời kỳ VC tấn công đợt I vào dịp Tết Mậu thân nhìn con đường còn ướt nước mưa và những ánh đèn xanh đỏ lập lờ ở phía con đường sát bờ sông, những chiếc xe nhà mang số Việt-Nam và ngoại quốc bóng loáng chạy tới chạy lui, những dáng đàn ông kiên nhẫn khổ nhục chờ đợi trên những chiếc xe gắn máy hai bánh đủ loại trong giờ phụ trội, bỗng dưng tôi nhận ra mình đang ở vào dịp cuối năm, một năm đầy biến cố kể từ ngày tôi có ý thức về những sự việc đang xảy ra quanh tôi, những sự việc đã xảy ra âm thầm rồi mãnh liệt bắt đầu bằng một sự xung đột về mặt lý tưởng giữa hai nhóm người, rồi giữa hai khối người, rồi giữa hai « quốc gia » — nếu có thể gọi như vậy — cùng chung một tên gọi, một lịch sử, một truyền thống, chỉ khác nhau ý thức hệ, màu cờ.

Tôi buộc miệng nói với B phá tan sự im lặng giữa chúng tôi trong đó mỗi người đang trầm lặng theo đuổi những cảm nghĩ riêng :

— Tôi tưởng như biến cố hôm Tết không xa hôm nay là mấy. Có nhẽ đây là năm đầu tiên trong đời tôi, tôi thấy thời gian qua mau đến như vậy. Một năm ngắn nhất trong những năm tôi đã trải qua.

B. nói lời tôi :

— Tôi cũng vậy. Cái lý do khiến cho năm nay trở thành năm ngắn nhất, có lẽ là vì ngoài biến cố Tết Mậu Thân, còn có biến cố tháng Năm nữa. Rồi những đợt pháo kích của VC vào các thành phố. Người ta bận rộn trong cơn sốt thời cuộc, quên cả đề ý đến thời gian.

Có nhẽ mọi người đều chung một ý nghĩ như tôi : mình sắp thêm một tuổi mà không hay. Mình vẫn thường không hay khi mình có thêm một tuổi đời, nhưng đặc biệt năm nay, dường như sự thêm-một-tuổi này có phần nào khá đột ngột, sự đột ngột khiến mình trở nên ngỡ ngàng, chết lặng khi chợt nhớ đến, như khi nghe ai đột nhiên gọi lên một kỷ niệm đặc biệt nào của mình dù êm đềm hay chua xót, hay một người thân yêu, nào đã xa cách, dù cho tình thương yêu đó có chứa chất hận thù; hoặc như khi vừa chợt nghe một bản nhạc mà mình đã có

một thời ưa thích vì một vài lý do nào đó, như tôi đang nghe thấy bản *Moon River* khi viết đến những giòng này, và tiếp theo là bài *Et maintenant...*



Và tôi nghĩ đến sự cần thiết *Viết về một mùa xuân chưa kịp nở*. Mùa xuân này có thể là của ông, của bà, của anh, của chị, của cha, của mẹ, của em, của con... Tại sao không? Dù cho những điều tôi sẽ viết chỉ liên quan đến cá nhân tôi, đến những người đã cùng tôi sốt chia một mùa xuân nửa chừng, nửa chừng như những nụ hoa chưa kịp nở bị chiến cuộc cướp đi sự sống trước khi thành hình tại miền mà tôi đã đến với sự dự định sống một tuần lễ rồi bị kẹt lại tới ba tuần lễ Đalat; nửa chừng như những lời chúc đầu xuân chưa kịp ngỏ, như những em nhỏ chưa kịp gom góp đủ số tiền mừng tuổi đáng lẽ chúng phải được hưởng như mọi năm, như những nụ cười hồn nhiên đã khép lại vĩnh viễn của những em bé nạn nhân chiến cuộc đã bị vùi mình trong lửa đạn và của bao nhiêu người dân không may khác chết đi với lời chúc tụng của bà con bạn bè quen thuộc chưa kịp ứng nghiệm...



Gần giờ tan sở buổi sáng hôm đó, nếu tôi nhớ không lầm là vào ngày 27 Tết. Tôi gọi tôi đến và chỉ những chữ nào trong các chương trình thầu sẵn cho mấy ngày Tết cần phải cắt bỏ, hoặc thay đổi đôi chút. B, người bạn gái đồng nghiệp và là phụ tá của tôi trong chương trình cùng tôi lên phòng vi-âm để làm công việc cắt và ráp nối *bande*. Những ngày áp Tết, bọn làm về truyền thanh như tụi tôi, thay vì sửa soạn bánh mứt, hạt dưa hoặc bày biện nhà cửa, thì phải lo thầu sẵn một số chương trình cho những ngày tết nghỉ ở nhà. Song song với các chương trình không thể thiếu mỗi ngày. Tóm lại, chúng tôi phải làm việc gấp 2 ngày thường, viết gấp hai số chữ đáng lẽ phải viết. Vì lý do đó, các phòng vi-âm bận rộn khác thường. B và tôi không tìm ra một hòa-âm-viên rảnh để giúp chúng tôi làm cái việc cắt ráp *bande* và cũng không cả kiếm một phòng vi-âm rảnh nữa. Tôi đòi về vì cũng đã 11 giờ. B giữ tôi lại bảo đợi. Cuối cùng, B. cũng theo tôi về luôn. Chúng tôi xuống lầu, băng qua dãy hành lang quen thuộc của đài, về phòng thu soạn đồ đạc. Tôi lấy theo chiếc máy chữ vẫn gửi trong đài để đánh bài, định đem về với ý định viết một ít trong những ngày nghỉ ở Đalat. Rồi B. và tôi rời phòng làm việc, băng qua lối hành lang, xuống những bậc thềm và ra khỏi Đài, nơi mà chúng tôi không ngờ rằng sẽ chẳng còn bao giờ được đặt chân trở lại nữa — tôi muốn nói những hành lang, những phòng vi âm, những bậc thềm bây giờ đã tan nát, đổ vỡ, bấn in những vết đạn, sạm đen vì khói lửa khi bọn VC cố gắng đánh chiếm đài nhưng thất bại. (Tôi vẫn nghĩ rằng vị trí của Đài Phát Thanh ở một chỗ hiểm nghèo: ngay cửa miệng thành phố. Hầu khi định đánh chiếm Đài vào dịp Tết — một việc tối quan trọng, — Cộng quân đã quan tâm đến điểm này và đã tưởng năm chắc được phần thắng).

Khi ra khỏi Đài được vài bước, tôi vừa đi vừa đang đưa chiếc máy chữ nơi tay mặt và trò chuyện với B. đi ở phía trong sát vỉa hè về những dự định sẽ làm trong dịp nghỉ Tết: tôi sẽ viết — chắc phải viết lại vì bỏ đã lâu —

và đọc trong khi hậu mát mẻ của Đà Lạt. Còn một điều này nữa mà tôi không kể cho B. nghe, đó là M sẽ lên với tôi và chúng tôi sẽ có một tuần lễ gần nhau, kể cho nhau nghe về những dự tính tương lai. Tôi giữ điều đó cho riêng tôi và tôi mơ với ít nhiều sự xao động. Tôi sẽ đề chiếc máy chữ trên bàn, nhấp nhấp những ly rượu đầu xuân trong căn nhà tôi nghe kể nhiều mà chưa đặt chân tới, rồi có thể tôi sẽ viết và đưa M. xem một vài trang dù tôi biết M. sẽ hỏi tôi nghĩa của nhiều danh từ tôi dùng (M. không thạo tiếng Việt lắm). Tại sao M và tôi? Một đêm *Nouvel An* gặp M. Rồi quen. Những cố gắng hòa giải giữa M. và vợ Rồi M. tỏ tình. Câu chuyện xảy ra quá mau và chẳng có gì chắc chắn, quá mau như một chiếc Vespa thỉnh thoảng lao vào chiếc máy chữ của tôi, chiếc máy chữ tung lên sau khi một cạnh sắc của nó tấp vào chân phải tôi một miếng theo hình thước thợ, mỗi bề độ ba phân. Miếng thịt lủng lảng. Máu tuôn ra. Tôi đứng dựa vào chiếc xe hơi của ai đậu gần đấy, choáng váng. Tôi chưa kịp bảo hiểm cặp đùi vô-giá-trị của mình! Thế là rồi! Chiếc máy chữ hỏng được một người bạn mang vào đài, coi như liệm nó luôn sau đó với ngôi nhà hai tầng lầu vẫn được gọi là Đài Phát thanh Nhà Nước. Và tôi vào nhà thương để cho vết thương được khâu lại. Các cô y tá trực đánh thuốc mê nơi chân bị thương của tôi. Một bà y tá lớn tuổi vừa khâu chân cho tôi vừa hát líu lo. Thỉnh thoảng bà quay lại cười với bộ mặt nhăn nhó của tôi và nói: «Đó em thấy không? Qua vừa khâu chân em vừa hát cho em nghe. Sướng không?» Tôi cười không đáp. Một lúc sau, xong việc, bà bảo tôi: «Xong rồi đó. Về nhà mà ăn Tết. Tha hồ muốn ăn gì thì ăn *líp*. Cô em định ở Saigon ăn Tết hay đi đâu?» — «Dạ trước định đi Đà Lạt. Bây giờ thì không biết». Người nữ y tá nhìn tôi, cười. Từ mấy hôm nay tôi đã bắt gặp những nụ cười tương tự. Mọi người xao động và thường tỏ ra dễ dãi khi Tết gần kề. Cha mẹ, con cái, anh chị em, bạn bè thường gần gũi nhau hơn trong những dịp này. Cuộc sống bỗng trở nên nhẹ nhàng, bớt đi vẻ đầy ải của những ngày chạy đua với sinh kế danh vọng, tiền tài, yêu đương. Chẳng thế mà có thỏa thuận hưu chiến. Người nói bảy ngày, kẻ bảo ba. Người bảo bốn-mươi-tám-giờ, kẻ bảo ba-mươi-sáu-tiếng. Nhưng dù chỉ vài giờ thôi, vài giờ không bận rộn đánh đấm, âm mưu này, kế hoạch nọ... chẳng hơn không? Cứ coi vài giờ đó như một giấc mơ mà người nằm mơ đã sống hết mình, tận hưởng hết mình, và đã tỏ ra khoan dung hết mình.

Tôi rời nhà thương về nhà, nằm liệt một chỗ hai ngày, nhìn bộ mặt buồn đến méo đi của cô em và cô cháu gái mà tôi hứa cho đi Đà Lạt cùng. Chúng nó đã sửa soạn tất cả mọi thứ: áo quần, đồ dùng lặt vặt, thậm chí cả một ít thực phẩm đồ hộp, ít bánh chưng chèn kho mà mẹ tôi không thể không làm mỗi năm, dù vẫn than là vất vả bận bực. Thằng con tôi lúc đó mới hai tuổi, không biết đến sự hào hứng của một chuyến đi, nhưng hầu tại sao mẹ nó nằm liệt một chỗ và nó chạy tới chạy lui ngó chỗ chân tôi bị băng bó, thuốc nhuộm đỏ cả lớp băng, và nó bằng lòng để người khác thay áo quần

tắm rửa suy mái, suy ỉa cho, thay vò đòi cho bằng được tôi làm các việc đó cho nó như mọi khi.

Qua ngày 29 (tức 30 Tết), tôi tạm đi lại được và tuyên bố đi Đalat. Chúng tôi ra bến xe ca của hãng máy bay, với M. ra tiễn và hứa sáng hôm sau sẽ lên. Vẫn những khuôn mặt nao nức, xúc động bên những đồng đồ đặc linh kinh, đây đó thấp thoáng một vài cảnh mai bắt đầu đâm bông. Có nhẽ không có khung cảnh nào dễ làm xúc động bằng cái khung cảnh ngày ba-mươi tết tại các bến xe, nhà ga hay trạm chờ xe ca để ra phi trường. Người ta im lặng, trầm ngâm. Người ta hỏi han, tiễn biệt và chúc nhau những lời chúc tết sớm. Người ta cười và người ta cau có vì sợ chậm trễ trong chuyến về họp mặt gia đình cuối năm. Tự nhiên tôi cảm thấy cô đơn. Khi không, vào cái ngày mọi người nao nức trở về họp mặt với gia đình với người thân, tôi và con em, con cháu, trả con lại dắt díu nhau đi. Cha mẹ tôi không khe khắt bắt buộc bọn này phải ở nhà để tụ họp đông đủ. Ông bà có quá đong con cháu và dường như đã tỏ ra mệt mỏi với những cuộc họp mặt tương tự. Nhưng khi đứng chờ xe ca để ra phi trường, tôi hơi cảm thấy mình điên điên. Nhưng tôi không thể trở về vì sự nao nức của cô em muốn trở lại thăm nơi mà nó đã có những kỷ niệm êm đềm vào một mùa hè đã qua khi cô em kể của tôi còn làm ở Đalat, và của cô cháu mười-bốn-tuổi nghe nói nhiều về cái thành phố thơ mộng đó mà chưa một lần đặt chân tới. Và lại, tôi không chịu nổi không khí ồn ào và đông đảo lộn xộn trong mấy ngày tết ở nhà. Và nữa, M. đã bỏ chúng tôi lại ở trạm đợi xe ca và nói sẽ lên vào sáng ngày mai, để thăm lại quê hương của anh mà anh đã bắt buộc phải rời bỏ để ra đi cách đó không lâu. Ít ra M. có một *quê hương* để trở về. Còn tôi, tôi vẫn nghĩ rằng cái *quê hương* của mình xa vời như *quê hương* của người đàn bà ngoại tình của A. Camus.

Chúng tôi đến Đalat và tìm đến địa chỉ M. đưa, khi ánh nắng sắp tàn cùng với cái lạnh hiu hắt của Đalat ba-mươi-tết. Người đàn ông tiếp tôi tại căn villa bên cạnh sau khi đọc xong tấm danh thiếp, trao cho tôi chìa khóa một căn nhà gỗ nhỏ nằm giữa một tòa nhà cổ có vẻ hoang phế và chiếc villa. Cô cháu có vẻ thất vọng vì nơi chúng tôi sẽ ở không đẹp như trong ý nghĩ của nó. Bụi bặm, áo quần, bát đĩa chưa rửa, giường chiếu lộn xộn, sách vở vương vãi. Tôi thúc giục chúng nó thu dọn, quét tước, mở tung các cánh cửa cho bụi bay ra. Xong công tác đó, đứa nào cũng đói meo, lại sửa soạn ra đường đón xe lên chợ với hy vọng mong manh sẽ tìm được cái gì ăn và mua trử cho bữa điếm tâm ngày mồng một. Phố chợ hiu hắt. Khách đi đường vội vã. Lại một lần nữa tôi tự hỏi : tại sao mình lại đến đây, vào lúc này ? Dầu sao, vấn đề dạ dày là tiên quyết. Chúng tôi vào một tiệm ăn nấu cơm bắc, tiệm ăn duy nhất còn mở cửa. Mọi thứ gần như hết nhãn. Những cái còn lại nuốt không trôi. Tôi bỏ bàn ăn lại mua vài khúc bánh mì còn lại khô queo, nhưng không nhanh tay cũng hết. Thằng con tôi ăn chưa hết bát cơm ngũ gục trên bàn giữa những hạt cơm rơi

vãi. Tôi bồng nó vào lòng và ăn nốt bữa cơm. Khi bọn này kéo ra ngoài, trời đã tối, gió lạnh căm căm. Nản nỉ mãi mới mượn được chiếc taxi về Chi Lăng với giá một trăm rưỡi. Tôi bắt đầu nản. Lần đầu tiên phải dẫn đầu một "đoàn quân" dù chỉ có ba tên bộ hạ, tôi thấy quả là khó nhọc. Cô cháu tôi bảo sao cháu chả thấy cái thác nào? Tôi và cô em cùng bật cười. Chắc con bé tưởng đã mang tiếng là Đà Lạt thơ mộng thì phải có một cái thác với cảnh trí nên thơ ngay ở giữa thành phố chắc? Nó làm tôi nhớ lại đạo nhỏ, bị ảnh hưởng bởi những chuyện phiêu lưu đường rừng, nằng nặc đòi mẹ tôi cho lên thăm cha lúc đó đang làm cây ở miệt Túc Trưng, vì tưởng lên đến Túc Trưng là chạm mặt với rừng có suối chảy róc rách. Nào dè rừng đâu chẳng thấy, chỉ thấy những ngôi nhà gỗ cầu đố, vì đất đỏ. Theo bà chị ra suối, con suối cũng làm tôi thất vọng luôn vì nó không giống như những con suối tôi tưởng tượng hay thấy trong phim ảnh. Cái mơ ước được đi chân không bên bờ suối càng làm tôi thất vọng hơn vì cỏ dại, cây mắc cỡ có gai và vì trăm thứ lùn vụn khác như côn trùng, rắn rít. Ngay cả khi được nhìn thấy thác Gougah tôi cũng thất vọng vì nó không lớn không hùng dũng như tôi nghĩ. Phim ảnh với kỹ thuật khung hình của phim ảnh và những màu chuyện phiêu lưu đã làm tôi mặc sức tưởng tượng, mơ mộng. Tôi vẫn nghĩ: giống như một đứa trẻ ở miền quê hay rừng núi mơ về thành phố [đề rồi thất vọng khi thấy mặt thành phố, tôi đã đóng vai đứa trẻ sống ở thành phố từ bé mơ về một niềm rừng núi hoang vu hay một miền quê có đồng lúa vàng, có đêm trăng giã gạo, đề thấy thực tế trái ngược hẳn đều ước mơ. Nhưng chính điều đó đã mang lại cho mình những hoài niệm đẹp, cho phép mình tin tưởng ở quyền lực của nghệ thuật của những người làm nghệ thuật khao khát hoài không thôi một thế giới tuyệt mỹ, tuyệt hảo.. trong đó núi rừng cũng có những cỏ sắc nhưng không mang tính chất sắc bén, có rắn rết nhưng không mang nọc độc, và miền quê có đồng lúa vàng, có đêm trăng giã gạo, nhưng không có những người dân kham khổ lam lũ mà không được hưởng trọn vẹn công trình của mình, và thành phố đừng có những gian giáo, lừa bịp...

Chiếc taxi đưa chúng tôi về, chạy giữa hai hành thông và những căn nhà cửa đóng, ánh đèn hắt ra từ các khung cửa kính ngấn hơi lạnh. Những ngọn đèn đường, thừa thớt vàng kạch. Căn villa bên cạnh đã đóng cửa lên đèn. Tiếng cười nói bên trong văng ra cho chúng tôi biết mọi người đang đánh bạc chờ giao thừa.

Chúng tôi vào nhà, đốt nến, soạn giường, thay đồ chui vào chăn nói chuyện gẫu. Mới có bảy giờ ba mươi. Làm gì cho hết ngày giờ? Tôi đọc vài trang sách, một tác phẩm của Vũ trọng Phụng mà tôi dự định đọc lại tất cả. Thời gian dường như trôi chậm lại. Hai cô cháu trải đệm nằm dưới đất bắt đầu tâm tình với nhau. Thằng con tôi dường như không biết lạnh, chồm tới chồm lui. Cuối cùng cô em tôi đề nghị bắc ghế ra ngoài ngồi. Những cây

nền được di tản ra ngoài. Hai cô cháu, đi quét lá khô vun lại thành một đống đốt lên. N. nói giá trong nhà có lò sưởi thì thú quá. Con cháu phụ họa ừa vậy mà cháu tướng nhà có lò sưởi chứ. Tôi bảo nếu bên villa họ thỏa thuận cho bọn mình mượn một phòng, như M. nói, thì mình đã có thể dùng lò sưởi bên đó. Rồi tôi đề nghị N. đi kiểm củi khô. Chúng tôi hỏi một gia đình sống trong căn nhà gỗ phía sau đề mua củi. Họ không bán lấy cớ là chỉ đủ dùng. Chúng tôi đành đốt nền ngồi nhìn. Đến khi bắt đầu thấm lạnh vì sương, chúng tôi rút vào nhà chui lên giường đi ngủ. Lúc ấy mới 9 giờ tối. Còn những ba tiếng nữa mới giao thừa. Vài tiếng pháo ở xa nổ, xen lẫn với vài tràng liên thanh của một người lính nào đó hứng chí bắn tiêu sấu. Chúng tôi lần lượt ngủ thiếp đi, không kịp đợi Giao thừa...

o o o

Sáng ngày mồng một, sau khi ăn điểm tâm bằng đồ hộp và bánh mì khô, chúng tôi bắc ghế ra ngồi ngoài cửa đón ánh nắng đầu Xuân và sưởi ấm luôn thề. N. bám vào một cành cây thấp trước nhà đu đưa một lúc rồi nhảy xuống rủ con cháu ra thăm thú phía sau nhà. Còn lại mình tôi và thằng con. Tôi đốt một điếu thuốc và chợt lắng nghe tiếng nhạc quen thuộc từ một chiếc máy phát thanh của bên hàng xóm. Rồi tôi nhận ra tiếng tôi. Chương trình đặc biệt sáng mồng một đang được chuyển vận từ Đài Saigon. Tôi nghĩ thế nào mình cũng bị khiển trách vì vài đoạn cần kiểm duyệt bỏ vẫn còn đấy, không phải ở trong chương trình hôm nay, nhưng là ở các chương trình ngày mồng hai, ba.v.v.

N. và con cháu trở lại, N. đề nghị lên phố. Chúng tôi viết một tờ giấy dán ở ngoài cửa cho M. "Bọn này lên phố. Sẽ trở về vào khoảng 1 giờ, sau bữa trưa".

Nhưng M. đã không bao giờ được đọc vài hàng chữ đó. Phi trường TSN đã bị tấn công từ đêm hôm trước. Các chuyến bay bị hủy bỏ. Và chúng tôi cũng không bao giờ trở lại ngôi nhà đã trải qua một đêm giao thừa đó nữa, trừ một lần trở về lấy quần áo và các thứ lặt vặt và một lần khi biển cố đã dịu, trở lại để trả chìa khóa. Buổi tối hôm mồng một, chúng tôi ở lại quán T. và ngủ nhờ ở trụ sở Hội TNTC. Biển cố đã lan đến Đà Lạt với sáng ngày mồng hai giới nghiêm hai mươi bốn trên hai mươi bốn. Và những ngày kế tiếp. Tình hình bất định kéo dài đến ba tuần lễ. Chúng tôi sống bằng số tiền nhỏ một cách hết sức tận tiện, và bao gạo của anh em thanh niên, Hội T. N. T. C có lẽ còn sót lại sau chuyển công tác xã hội nào đó không hiểu khi trở về anh em TNTC, có nhận thấy bao gạo của mình bỗng dưng bị vơi hẳn một cách ngoài... thiện chí của mình không?

Và con cháu tôi, cho đến khi về Saigon, vẫn chưa được nhìn thấy tận mắt một cái thác nào của Đà Lạt. Thế lại hay, cháu ạ. Vì cô biết

cháu cũng dễ xúc động và giàu tưởng tượng như cô. Đành rằng rồi cháu sẽ nhìn thấy những con thác thật của cuộc đời. Nhưng cô tin rằng khi đọc những giòng này, cháu sẽ biết cách sửa soạn cho mình một thái độ khi chạm mặt với thác. Bởi vì có một ngọn thác vĩ đại nhất, hung bạo nhất vô tình nhất, phức tạp nhất và cũng đáng yêu nhất mà cháu phải sống, phải từng trải mới cảm được, nhưng chẳng bao giờ nhìn thấy được, đó là con thác cuộc đời. Cô viết những giòng này cho riêng cháu với ý nghĩ về một mùa xuân chưa kịp nở..

TRÙNG DƯƠNG

(Trích Đường tôi đã qua)

THẾ ĐỨNG

Số 1 phát hành tháng 2-1969 tìm một chỗ đứng đích thực cho người Việt hôm nay.

LÊ KÝ THƯƠNG, TÔ ĐÌNH SỰ, VĂN LÊ THIÊN, Y UYÊN, LE NGỌC QUỲNH, DƯƠNG KIẾN, CHU TRẦM NGUYỄN MINH, NGỌC THÙY KHANH, SƯƠNG BIÊN THÙY, THẾ VŨ, LÂM HẢO DŨNG, TẦN VY, NGUYỄN LÊ UYÊN, NGUYỄN NGUY ĐẠT, PHẠM THỊ MÙA HẠ, NGUYỄN NẬU HỒNG, THANH HỒ, HOÀI TUYẾT TRANG.

thư từ bài vở liên lạc về

Tô Đình Sự 80 Độc Lập Nha trang.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 93 741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS



Nhức đầu

• Nhóng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỳ

KN số 1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
ĐT. 20.267

SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Hoài Xuân

Một tiếng gà vang, vạn tiếng gà
Mời Xuân cùng gọi gió âu ca
Mài trắng bút thép trời quên sáng
Vọc nước lòng đơn mộng chớm già
Nghĩa cả bàng-hoàng niềm cách biệt
Tình riêng thao-thức ý giao hòa
Xuân này có được mùa Dân-Tộc
Cho đám em mình thôi xót - xa...

DUY-THỨC

HỌA I

Một tiếng Gà (*) , hai, ba tiếng Gà,
Mà sau chẳng đến khúc âu ca?
Góp bao sức Trẻ, Trời thêm tối;
Cấy vạn lòng Xuân, Đất vẫn già.
Một nhịp đứng lên Sông Núi, chuyền!
Mấy thời ngã gục, Trắng Đen hòa?
Đã đành chuyện lớn không thành chuyện **
Í nhỏ sao đành đứng ngó xa?

NGÊ-BÁ-LÍ

* Xin xem bài thơ : « Một đêm Giao thừa, năm đợi tiếng Gà » (Ất Dậu 1945) của Nguyễn - Ngu - Í đăng ở Bách-Khoa số 6 ngày 15-3-1957).

** Nhớ đến một câu trong bài thơ một đứa em nay không-còn-nữa tặng tác-giả, năm 1964 : ... « Mong sao Đại Sự thành ».

HỌA II

Tiếng Khi rồi êm, nôi tiếng Gà
Xuân về hoa nở gọi vãn ca
Cần-vương tráng - chí thời đang trẻ
Báo - quốc đơn - tâm tuổi đã già
Chết chóc tràn lan do hiếu chiến
Đau thương chấm dứt hãy đàm hòa
Thanh - bình thử hỏi bao lâu nữa ?
Phải nhớ Dân Đen quá xót xa !

VIỆT-HAN

HỌA III

Hăm bốn năm xưa cũng Tết Gà
Ý Ngu ai đã móm lời ca :
Hòn nam nhi (1) sục sôi lòng trẻ
Xếp bút nghiên (1) nung nấu chí Già.
Núi Cú (2) bắc gào khơi bão tố,
Hòn Bà (2) nồm thổi hết hiền hòa.
Nhiều Thằng Trai Trẻ đi theo nước.
Đứa chết đứa còn ngụy lặn xa !

LÊ-THANH-THÁI

(1) Tên một bài thơ của Phan-Khắc-Khoan và một bài hát của Lưu-Hữu-Phước.

(2) Hai thắng cảnh của tỉnh Bình-tuy, quê hương của người họa.

Nhớ một cảnh Mai

Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy! Huống nữa là một vòng quay trọn vẹn của tinh cầu.

Nhưng thực chưa bao giờ tôi cảm thấy ngạc-nhiên và trước sức mau lẹ của con thoi thời gian như lần này, khi những *Cánh Gà* đầu tiên — xa-xăm mơ-màng báo-hiệu một Xuân mới lại sắp về, một Tết lại sắp đến. À, khiếp thực! Thấm thoát mới đó, một biến-cổ kinh-hoàng, dữ-dội đã lui vào dĩ-vãng những một năm trời. Tôi làm sao khỏi phải ngạc-nhiên, khi chung-quanh tôi, trong cái cố-đô đang gượng dậy một cách nhọc-nhần — như một con bệnh sau một trận ốm liệt giường, liệt chiếu — đang còn có những gì khăng-khăng một mực bảo-chứng với tôi là thời gian chưa hề nhích bước chút nào. Trước cái tin mừng của Trời Đất, không phải là bóng áo màu xanh tinh-khiết của Tân-xuân ve-vãn tâm-tư tôi, nhưng là chiếc áo màu xanh đẫm máu và những gót vân-hài rối loạn của nàng Xuân trong mùa Xuân trước. Tôi ngỡ chừng như cơn ác-mộng khủng-khiếp, đỏ rực màu máu, phừng-phực ánh lửa, mới vừa chấm dứt đâu đây.

Ăn cơm mới, nhắc chuyện cũ là điều tôi kiêng kỵ, huống chi chuyện cũ lại là cả một thảm-kịch huyết-lệ, chông chắt tang-tóc đau thương, có thể làm phai loãng một cách tàn-nhẫn hương-vị của trà thơm, mứt ngọt. Nhưng khổ nỗi là chuyện cũ ở đây lại còn mới rọi. Nó vẫn còn mới rọi ở trong tôi. Nó vẫn còn mới rọi ở chung quanh tôi. Nó vẫn còn mới rọi trong không khí tôi phải hít thở, trong cảnh trí tôi phải ngắm nhìn.

Vì quả thực là sau một năm trời, trong đó, những bàn tay siêng năng, cần cù của người thị-dân không ngừng xúc-tiến công việc tái-thiết, trùng tu — tới tấp như một bầy ong vỡ tổ chung xây tổ mới — những dấu vết của một biến-thiên dữ dội, của cảnh đồ nát, điêu tàn vẫn chưa xóa sạch, vẫn còn cố thủ đó đây với cái dáng thách-thức, ngỗ-ngáo, lì-lợm trông mới đáng ghét làm sao!

Cầu gãy đã được nối liền. Nhưng vẫn còn là cầu gãy *Qua cầu than-thở cùng cầu!* nhất là qua cái đoạn cầu nối tạm bợ — công trình của hãng Eiffel, trị giá hăm bảy triệu đồng — vào những lúc kẹt cầu, xe cộ dồn đống, người tụ thành chùm, thì dạ sâu càng thêm trĩu nặng. Nhìn xuống chân cầu, cái ảnh-tượng của một chú Khủng-long bị gãy cụt xương sống, nằm vắt ngang đôi bờ rền-rĩ dạo nào, lại vụt hiện ra trước mắt. Chợ Đông-ba — bị thiêu rụi sạch — sau một độ thiên-d

về hoa-viên phía tây, đã họp lại trên nền cũ. Nhưng cũng trên nền cũ, còn biết bao nhiêu dấu vết đủ làm sống dậy trong tâm-tưởng của đám người chen chúc tới lui mua bán, những vang bóng — đậm màu và sắc-sảo đường viền — của cảnh đạn xuyên, lửa dậy, thịt đỏ, máu trào. Phố-phường có chiều khởi-sắc, nhưng chính cái khởi-sắc gượng-gạo càng làm nổi bật thêm những vết thương chưa hàn gắp kịp. Qua các nẻo đường *Mai-thúc-Loan*, *Phan-bội-Châu*, *Huỳnh-thúc-Không*, *Trần-hưng-Đạo*, xen lẫn giữa những gian phố mới, mắt còn buồn vương những tường xiêu, mái gục, những khoảng trống phơi nền lộ thiên dưới ánh dương-quang hay dưới bóng trăng sao, với những đồng ngói, gạch bề nát, lồi chồm, ngồn ngang, những trụ sắt, thanh sắt cong queo, hoen rỉ, trên đó, rêu xanh đã bắt đầu phủ qua nhiều lớp xiêm y.

Nhưng đã hết đâu. Dấu vết tang thương dẫu bề, dấu hiệu của một sụp đổ khó thề gượng lên còn rõ ràng hơn qua dãy *kính-thành* bọc quanh thành nội, qua dãy *Hoàng-thành* bọc quanh cung cấm, và những gì ẩn náu bên trong. Những cửa thành cao lớn, trang nghiêm, cổ kính còn được chừa làm lối ra vào: cửa *Đông-nam* và cửa *Chín-Đông*, thay vì được phục-hồi phong-độ nhờ ở cái kỹ-thuật chỉnh-hình của bàn tay quân-sự, nhằm đáp ứng nhu-cầu tình-thế, trông càng suy giảm thảm-thương. Người dân Cổ-đô có thể được hài lòng nhiều ít về phương-diện an-ninh, nhưng với niềm hãnh-diện từng có — được nuôi dưỡng từ lâu bởi những di-tích, di-phong của *Kinh-sur* và nơi *Đế-khuyết* — hẳn không thể không cảm thấy náo lòng, ngượng mặt, mỗi khi qua lại phải ngắm nhìn cái thành-quả ngộ-nghĩnh, kỳ quặc của một sự chấp nối, vá-vú, có tính cách cưỡng ép đến độ tàn nhẫn, thô bạo giữa cái cựu với tân, giữa Đông với Tây. Những vọng lâu bị trục đổ được thay thế bằng những lô cốt mới. Và cửa thành với cái thuật « ghép đầu » tân-kỹ này, đã được biến-thể thành một thứ quái tượng « cổ kim hòa điệu » trông ngộ-nghĩnh, khôi hài đến độ có thể

làm cho số người biết ngấm, biết nhìn, trong đám hành nhân qua lại, phải...cười ra nước mắt. Giá nhà khảo cổ họ Vương khả ái của chúng ta lại có dịp được ra Cổ-đô, để ngắm nhìn tận mắt cái kỳ công tu trúc này, thì dám chắc là món cháo lòng heo « Như ý » và thịt gà bóp kinh kỳ không còn tạo được cái khoái khẩu đủ để xoa dịu được sự kinh hoàng, sửng sốt và nổi xót xa, thất vọng, dở khóc dở cười, của một tấm lòng hiếu cổ.

Và đây *Thành nội* ! Cứ đứng trên chóp *Tây thành thủy-quan* — nơi đã từng gây ra lắm trận ác chiến trong thời gian biến cố — mà phóng một cái nhìn bao quát về hướng phường *Tri vụ* hay lại bắt đầu từ đây, men theo con sông *ngư hà* — đã khô cạn từ lâu, khô cạn đâu từ cái thuở những bóng *Thuyền Rồng* cuối cùng còn lướt nhẹ mặt nước sông *Hương* — mà tiến lên *Vinh lợi kiều* (*Cổng Vinh lợi*) rẽ vào ngã *Cường-Đề*, dạo khắp các phường xóm năm hai bên đường, chạy dài đến cửa *Chánh-nam* (*Nhà Đổ*) cái cảnh sắc thôn hoa khang-trang, trù phú trước ngày biến cố giỏi lắm cũng chỉ mới phục hồi lại được năm sáu phần mười mà thôi. Ngay trong cái màu xanh mới bén của cây cối, trong cái sắc thắm

mới gầy của cỏ hoa, trong cái ảm-áp mới vừa nhen-nhúm của đám dân cư qui tụ trở về chốn cũ, vẫn còn vấn vương, lưu luyến dư-vị của cảnh thối rôi, máu đổ. Đó đây, ở các nẻo đường, Cổ-đô còn phải cuu-mang biết bao năm mồ vô-chủ ! Của người bên này ? hay của người bên kia ? Chuyện đó còn phải hỏi hỏi lại Diêm-vương.

Càng thảm hại hơn là dãy Hoàng-thành còn giữ nguyên vẹn những vết thương sâu quăng, những lỗ hồng to tướng, trâu, voi chui lọt dễ-dàng. Cứ dạo quanh một vòng, khách-du càng thêm đau lòng, xốn mắt trước cái vẻ ngửa nghiêng, tàn-tạ, xơ-xác, tiêu-diêu của những thành quách xưa, cung điện cũ đã từng bền gan cầm cự với sức tàn phá của năm, tháng, gió sương. Ở mặt tiền, trên *ngọ môn*, lầu xiêu được chống lại, mái đổ được lợp kín, nhưng hỏi ôi ! mái là mái tồn, cột là trụ chống, những thành quả trùng-tu vá-víu này thực chẳng khác gì những *nhát gươm ân xá* dành cho cái phong-độ còn sót lại của một cửa thành trọng thể nhất, đồ-sộ nhất ở chốn Đế-kinh, từng gây sóng gió về mặt bang-giao vào cái thuở Ngai Vàng còn là biểu-tượng của uy-quyền tối-thượng. Và ở mặt hậu, lầu *Ngự tiền văn phòng* — nơi còn phảng-phất bóng dáng người đẹp phương Nam khi vừa bước xuống xe hoa — xác xơ, gầy gập, với những tường tường thủng, mái bay, cột long, hiên đổ, mãi đến nay vẫn còn gương đứng trơ-vơ, chơi-với run rẩy như một phế-nhân không tìm ra diêm tựa, loạng-choạng trước phút giây ngã gục.

Cổ-đô cho đến nay vẫn còn là như thế đó. Vẫn còn biết bao tồn-thất, hư hao chưa được bù đắp, biết bao suy-

tàn, đổ vỡ chưa kịp bồi đắp, dựng xây, biết bao dấu vết máu lệ chưa chịu phai nhòa. Ấy vậy mà một năm trời đã voi, đã cạn. Tin Xuân đã về !

oOo

Xuân về với ai đây ? trên mảnh đất đầy đau thương đổ vỡ. Ai vui ? Ai mừng ? Ai chào đón ? trên những nẻo đường, dưới những mái ảm còn chắt chứa đầy sầu thương, âu lo, khổ hận, đầy những kỷ niệm đậm màu, sắc nét, của cảnh suy sứt, mất mát, chia ly ? Trong cái thế vừa còn mang nặng những hậu-quả bất-hạnh chưa rửa sạch của một tai biến lớn lao, khủng khiếp, lại vừa phải quay-quắt, khắc-khoải vì những đe dọa không ngừng của tang-tóc mới, của chia ly mới, của cuộc sống ngày càng nheo nhóc, cam go, của cái tình thế rối-ren u-ám, người thị-dân của cổ-đô còn hơi sức đâu mà nghĩ đến cái thú nghinh-xuân.

Với cái tâm-trạng « *kinh cung chi điều* » một ông cụ hàng xóm, vốn thuộc vào cái hạn « *cầm đuốc chơi đêm* » ưa chuộng cái thú minh-nguyệt thanh phong cái vui cùng bạn lữ trong cuộc tỉnh say từng cúc, sau ngày biến cố, khi vừa hồi cư, nhìn l n bàn thờ gia-tiên nhện giăng bụi bám, đồ tự khí đổ vỡ lũng-chông ngổn-ngang, đã thờ dài, chếp miệng, rồi bật ra một chuỗi cười chua chát :

— Nói đại, ông bà ông vải cũng chạy hộc gạch, te cò huống nữa bọn mình. Tết có rước mà chẳng có đưa nghi thêm túi bụng. Cứ cại điệu này thì đồ ai còn muốn nghĩ đến chuyện Tết nhất nữa. Biết đâu cái Tết sang năm lại chẳng... ừ, biết đâu ! Xuân có tái hồi thì cũng mặc kệ Xuân. Kiềng hoa tan nát hết, từng cúc còn đâu.

Và ngay đến giới phụ nữ tha thiết nhất với cái Tết hằng say nhất với công việc sắm Tết trong chỗ quen thân của tôi, như chị Hoài, chị Thu, bà Hườn, cô Năm hàng vải, vốn mang nặng một đam mê trầm trọng về cái thú làm bánh, làm mứt, nhất là vào dịp chuẩn bị mừng Xuân cũng có những luận điệu tương tự như trên. Các bà, các chị ấy mà tự giải thoát được một « đam mê » như thế kể cũng là chuyện hy hữu trên đời, còn khó tin và đáng sửng sốt hơn là chuyện những bươm ghiền a phiến hạng thượng thặng, tự dựng vô cố, tung ra tuyên ngôn nhất-định đập đổ bàn đèn, dọc tàu. Vì tôi biết rõ lắm mà. Đối với công việc bánh trái, những con người như chị Thu, chị Hoài bà Hườn và Cô Năm hàng vải thuộc vào cái số những kẻ nữ được sinh ra với một thứ tánh phận giống như cái tánh phận của các nghệ sĩ tài hoa. Các bà, các chị ấy làm bánh, làm mứt đâu có phải vì cần cái ăn, hay cần cái lợi, hay vì thời giờ nhàn rỗi quá ư thừa thãi chẳng biết phung phí vào đâu cho hết. Nhưng họ cần làm bánh, làm mứt như hoa cần được nở, như chim cần được hát, được bay, như thi - nhân cần nhả hương thơ. Và chính họ làm thơ hơn là làm bánh. Đường, bột, kem, phảm, lá xanh, giấy bóng, quả xanh là những chất-liệu để những bàn tay ấy sáng tạo thành những nghệ phẩm trác-tuyệt, gói ghém bao nhiêu nét đan thanh của một trời xuân và gói gắm biết bao ý-vị tâm-tình. Những chiếc bánh, những đĩa mứt của họ không còn là bánh, là mứt nữa, nhưng là những gì mang lại cho nhân - quan, cho vị giác, khứu - giác, những vần thơ toàn bích. Tin Xuân vừa được báo là họ đã cảm thấy ngứa tay lắm rồi. Xuân mà không bánh,

không mứt, đối với họ còn đáng buồn hơn cái buồn của đám môn đệ Lưu-Linh, khi chào đón Tân-Xuân mà không được nghe tiếng hát của Hồn Rượu cất lên trong vò rượu quý. Ấy thế mà từ sau biến cố, mỗi lúc tình cờ được nghe nhắc đến chuyện Tết, thì các bà, các chị ấy đã lờm nguýt, chối từ :

— Thôi đi ! buồn đến thú ruột, thú gan, tình-hình này nữa. Còn vui sướng nỗi gì mà Tết với nhất. Đẹp hết. Tết có đến thì chỉ lo qua loa, lấy lệ. Hoa, bánh mứt tuyệt đối là không.

Chị Hoài càng tỏ vẻ quyết-liệt hơn nhiều. Chị cảnh cáo tôi :

— Năm đến nghe chưa ! đừng có hòng kéo bạn, kéo bè lên nhà mà càn quét bánh mứt. Một lát gừng cũng không. Bày vẽ ra làm chi thêm mệt. Buồn oán ế-âm, vật giá leo thang, phần thì cái cảnh tang tóc, máu lửa phơi bày khắp nơi như vậy, lết cái quái gì mà Tết. Với lại sắm ra cho nhiều rồi có chắc được ăn không ? Hay lại bỏ chạy như Tết vừa rồi.

— Chị nói thế thôi, chứ ngày tháng còn dài, rồi chị sẽ thay đổi ý-kiến, biết đâu.

— Không mà, thề danh dự đó ! Ai bắt, ai cấm mình ăn Tết mà phải nói ngoa. Đề rồi cậu xem, chẳng ai còn buồn nghĩ đến Tết nhất cả.

Cô Năm hàng vải, ngò-ngáo hơn và tánh hay bông đùa, đã nhái cái giọng quê-hương nhà chồng, giọng Bình-định, tuyên bố cụt ngắn :

— Hồng có gì hết trời.

— Nói thiệt bó chớ ?

— Sao hồng thiệt ! Hồng hoa, hồng goả

hồng bánh, hồng mứt gì hết trơn hết trọi.

Tuy vậy qua những lớp người như chị Thu, chị Hoài, tôi vẫn chưa cảm-nghiệm được tận cùng cái tâm trạng chán chường của người thị-dân cổ-đô trước cảnh điêu tàn đồ nát, bằng qua một ông bạn già, tuổi quá thất tuần: cụ Chưởng Thanh-hà. Cụ Chưởng thuở còn trẻ đã từng qua Pháp từng chinh. Sau khi hồi-hương, nhờ ở cái chân ấm-sinh được sung vào hàng ngũ thị-vệ, được ra vào cung cấm, châu hầu mình Ròng qua hai triều vua cuối cùng. Cả quãng đời xế bóng còn lại — trôi chảy trong sự thanh nhàn giữa đám kiềng vật chăm sóc công phu — đã được cụ Chưởng dành hết vào mỗi một công việc là chiêu hồi cái di vãng vàng son của Đế-kinh và làm sống dậy những vang bóng của đời sống vương-cung. Cứ mỗi lúc được làm bạn đối ẩm với cụ Chưởng — bên cạnh ấm trà thơm hay trên chiếu rượu, thì y như là, mười lần như chục, người đối diện phải lạc hẳn vào cái thế-giới cung-cấm của những triều-đại đang gặp vận long-hưng, và bị vây phủ, trong đó, bởi cả một rừng ảnh-tượng sống động của cung phi, mỹ nữ, điện ngọc, bệ vàng những cảnh yến ầm nhã nhạc tung bừng, xiêm y rực rỡ. Cử-tọa thu hẹp của cụ Chưởng còn được đi sâu vào biết bao bí-ẩn chốn thâm cung, giai thoại của triều dương, sống lại đời sống của hạng con trời trên ngôi cửu-ngũ. Công việc ôn-cổ này bao giờ cũng được cụ Chưởng thực-hiện với tất cả cái say sưa, nồng nàn, thao thao bất tuyệt của nhà truyền-giáo hết lòng với sứ-mạng rao giảng Tin lành, khi mô tả cảnh Thiên-đàng. Có thể nói tâm hồn của cụ Chưởng không những gắn liền với cái vong hồn

của một kinh-sư đã cáo thoái từ lâu, mà còn gắn chặt với từng viên gạch, từng tảng đá của thành quách, cung điện, từng mái dền, từng sân cung, hay nói chung là với cả cái xác chết lạnh-lùng của Đế-kinh xưa. Cho nên, biển-cổ Tết Mậu-Thân, nói cho đúng ra, chính là cái biển-cổ riêng của cụ Chưởng Thanh-hà. Nạn nhân chính đáng thương xót nhất của biển-cổ phải là cụ Chưởng. Những ai đã sống gần cụ trong những ngày tản-cư, chạy loạn, mới nhận rõ được mối liên-hệ kỳ lạ ấy, mới cảm thông được tất cả nỗi lòng của cụ. Qua những phản-ứng của ông thị-vệ già trên bảy-mươi này, trong thời-gian biển-cổ, người ta phải có cảm-tưởng là những quả lựu-đạn, những loạt súng trường, những tràng súng máy, những quả đạn đại-bác, những quả bom lửa, những loạt hỏa-tiên không phải đã xuyên qua, đã rơi xuống, đã đục thủng, khoét sâu, phá vỡ thành quách, cung điện, dinh-thự, dền đài của Cổ-đô, nhưng tất cả đã nhằm vào một cái đích duy-nhất: cụ Chưởng, ông thị vệ già của hai triều vua nhà Nguyễn. Mỗi một loạt đạn, mỗi một tiếng nổ, mỗi một tin chẳng lành là mỗi một đòn nặng, một nhát gươm đao-phủ giáng thẳng vào người, vào hồn, vào tim của cụ. Cả tấm thân đầy đà, cao lớn của cụ Chưởng này bật lên như chiếc lò-xo, chồm dậy như một con thú dữ bị lao phóng thẳng vào mình, rồi với cái dáng tức tối, đau khổ, với cặp mắt trợn tròn, sắc mặt tái xám, cụ hét lớn bằng thứ ngôn-từ có pha phách tiếng nói của xứ Phú-lăng-sa mà cụ từng xử-dụng kể từ thời từng-chinh:

— Sao ? Sao ! Cầu Tràng-tiền sụp rồi hả ? Vô lý ! Lơ pông Cờ-lê-măng-xô e...e... cà-xê ? Không tin được. Vô lý.

Pa vờ-re...Pa vờ-re !

Với cái dáng sững sờ, hốt-hoảng, cụ nhìn vào những người chung quanh, rồi chụp tay từng cá-nhân một, cụ day mạnh, cụ hỏi :

— *Pa vờ-re xà, phải không ? Cầu Cờ lê-mãng-xô mà cà-xê thì còn trời đất nào nữa. Không phải đâu. Tin đồn nhảm đó.*

Nhưng khi nguồn tin này đã được xác nhận hẳn-hoi, cụ Chưởng quay quắt như cái đuôi thằn lằn bị đứt. Hết đưa thẳng hai cánh tay lên trời, cụ lại ôm đầu, bịt tai, lắc qua lắc lại, cúi xuống với cái dáng đau đớn đứt ruột, đứt gan, rồi ngẩng mặt lên kêu lớn :

— *Trời ơi ! sụp thiệt hả ! Sụp những hai vầy lặn hả ! Ô, mông đi-ơ, xê te-ríp, xê te-ríp...*

Cụ thả đánh phịch cả người xuống chiếu, tựa lưng vào tường, vừa lau mồ hôi trán, vừa lằm-bằm, rền rĩ một mình :

— *Ô là là ! xê phi-ni ! Xê phọt-mi-đáp ! . Ồn chi nữa mà nói. Xê la phanh duy-mông ! La phanh duy-mông !*

Và rồi những nguồn tin « *la phu nh duy-mông* » lại cứ tới-tấp bay về đề cụ Chưởng không còn thể nào đứng yên được nữa. Vọng-lầu cửa Thượng-tứ bị trúc đổ ! Vọng lầu cửa Đông-ba cũng trúc đổ theo ! Lại đến cầu Giã-viên bị sập. Rồi Hoàng-thành bị đạn khoét thủng. Cung điện trong nội bị oanh-tạc tới bời. Và lầu Ngọ-Môn ngựa nghiêng, xiêu vẹo ! Đến cái tin Ngọ-Môn lâm nạn thì cụ Chưởng không còn đủ sức để chồm lên nữa, không còn đủ sức để hoa tay, nhảy

nhót, hò hét, quát gào nữa. Người cụ đã mềm như con bún. Cụ chỉ nằm dài tại chỗ, buông ra một tiếng thở dài não nuột, nhìn mọi người với cặp mắt lơ đờ mệt mỏi :

— *Hết rồi ! Hết rồi ! Xê phi-ni ! Tú tê phi-ni !*

Người ta ngỡ chừng như đang nghe giọng nói yếu ớt, hụt hơi của một kẻ sắp chết cố gắng trối-trăn đôi lời trước khi giã-từ dương-thế.

Và khi biển-cổ vừa chấm dứt, ngay ngày đầu tiên, trong lúc mọi người đang rộn ràng lo chuyện hồi-cur, thì cụ Chưởng tự dưng biến đâu mất tích. Người nhà đồ xô ra tìm kiếm, chạy ngược chạy xuôi, hỏi dò khắp nơi vẫn chẳng ai biết. Cho đến lúc hoàng-hôn đã rú bóng, nhân tình-cờ đi về phía Kỳ-đài, có người nom thấy ông cụ đang ngồi một mình trên đó. Ông cụ ngồi im như một pho tượng đá, hai khuỷu tay chống gối, hai bàn tay đỡ lấy cằm, người hơi chồm về phía trước, mắt ngược nhìn về phía Hoàng-thành, đăm-đăm, chăm-chú với cái dáng trầm-tu, điếng lặng gần như trạng-thái của một-con xuất-thần. Mãi đến lúc người ta lay mạnh và gọi lớn tiếng, cụ Chưởng mới giật mình choàng tỉnh. Khi đã chống gậy đứng lên, cụ trừng mắt — cặp mắt đỏ ngầu và đăm lẹ — nhìn người đứng cạnh, rồi đưa tay chỉ về phía Hoàng-thành :

— *Hừ, nhìn mà xem ! Bất-trị hết chỗ nói, không sao tha thứ được. Ô là là, đánh giặc, đuổi giặc cái quái chi lạ rứa. Cái tội này là đáng tru-di tam tộc ! Phải đem ra mà phuy-di-lê tú xuyt !*

Cụ Chưởng vừa nói, vừa thở, rồi cặp môi cụ run lên, rồi hai hàng lệ tức tối tuôn rơi lã-chã. Và sau khi về nhà, cụ nhuộm bệnh, ốm liệt giường, liệt chiếu có trên mấy tháng.

Kề ra trường hợp cụ Chưởng quả là hy hữu, nhưng bất cứ là một người thị dân nào của Cổ-đô, đã sinh ra, đã lớn lên ở cái đất Kinh-kỳ này, đã uống nước sông Hương và hít thở không khí của vùng Hương-ngự từ thuở còn tấm bé, thì lẽ tự nhiên cũng cảm thấy vương-mắc trong tâm-trạng của mình một phần tâm-trạng nào-nề của cụ Chưởng Thanh-hà. Cộng thêm vào đó, cái chán chường, buồn nản bắt nguồn từ cảnh chật vật, khó khăn của cuộc sống, sự đen tối và đe dọa của tình-hình ngày càng gia-tăng, thì cái điều chắc-chắn là mối tình của con người Cổ-đô đối với Tân-Xuân cũng khó mà thắm-thiết, đậm đà như trước, sự nghênh-đón dành cho Tân-Xuân cũng khó mà nồng-nhiệt, chu-đáo như xưa.

oOo

Nhưng quả là bé cái lắm ! Vì ngay từ khi những gánh gừng trắng như ngà chuốc điếm những lớp lá xanh màu ngọc, được bắt đầu trải qua dòng sông Thơm, từ hữu-ngạn đổ về tả ngạn vào những sớm hồng thoang-thoảng sương mai, thì cả Cổ-đô vụt nhiên bừng tỉnh, như ngời ngoai tất cả buồn thương, đau sầu. Cái cảnh lo Tết, chạy Tết, chuẩn-bị đón tiếp Xuân về lại chi-phối tất cả một guồn sinh-hoạt ồn ào tấp nập qua các chợ búa, phố phường, khu xóm.

Và một sớm, tôi đã tình cờ bắt gặp chị Hoài đang ngồi cò kè mặc cả một

gánh gừng ngay trước nặt nhà, mãi-miết đến độ tôi tiến đến sát bên lưng mà chẳng hề hay biết. Thừa lúc bất-thần tôi tung ra một chưởng :

— Rõ ràng đó nghe ! Một lát gừng cũng không ! Lời thề danh-dự...

Như một kẻ ăn vụng bị chộp cổ tại trận, Chị Hoài quay phắt lại, đỏ chín cả đôi má hồng-đào của một thiếu phụ tuổi dưới ba mươi, cười rồi mắng nhẹ lại tôi :

— Đồ yêu ! Làm người ta hết hồn. Mua gừng có công, có việc chứ bộ đâu cứ mó đến gừng là lo Tết rồi đó.

Ngay lúc ấy, đứa con gái lên mười của chị ton-tả chạy ra. Nó chưa kịp chào tôi, đã nói lớn :

— Mạ ơi mạ ! Thím Tư đã mua đường, mua bột cho mạ rồi đó. Có cả ba ký hành khô và mấy bao phồng tôm to bự.

Hết đường chối cãi, chị Hoài cười xòa :

— Thiên hạ người ta rộn-ràng cả lên, mình làm sao mà níu cho đành. Cô Thu, bà Hường... cậu ghé mà xem, so với bọn họ tôi thực chả thắm vào đâu.

Quả đúng như thế. Tôi cảm thấy ngộp cả người, khi vừa đột nhập vào nhà chị Thu. Con người đẹp bé-bồng ấy đang bị giam hãm giữa một khu rừng vật liệu, dụng cụ, nào là bột, là đường, là nếp, là đậu, là đu đủ, cam quật, bí đao, nào là khuôn bánh, lò hấp bánh, thùng quây trứng, chảo, son đủ thứ.

Những người nhất-định không ăn

Tết đã lo sắm cho cái Tết sớm hơn và hăng hái hơn ai hết. Cô Năm hàng vải cũng vậy. « *Hồng có gì hết trọn hết trọn* ». Nhưng rồi chính cô lại chạy đôn, chạy đáo này mua cho kỳ được, với bất cứ giá nào, một tạ nếp thơm, dành riêng cho cái khoản bánh tét, bánh chưng. Rồi ông cụ hàng xóm thờ-thần trước bàn thờ gia-tiên đạo nọ cũng vậy. *Kiểm hoa tan nát hết!* nhưng chẳng biết ở đâu, từ đâu mà một buổi sớm, ông cụ đã cho triển lãm cả một lô kiếng vật lan, tùng, cúc, trúc đàn-goàng, và mỗi khi thấy tôi nhìn ngắm, ông cụ lại tỏ vẻ thích-thú, cam đoan bằng cái giọng quả-quyết, chắc như đinh đóng :

— Cúc này, lan này nhất-định là phải trở đúng vào mồng một Tết. Tôi đã gò thì không sai bao giờ.

Cứ nhìn cái vẻ khoái-hoạt, đắc-ý của ông cụ hàng xóm, tôi không còn đủ can đảm nhắc lại những lời tuyên-bố của cụ vào ngày hồi-cur. Nhưng chính cái rộn-ràng, nô nức của những người chung quanh, lại khiến tôi sực nghĩ đến cụ Chường, tôi nhớ tới nỗi khổ-tâm của cụ, tôi tin chắc thời-gian khó mà xoa dịu, giải tỏa được nỗi sầu hận trong cõi lòng già ấy, tôi đoán chắc là sau ngày hồi-cur, qua cơn bệnh-hoạn, ông cụ chỉ còn ngồi tựa cửa, lặng ngắm bóng Thiều-quang, để gặm nhấm mối sầu hận ấy cho đến giây phút phải mang nó xuống tuyền-đài.

Nhưng tôi lại lầm thêm một lần nữa khi tôi tìm đến viếng thăm ông cụ. Vừa nom thấy bóng tôi trước cổng, cụ Chường đã vui vẻ kêu lên :

— *Ồ là-là! mông na-mi!* Sao mà lâu ngày dữ vậy. Đáng phạt đó nghe. Trông

hoài, trông mãi. *Ân-tờ-rê! Ân-tờ-rê!*

Người chạy ra đón tôi không còn là cụ Chường của những ngày biển-cổ không còn là cụ già gầy-gập, bợ-phờ ngồi trên kỳ-đài nhưng là một ông lão hồng-hào, quắc thước, với nụ cười tươi như đóa quỳnh vừa nở. Cụ Chường chụp lấy tay tôi, kéo thẳng vào nhà, nhận cả người tôi xuống chiếc ghế xa lông bằng gỗ, rồi soạn bộ ấm chén ặt lên bàn, gọi người nhà lấy bình-t y, rồi vừa bỏ trà vào ấm, vừa cất giọng oang-oang hỏi tôi :

— *Xà-va biển? xà mạt-sờ?* hả! , tốt, miễn được sức khỏe là quý rồi. Lâu ngày được gặp lại, vui quá. Có biết bao nhiêu chuyện nói. Naurag uống trà đã uống một chén trà này đã...

Cụ lại loay hoay pha chế, từ chén tống chuyên sang chén quân, rồi trịnh trọng chia bàn tay to lớn về phía tôi :

— Mời! mời! trà này ngon lắm.

Tôi nhấp chén trà thơm và lo ngại là câu chuyện lại sắp được chuyển vào cái đề-tài cổ-hữu, và như thế thì cụ Chường lại đi sâu vào biển cổ vừa qua, lại trở về với cái tâm-trạng cũ. Nhưng không, cụ nói toàn chuyện vui, và cũng như ai, cụ nói đến chuyện Tết :

— Thế nào? *Mông na-mi* thấy trà này ra sao?

— Đặc biệt lắm.

— Nhất định là phải đặc biệt. Vì đây là loại Hồng-Kông, chính hiệu con nai. Của thằng cha Thành-Phát. Biết mình là hạng tay tở nó mới chịu đưa ra, chứ đề gì mua được. Nhưng... nhưng... có cái này còn đặc biệt hơn.

Đứng lên mở tủ thờ, cụ Chường bung ra một cái thạp nhỏ có niêm một vòng

giấy hồng điều chạy qua, chĩa về phía tôi :

— Cố đoán thử xem ?

Biết là tôi không thể đoán ra, cụ Chương liền đồng dặc tiết lộ :

— Mạn sen ! Mạn sen ! hảo hạng !

Cụ lại cười lớn :

— Thế là lo xong cái khoản trà vào ba ngày xuân nhật. Trà mạn sen bây giờ đã hiếm có, mà thứ này càng hiếm có hơn, vì đây là sản phẩm của chính những tay sành điệu trong đám đồng bào Bắc Việt di cư làm ra để dùng, chứ đâu có bán. Người ta gởi từ Sài-gòn ra cho đấy ..

Rồi từ chuyện trà, cụ Chương lại nói liên-miên đến những thú chơi Xuân :

— Xuân đến thì cần nhất là trà với rượu. Trà phải là trà ngon và rượu cũng phải là rượu quý. Thiếu hai cái khoản đó thì coi như là *dê rô*. Mà rượu thì theo ý-kiến *mông na-mi* thứ gì quý nhất.

— Sâm-banh, huých-ky hay mai-quế-lộ.

Cụ Chương lắc đầu, bĩu môi rồi xì một tiếng rõ dài :

— Bá láp cả. Chỉ có rượu Lẽ là tuyệt. Tôi muốn nói rượu Lẽ của bộ Lẽ thời xưa kia. Hừ, rượu Lẽ mà đi đôi với món *dê ướp* thì là... tuyệt trần, tuyệt diệu. Khoái không thể tả. Thuở sinh thời, *xông-nếch xê-lân mông-be* (bao giờ nhắc đến thân-sinh, cụ Chương cũng dùng chữ *Son Excellence* mà dù cụ cố chỉ làm đến chức *Thị-lang*), *xông nếch-xê-lân mông-be* vốn coi về bộ Lẽ. Mà thời đó thì cúng tế nhiều, thường có tam-sanh. Cứ mỗi bận cúng tế xong

thì cái khoản quan trọng nhất đối với *xông-nếch xê-lân mông-be* là khoản *dái dê*. Thuộc hạ phải lo mà *đề riêng* và *ướp kỹ*, vì thế lúc nào cũng có sẵn món *nhậu* tuyệt trần đó. Nè, đã khoái mà lại *bồ ác ôn* lắm. Hiệu lực còn gấp trăm lần Tam tinh hải cầu bồ thậ hoàn nữa kia.

Cụ chấm dứt câu nói bằng một tràng cười khành khách.

— Nhưng đến nay thì làm gì có nữa!

Cụ Chương trừng mắt nhìn tôi, hừ một tiếng :

— Đối với thiên hạ thì quả là làm gì có nữa. Nhưng *a-vét moa, nông ! A-vét moa*, vẫn có n'ư thường. Bộ Lẽ không còn, nhưng truyền thống nấu rượu Lẽ đâu đã mất. Còn *dái dê* thì không khó. Nè, *moa* tiết lộ cho *mông a-mi* biết một *xơ-cờ-rê* quân sự, phải nhớ làm lòng. Là Tết cứ đến đây... Tết cứ đến đây !

Nói xong, cụ Chương vỗ mạnh vào đùi, cười phá lên, tiếng cười ròn rã dữ dội đến độ muốn làm rêm chuyền cả gian phòng khách.

Tiếng cười của cụ đuổi mãi theo tôi, qua các nẻo đường, tấp nập người và xe cộ chen giao trong đám bụi mờ, chạy giữa các xóm và khu phố nhan nhản những tường nhà vừa được khoác những lớp vôi vàng, trắng mới, những hàng dậu vừa được cắt xén, những bóng hoa và rất nhiều màu sắc báo hiệu tân-niên.

Cảnh sắc chớm nở của một cuộc hồi-xuân này, dưới mắt tôi, vẫn chưa khỏa lấp được những đố nát, vỡ tan, máu lệ còn phơi bày đó đây. Hơn nữa, lòng

riêng còn trĩu nặng một nỗi nhớ-nhung khó thể diu vơi. Hai đứa con lớn của tôi, một đứa còn 1 bốn-ba ở nơi viễn-xứ, cách xa những muôn dặm hải hồ, một đứa thì chẳng biết giữa lúc này đang « ôm yên gối trống » nơi nào trên chiến địa? Cuộc sống lại chật-vật khó-khăn, tình-hình còn trĩu nặng lớp lớp mây đen u ám. Nhưng cũng lạ thay! Chính ngay trong cái thế khó nỗi thiết-tha với chuyện Xuân về Tết đến, tự dưng tôi lại cảm thấy tư-tưởng, khát khao đến một cái gì có liên hệ với cảnh Đất Trời đổi mới. Tôi nhớ tới một cảnh mai. Thực vậy, tôi nhớ tới một cảnh mai quý. Cảnh mai của Tết Mậu-thân. Thực chưa bao giờ tôi được thỏa thích với cái thú chơi mai như trong dịp Tết năm qua. Từ lâu, mai ở Cổ-đô đắt quá. Ngay có lắm tiền, sẵn bạc, thì cái chuyện mua mai cũng chỉ là cầu mua cho có, chứ để gì chọn lựa cho được một cảnh mai đúng theo ý muốn. Huống nữa túi tiền của tôi vốn đã mang sẵn một cái cố tật rất đáng ghét là cứ vào buổi niên cùng, nguyệt tận thì y như bao giờ nó cũng nhẹ bồng-bồng-bồng. Thành thử đã chín, mười cái Tết, tôi đâu có biết đến Mai là gì. Nhưng năm qua, một người bạn trẻ vừa kết mối tâm-giao, vốn biết rõ sở thích của tôi, nhà lại sẵn có nhiều mai trong vườn, và qua những câu chuyện về mai tôi thường nói đến, anh ta đã lặng lẽ ngắm chọn và dành riêng cho tôi một cảnh mai đáng coi là vô giá. Tôi tiếp nhận thứ của quý ấy vào chiều ba-mươi. Cảnh mai đẹp quá, vừa lớn, vừa sây búp, lại vừa hội đủ những đặc tính từng làm cho nó chiếm được một địa-vị cao quý trong các loài hoa. Có những nhánh ngay và thanh như trúc, lại có những đoạn gân guốc, mạnh mẽ. Cứng kiện như tùng, có những đường nét giao thoa đúng theo hình chữ *mậu*, lại có những khúc

uốn lượn đẹp như điệu múa của phượng, dáng bay của rồng. Cả một bài thơ ca tụng mùa Xuân. Cả một khúc nhạc Phượng-vũ. Và, cũng trong đó, tôi bắt gặp cả một tấm lòng. Chỉ mới một loại hoa đầu tiên và tối ba-mươi, mà ngay phút giao-thừa, tôi đã có cảm tưởng như đang được ngắm cả một đám bướm vàng chen chúc để mừng đón minh-niên, và khi ánh nắng sớm của ngày nguyên đán vừa bừng lên thì hầu như tất cả xuân-quang và màu sắc gấm hoa của Xuân Trời Đất đã tràn vào khắp cả gian phòng qua cảnh mai quý trong chiếc lọ sơn mài. Tôi mê say cảnh mai đến độ, trong những ngày đầu của biến-cố, mặc dù phải sống giữa cảnh bom đạn tơi bời, tôi vẫn không quên chăm sóc, và mỗi khi tiếng súng tạm im, từ trong hầm cát chui ra, tôi lại tìm đến cảnh mai, mãi mê chiêm ngưỡng cái hương sắc kỳ diệu tăng trưởng không ngừng, bất chấp cảnh can qua, khói lửa. Mãi đến ngày thứ chín, vì mức độ ác liệt của chiến-cuộc càng tăng, gian nhà sát vách bị trọng pháo xoi thủng cả tường lẫn mái, tôi đành phải cùng vợ con, quây bầu gánh níp, dắt díu nhau lên đường.. chạy loạn. Tôi ra đi với một nỗi luyến tiếc. Tôi ra đi và chỉ tiếc có mỗi một cảnh mai trong những gì tôi đành bỏ lại. Tôi ra đi với một nỗi nhớ-nhung...

Và giờ đây, rảo bước qua những nẻo đường còn mang đầy những dấu vết tang thương đau bề của Cổ-đô, tuy không tha thiết đến chuyện Xuân về Tết đến, nhưng lòng tôi lại nghe chuyền dậy nỗi nhớ nhung đạo nọ. Tôi nhớ một cảnh mai. Và tôi khao khát một cảnh mai vào dịp Xuân về.

PHAN-DU

Mùa xuân trên chiến địa

Thơ TRAN-TUAN-KIỆT

khi đàn nhận trở về
gió bắc thổi vi vu
nắng xuân hồng chiến trận
nàng ngồi trên thành cao

cờ xí bay đầy trời
chiến trận chùng thiếu người
đêm xuân trắng thật sáng
nhận kêu hồ lẻ loi

ta dong ngựa qua đèo
trở về cùng đồng nội
đứng một mình đón gió
bên chòi tháp cheo leo

nhìn bên kia đồn lũy
gươm súng dựng hàng hàng
chiều xuân hồi đạn nổ
đầy trời ôi màu tang

dưới sườn núi hãy xem
có túp lều bà mẹ
le lói đêm không đèn
ngồi ru con khe khẽ

lời mẹ ru trong cửa
bay qua bên ngọn đèo
lời mẹ sầu muộn thưở
giòng thế kỷ hoang liêu

vàng trắng lên khỏi núi
sương xóm toả mờ mờ
cây rừng chim ngủ tối
âm thầm tự thưở xưa

thuở xưa cây và trăng
từng kể lẽ bao lần
những mùa xuân hoa nở
hương đượm ngát trời xuân

đàn nhận nay trở về
trời Nam chùng gió bụi
ta lặng lẽ đón nghe
tiếng thăm thì sốc hối

chinh chiến hãy còn dài
lo gì không ngày mai
hỡi những chàng nghĩa khí
dậm trường xây tương lai



MẸ

Thơ HẠ LAN

chiều cao nhạt nét phai màu,
tháng năm trở giấc đêm thâu gọi hồn.
mang về thân thề cô đơn,
những con hoang, liệu mẹ còn nhận chẳng.

con xin mách mẹ hay rằng,
phần tư thế kỷ ăi năn tội tình.
hình hài mẹ goá điêu linh,
năm ồm bề gió lộng tình đại dương.

trăm con xưa chuyện hoang đường,
nhưng dòng sữa ngọt tình thương muôn đời.
xiêm y nay dầu tả tơi
nhưng màu tóc mẹ ngàn đời không phai.

Người con gái đầu tiên

truyện của HUỖNH - PHAN

Làng tôi cách Hội-an vài ba cây số về phía Nam. Mỗi sáng, tôi phải qua hai lần đò ngang để đến trường học trong thành-phố. Hội-an cách biển chừng bốn, năm cây số. Tôi đã sống nhiều giờ phút ấu-thơ bỏ học trên vùng bờ biển này. Ở đây có những rừng thông để ngăn cát bay vào đồng ruộng. Thông ở gần bờ nước không cao lớn mà mọc từng lùm thấp cành lá chi-chít. Tôi thường chui vào một khoảng trống nơi hai ba lùm thông đan lá trên đầu thành vòm cong như một vương-miền dệt bằng tóc xanh chen tóc vàng kín đáo. Tôi gối đầu chổng sách vở, nằm dài trên cát mịn, mắt theo dõi những gì vô-hình đang bay lượn trong không gian màu xanh trước mặt...

Tôi sắp kể lại đây một câu chuyện nhỏ, xảy ra vào thời-kỳ tôi thức ngủ mơ-màng trên vùng bờ biển đầy nắng hiền gió ngọt này. Không biết có nên gọi là một « chuyện-tình », không câu chuyện giữa tôi và Hải, người con gái đầu tiên đi vào hồn.

Suốt năm đệ-ngũ, tôi là một hiện-tượng trong lớp tôi. Hiện-tượng bỏ học giờ Lý-Hóa. Thầy Phan-Mùi dạy Lý-Hóa đeo kiếng cận và tóc bao giờ cũng hớt ngắn, tôi rất thích. Nhưng tôi rất ghét môn Lý-Hóa với những phản-ứng chằng-chịt, những chất độc lạ tai chẳng ăn-nhập gì đến tôi. Thế là tôi bị ra những bệnh đau đầu, đau bụng, đau răng... thay phiên nhau để xin nghỉ giờ Lý-Hóa. Đến nỗi bạn đồng lớp gọi tôi là « thằng bá bịch ». Mỗi lần đem khuôn mặt... đau đớn mệt-mỏi lên xin nghỉ là tôi bị la. Nhưng tôi vẫn năn-nỉ cho được ra khỏi lớp. Và lần nào tôi cũng đạp xe xuống bãi biển. Một hôm thầy Mùi cắc-cớ, sau hai giờ Lý-Hóa ở lớp tôi, dong xe xuống tắm biển ngay giữa buổi trưa. Thầy bắt gặp tôi đang đào một hang dã-tràng trên triền nước. Hỏi tôi sao mới đau bây giờ lại ở đây. Tôi nói láo đại-khái ra khỏi lớp được một giờ thì hết đau không biết làm gì nên xuống biển chơi. Thầy dọa lấy lệ coi chừng cuối năm ở lại lớp. Nhưng thầy thân mật xòe hai bàn tay phẩn bảng ăn mòn sần-sùi rồi cắt nghĩa với tôi : « Tắm cho nước mặn làm lành những chỗ này ». Rồi thầy nhờ tôi cầm kiếng cận cho thầy lộn mèo trên cát, xuôi theo bờ cát cho đến khi ngập mình trong nước. Tắm xong thầy rủ tôi trở về. Hai thầy trò dong xe về thành phố. Những chỗ đường rợp bóng cây thì la cà « tâm sự ». Những chỗ đường thẳng chang-chang ánh-nắng thì chạy đua nhau. Từ đó thầy thương tôi hơn, không bao giờ la rầy tôi nữa. Và tôi cũng không nỡ bỏ giờ thầy mặc dù tôi vẫn chẳng hiểu ắt giáp mô tê gì về những sufuro, sufuric của thầy. Nhưng tôi vẫn tìm những dịp

khác, nhất là những buổi trưa ở lại trường, để xuống biển. Tôi không hiểu tại sao. Nhưng những lúc tôi một mình, không bạn bè để chuyện trò, không có gì để say mê, những lúc tôi trơ-trọi tứ cố vô thân thì biển lên tiếng gọi. Xuống bãi biển trở thành một thói quen càng ngày càng mãnh-liệt làm tôi xa lạ với thành-phố, ngu-ngơ giữa bạn-bè.

Cho đến cuối năm đó. Những ngày tàn đông cũng là những ngày học trò nghỉ học về nhà chuẩn-bị ăn tết. Tôi rất chán ghét những ngày này. Vì đâu đâu tôi cũng thấy những người cầm cái ăn cái mặc trên tay. lao-xao mua sắm cái chưng-diện trong nhà. Có ai chịu thư-thả bách-bộ trên bờ cỏ, dọc bờ sông như tôi đâu. Chính phong-cách thông-dong này làm tôi được gán cho cái tên là thẳng-ăn-quán-ngủ-đình trong nhà. Nhưng làm sao tôi hòa mình vào nhịp rộn-rịp bên ngoài khi tôi không thấy có gì mới lạ xảy đến. Đường sá trong làng nhiều chỗ vẫn nhớt-nhấp lầy-lội. Những người đàn bà vẫn vừa vồ háng bạch-bạch hiên-ngang vừa chửi qua rào vì những món nợ kinh-niên. Những bó hoa người ta ôm ngoài đường từ thành-phố về toàn là hoa giấy và hoa nilon. Miền Trung cần-cối quá, ngoại cảnh chẳng góp vui với con người tí nào. Tôi chẳng tìm đâu ra một thức hoa xuân. Cả làng, tôi ở chỉ có vài cội mai già của những nhà cồ-kính, không đủ ánh lên một chút vàng tươi làm chút duyên năm mới. Tôi cứ lang-thang như kẻ ngoại-cuộc đối với gia-đình, trong khi các anh chị tôi đều lo dọn-đẹp sơn-phết. Tôi đi dưới mưa đôi khi và thầm mong cho những cơn mưa cuối mùa dứt hẳn. Và tôi âm-thầm dự-định... Trong tôi, biển vẫn lên tiếng gọi nồng-nàn.

Tối hăm ba tết, trong nhà cúng đưa ông Táo về trời. Bên ngoài mưa vẫn lâm-râm lâm-râm suốt đêm. Tôi hỏi mẹ tôi ông Táo về trời có đem bếp lửa theo không ; trời mưa thế này chắc bếp tắt hết khi lên tới trời. Mẹ tôi cười Chị tôi cũng cười bảo thằng này thật lằm-cằm. Nhưng chị mở mắt nhìn tôi ngạc-nhiên khi tôi nói thì mưa vô-hình, tắt bếp lửa vô-hình, chị đâu biết... Nhưng rồi mưa cũng dứt. Đông qua để Xuân về. Có điều đừng ai chờ-đợi Xuân về ở miền Trung buồn-bã với cỏ hoa đời mới rục-rỡ, với mây tạnh trời quang. Mưa tạnh thì cũng vừa gió bắc về, khô-khô lạnh-lạnh suốt ngày đêm. Và bầu trời sà thấp xuống lạnh-lặn một nền mây trắng đục, không âm-u lắm nhưng không chỗ nào có da trời xanh. Nó lạnh-lặn hơn, sáng-sủa hơn, không đen-ngòm xám-xịt rách-nát lổ-chỗ gập-ghềnh như bầu trời mùa đông, thế thôi. Tuy nhiên cũng nhờ cái bầu trời đầy mây trắng đục và cái gió khô-khô lồng-lộng đó mà những kẻ du xuân thấy ấm-cúng hơn. Nhất là những cặp trai gái mới yêu nhau. Họ được đi thật gần nhau trong gió lạnh. Những anh con trai khôn-ngoaan thường đi dưới gió để tóc người yêu ve-vuốt da mặt mình, để hít thật đầy lồng ngực hương yêu cho đời thêm ngào-ngạt. Tôi luôn luôn trơ-trọi nên sáng mồng một Tết, khi vừa nghe ba tôi bảo đến mừng tuổi mấy người bà con bên nội bên ngoài là tôi phóng ra khỏi nhà. Ba tôi tết nào cũng nằm nhà. Ngủ

hay có ai tới thì chuyện trò lang-bang. Vì ba tôi cho là chẳng ai đại dột đau ốm trong mấy ngày tết nên khỏi cần đi thăm. Con cái được tự-do đi lại tùy thích. Má tôi dẫn chị tôi và mấy đứa em nhỏ tôi về nhà ngoại. Tôi cũng được tự-ý nên tôi chẳng đến nhà ai cả, mặc dù lời ba tôi khuyến-khích. Làm sao tôi có thể chôn-chôn giữa một căn nhà đèn hương nghi-ngút, màu sắc hỗn-độn của hoa giấy, liễn đối, trái cây, ly tách nhức cả mắt, Làm sao tôi tập nói và tập lắng nghe những lời chúc tụng thăm hỏi dịu-dàng hòa-nhã từ cửa miệng những người trước đó một ngày vì miếng cơm manh áo sẵn-sàng chửi-bới đấm-đá gièm-pha khinh-bĩ gạt-lường nhau ! Dầu mà sự giả-tạo có hồn-nhiên vô-thức thế nào trong cuộc sống ngàn đời âm-u của những người suốt tháng quanh năm tắt đầu tối mặt thì tuổi thơ, thì tôi thơ-ấu cũng đã thấy bỡ-ngỡ với thế giới lạ-lùng đó của người lớn.

Tôi dong xe đạp vượt hai cái đò ngang. Sau porte-bagages có một gói giấy lớn và một quyển sách. Gói giấy là gói « lương-thực »; còn quyển sách là quyển « Trong Gia-đình » của Huy-Thường phóng-tác theo « En famille » của Hector Malot. Cái quyển sách nhỏ ấy tôi đã đọc nhiều lần nhất trong đời mà lần nào cũng thấy cay cay đôi mắt. Gió vèo-vèo trong lá tre. Tôi vừa đạp xe trên đường làng vừa khoan-khoái nghĩ đến một ngày tuyết-diệu : Tôi sẽ xuống bãi biển, đọc lại quyển sách đó, rồi ngủ rồi thức dậy mơ-mộng. Chiều tối sẽ trở về...

Nhiều đứa bạn học gặp tôi trên bến đò, tưởng tôi qua Hội-an hỏi đi « phố » hả. Tôi ừ, chúng nó hỏi đi « phố » làm chi hôm hay. Tôi nói có việc. Chúng phá lên cười. Chà, oai dữ, tết cũng có việc. Chắc là đi mua thuốc đau bụng đau răng chi đó. Tôi trở lại chợ coi người ta xỏ tam-hường, đánh cá-ngựa rồi vào trường học coi đánh bài chòi đi ông ơi. Tôi nói tau vừa mới coi xong ra đây. Chúng vắn lại bây giờ người ta mới bắt đầu mà... Nhưng tôi đã bỏ đi với nụ cười bỏ cuộc.

Tôi đạp thật nhanh xuống bãi biển. Nhiều người ngược chiều tôi cũng đạp xe nhanh hay đi bộ về phía thành phố. Gần chín giờ tôi đến đoạn chót của cuộc hành trình. Tôi dắt xe ra sát mé nước. Cát ở đây dẽ lại không lún bánh xe. Tôi đạp lên cách xa bãi tắm chừng hơn cây số, tìm đúng lùm thông tôi vẫn đến nằm vào mùa hạ, Chiếc vương-miền trên đầu tôi vắng tôi bốn, năm tháng thu đông đã có vẻ xanh hơn và hẹp lại vì lá thông vươn dài ra. Chiếc nệm cát dưới lưng tôi cũng phẳng hơn vì nước mưa hai mùa. Biển đây rồi ! Tôi xô ngã chiếc xe trên cát, đặt gói bánh và quyển sách trên chỗ nằm. Và tôi chạy ra bờ cát. Tôi hít thật đầy khí trời vào phổi. Tôi sè tay giơ cao nghe gió như tấm lụa rách êm êm trong kẽ ngón tay tôi. Bốn, năm tháng trời xa biển vì mưa gió bão lụt, bây giờ tôi đứng đây chiêm ngưỡng, biển trải dài trải rộng ; tôi một mình lắng nghe tôi và vũ-trụ thì-thầm...

Tôi nhìn tứ bề. Biển bao la. Tứ bề vắng lặng. Trên cát không một dấu

chân người. Đây là một vùng bờ biển không có thuyền dân chài. Tôi nhìn trời. Mây vẫn trắng đục ; bây giờ sáng hơn lên. Biển thật xanh. Sóng ập vào bờ từng tảng nước trắng rồi vỡ vụn trên cát, chạy dài theo triền cát như một vòng hoa trắng. Loài hoa đặc biệt, nở chưa đầy nửa phút đã tàn. Để cho một mùa hoa mới. Rồi một mùa mới khác nữa. Triền miên. Tôi chợt nhìn thấy vài ba chiếc thuyền mảnh chạy ngược ra phía đảo. Trên thuyền cờ tam giác màu đỏ màu vàng rực-rỡ. Đó là những thuyền hằng năm « theo lệ ông bà » ra đảo cúng trong một làng Cá Ông để cầu phúc lành cho năm mới. Mấy cánh bướm trắng bọc gió nổi bật trên nền nước xanh. Mấy ngư-phủ bận áo dài đen động-dậy từng chấm nhỏ. Quanh năm họ sống những chuyến ra khơi và trở về đầy sóng dồi gió giạt, đầy vất-vả vội-vàng. Chỉ có chuyến ra khơi này, mà họ gọi là chuyến « xuất hành », là thênh-thang thư-thả, mặc dầu hơi trịnh-trọng đôi chút. Họ đem ra khơi những ánh mắt tin-tưởng và nụ cười hy-vọng. Dầu sao thì quỷ thần cũng rất hữu ích trong cuộc sống của đám ngư dân này. Họ ra đảo cúng tế mỗi đầu năm và họ tin rằng Ông (cá Ông) sẽ phò hộ họ suốt năm gặp mọi điều lành. Họ truyền-khẩu cho nhau những câu chuyện có nhiều thuyền đắm ngoài khơi mà nạn nhân vẫn được Ông đưa vào bờ sau một giấc mê-man kỳ-diệu. Họ thêu-dệt nhiều chuyện rất ly-kỳ về những trận chiến giữa các thủy tộc với các đàn cá mập để bảo vệ Ông. Trí tưởng-tượng mộc-mạc của họ nhiều khi thật phong-phú để hình-dung một cá Ông đi kinh-lý từ vùng biển này qua vùng biển khác với cả một đoàn triều-thần gồm đủ các loại cá, tôm và mực tề chỉnh vây-quanh hộ-tống. Khi đoàn lữ hành đó bị bọn cá mập tấn-công mạnh quá, những võ-tướng mực sẽ phụt nước mực làm đen ngòm một vùng nước biển để đàn cá mập lạc lối hầu « vua, tôi » có thể thoát thân. Đám ngư dân này sống hằng say nghề-nghiệp của mình, nghề-nghiệp đã được lưu-truyền từ bao nhiêu đời tổ-phụ. Và họ luôn luôn nhắc đến Ông một cách thành-kính. Bao giờ, sau những câu chuyện kể về phép màu và lòng công - chính của Ông, họ cũng kết - luận rằng chỉ những người hiền - lương mới được Ông phò trợ. Làng tôi cũng có nhiều ngư dân suốt đời dầm mưa dãi nắng tìm cách gặt hái hoa màu trên cánh đồng ngàn đời xanh biếc này. Đã nhiều lần tôi say-sưa nghe họ kể chuyện cá Ông, cá mập ngoài khơi hay chuyện sóng thần ở cửa biển. Có lẽ tình yêu biển nhuộm lên trong tôi từ những mẩu chuyện đầy nắng gió và thần-linh của họ... Khi thấy chiếc thuyền mảnh ra gần tới đảo, những cánh bướm chỉ còn là những chấm trắng nhỏ dần. Tôi đảo mắt mông-lung trên biển. Biển hiền lành vô-chứng. Biển êm-mướt dịu-dàng mặc-dẫu tiếng ì-ầm, đi-dùng vẫn ngàn năm vang-vọng từ từ bề. Tiếng ì-ầm của biển không phải là tiếng gào-thét giận dữ hay rên-xiết oán hờn gì đâu. Đó chỉ là tiếng vọng hun-hút của quá-khứ và tiếng gọi mơ-hồ của tương lai. Người đã chết đều hiền từ và người chưa sinh chẳng có gì độc-ác. Biển chỉ ru những lời ngọt-ngào, cho bờ cát ngủ, cho rừng thông mơ, Có lẽ, biển hát cho gió đàn trong lá thông...

Tôi vào giữa lùm thông, nằm dài trên mặt cát mịn-màng. Thở đều-đặn và

thấy đời mình ngắn dần từng giây. Tự nhiên tôi thấy trơ trọi, không phải trên bờ cát này mà trong cuộc đời. Tôi chống cùi tay xuống cát nâng đầu cao lên nhìn nghiêng ra bờ cát. Những cụm bọt trắng nô-đùa trên cát làm tôi quên đi ý-tưởng buồn sầu. Tôi theo-dõi mấy con dã-tràng chạy đua trên mặt cát. Chúng vẫn sống rãi-rác trên mặt cát như những ngày mùa hạ. Tôi tôi tự nghĩ chắc chúng không có ngày nào là ngày tết. Mà biết đâu chúng không biết có thời-gian cũng nên. Phải rồi, có lẽ tôi khác dã-tràng ở chỗ tôi nhận biết từng giọt từng giọt thời-gian của tôi rơi xuống, tan thành hư-vô.

Bầu trời mây càng lúc càng trắng hơn lên. Tôi mở gói giấy lấy chai nước ngọt thứ nhất trong ba chai đem theo uống từng ngụm nhỏ. Rồi tôi đặt ngang vỏ chai dưới đầu làm gối. Tôi bắt đầu đọc lại quyển sách mang theo Quyển truyện kể chuyện một cô bé tên Thúy-Phương mồ-côi cha mẹ phải một thân một mình từ Saigon lần dò về Huế tìm ông nội. Tôi hay khóc mỗi lần đến đoạn nào Thúy-Phương đói khát quá ngắt xiủ dọc đường. Vừa đọc tôi vừa nhắm-nháp mấy chiếc bánh ngọt. Và tôi bồi-hồi nghĩ không được ở gần Thúy Phương để chia cho Thúy Phương vài chiếc! Một lúc lâu sau, quyển sách rớt xuống bên mình tôi. Tôi không biết đã đọc đến đoạn nào. Vì lời ru của biển đã từ từ khép chặt mi tôi. Tôi ngủ say-sưa một giấc ngủ rất nhiều mộng-mị. Nhưng tôi không nhớ gì cả. Vì khi tôi thức-dậy, hồn trí tôi đã bị chiếm đoạt trọn vẹn bởi sự xuất hiện của một người con gái.

Tôi mơ-hồ nghe trên trán mình cái gì âm-ấm. Tôi mở hé mắt. Và tôi giật mình mở tròn mắt ra. Một người con gái thật đẹp đang mỉm cười nhìn tôi. Tôi toan chống tay ngồi dậy thì một ngón tay ấn nhẹ lên cằm tôi:

— Nằm yên như vậy đi. Đừng sợ. Tôi thoáng run lên và người con gái tiếp:

— Chị cũng đi chơi biển như em mà.

Thấy em ngủ thật ngon chị lại ngồi xuống cạnh chừng cho em ngủ.

Tôi vừa lo sợ vừa ngạc-nhiên. Nhưng tôi rón năm yên để quan-sát. Người con gái cứ mỉm-mỉm nhìn tôi chăm-chú nhìn nàng. Đôi mắt đen sáng rõ như mắt bồ câu con. Cái miệng mọng đỏ làm tôi nhớ lại những lời thật dịu-ngọt vừa rồi thoát ra từ đó. Mái tóc thật nhiều chảy xuống đen mượt trên vai trên lưng áo màu phớt hồng. Và tôi ngạc nhiên hơn khi thấy một cành lá thông bỏ phủ trên đôi chân màu quần trắng. Nàng ngồi xây lưng về phía chân tôi và đôi chân duỗi thẳng về phía trước.

Vẻ đẹp của nàng không có vẻ gì khác thường, nhất là đôi mắt thật hồn-nhiên và đôi má ửng hồng làm tôi bớt lo sợ. Tôi đoán bạo hỏi:

— Chị đến đây lâu chưa?

— Chị ngồi bên em chừng bằng lúc em thức dậy đến giờ thì em thức dậy. Bây giờ em hết sợ hãi chưa?

Tôi chợt mỉm cười khi nghe câu hỏi đó làm nàng cười rõ-ràng như có vẻ sung sướng thấy tôi cười. Nàng nói :

— Thôi bây giờ em bình tĩnh ngồi dậy đi. Chị em mình nói chuyện chơi. Chị đi chơi có một mình may lại gặp em.

Tôi chống tay ngồi dậy. Nàng phủi cát trên vai trên lưng cho tôi, và nàng hỏi :

— Cái chai gì thế này ?

— Chai đựng nước ngọt vừa uống.

— Bộ em đem đồ ăn theo ? Còn không cho chị ăn với. Chị cũng đi từ sáng tới giờ đói bụng rồi.

Tôi nói còn và đưa gói giấy cho nàng. Vừa bẻ một chiếc bánh làm đôi, nàng vừa hỏi :

— Đây tên em là chi ? Em được mấy tuổi rồi ? Bộ em thích biển lắm sao mong một tết lại xuống năm đây một mình ?

— Tên Hòa. Mười ba tuổi. Xuống đây vì ghét chỗ đông người. Tết ở đâu cũng đông người hết... Còn chị ?

— Tên, tuổi chị ? Chị tên Hải, Năm nay chị hơn Hòa bốn tuổi rồi.

Rồi nàng nhìn chăm chăm vào mặt tôi, răng vẫn nhấm từng chút bánh. Tôi hỏi nho nhỏ :

— Nhà chị ở đâu ?

Chợt nàng buồn hiu, nói.

— Hòa đừng hỏi chị từ đâu đến. Hòa thấy chị có hỏi Hòa điều đó đâu. Cứ biết là chị đang ngồi trước mặt em bây giờ... Chị không có nhà đâu. Nhà chị là cả vùng biển này. Hay chị là vùng biển này cũng được...

Tôi không hiểu nàng định nói gì. Tôi nhìn. Nàng mỉm cười, nắm một bàn tay tôi mân mê mấy ngón.

— Đây nhé, Hòa biết không, chị là vùng biển này mà ; Màu áo chị là màu hoa tứ quý Hòa vẫn thấy nở quanh năm sau đồi thông này đó. Màu quần chị trắng là màu cát trắng này. Tóc chị là rừng thông xanh. Và mắt chị, có phải mắt chị biếc như màu biển trời mùa hạ không ? ... Hòa thấy chưa ? Vì thế chị có tên là Hải. Hải là biển.

Tôi thấy thích-thú nên hỏi :

— Thế dã-tràng là chi trên chị ?

Nàng cười và chỉ những hột cát lấp-lấp trên vai quần :

— Đây này, dã-tràng, thật nhiều đó.

Tôi cười. Và thấy nàng cũng cười sung-sướng. Cùng ăn xong mấy chiếc bánh, tôi khui hai chai nước nữa. Nàng uống từng ngụm nước nhỏ và luôn luôn mỉm cười nhìn tôi. Xong nàng đề-nghị :

— Bây giờ chị em mình ra đi dạo theo bờ cát chơi.

Tôi đứng dậy theo nàng. Và tôi hơi ngạc-nhiên thấy nàng chẳng đá-động gì đến quyển sách tôi vừa đọc, như thể chẳng trông thấy nó. Nàng nắm mấy ngón tay mặt tôi, đi chầm-chậm dọc theo triền nước. Đôi lúc nước bắn lên quần áo. Tôi không biết nói gì và nàng cũng yên lặng. Một lát nàng đứng lại :

— Này Hòa, chị em mình không nói chuyện vì để nghe biển nói. Em có hiểu được lời sóng không ?

— Tôi lắc đầu. Nàng nói tiếp vừa kéo tôi đi :

— Cứ đi và nghe. Một lúc nào đó em sẽ hiểu được những điều biển nói với chúng mình.

Đi lên phía bắc chừng vài cây số, nàng hỏi tôi mỗi chân chưa và bảo quay về. Bấy giờ nàng dỗi qua nắm bàn tay trái tôi, để tôi được đi bên trong và nàng đi bên ngoài.

Về đến lùm thông ấy, nàng ngồi xuống yên-lặng nhìn ra mặt biển. Tôi yên-lặng nhìn nàng. Hải quay lại thấy tôi nhìn say-sưa, nói có vẻ buồn :

— Hòa ơi ! Bây giờ chị sắp đi. Mà Hòa cũng sửa-soạn về nữa chứ. Chiều rồi...

Tôi hỏi :

— Chị đi đâu ? Chị nói chị ở đây mà ?

— Ờ, thì chị đi không còn ngồi trước mặt Hòa nữa. Mai Hòa có xuống không ? Không chừng mai chị sẽ kể cho Hòa nghe một câu chuyện về biển...

Tôi lại yên-lặng nhìn nàng. Bỗng mắt nàng sáng lên long-lanh, môi mấp-máy như có điều gì xúc-động.

— Hòa này, bây giờ chị đi. Hòa có cho chị yêu cầu hai điều nho-nhỏ không ?

— Có.

— Hòa ngoan lắm. Điều thứ nhất là Hòa nhắm mắt lại để chị thương Hòa cái này làm kỷ-vật vô-hình. Còn điều thứ hai là khi chị đứng dậy bắt đầu đi thì Hòa nằm xuống, úp mặt lên quyển sách của Hòa. Để chừng mười lăm phút cho chị đi khỏi đã ngồi dậy. Em hứa với chị đi, là sẽ làm như chị vừa yêu-cầu.

Tôi gật đầu thành-thật. Hải nói :

— Hòa tử-tế lắm. Bây giờ Hòa nhắm mắt lại đi. Xong mới mở ra nghe.

Tôi nhắm nghiền mắt lại. Hải nhè-nhè kéo tôi vào lòng, vuốt-ve tóc tôi và hôn thật lâu trên má tôi. Tôi nghe một cảm giác ấm-áp chạy khắp da thịt. Nhưng tôi không dám mở mắt. Hải thả tôi ra từ từ và đập nhẹ ngón tay lên má tôi chỗ vừa bị hôn, nói :

— Rồi ... mở mắt ra.

Tôi mở mắt nhìn Hải sung-sướng. Hải cũng nhìn tôi mỉm cười rạng-rỡ. Một lát, Hải đưa ngón tay cho tôi nắm ra dấu muốn đứng dậy. Tôi kéo Hải đứng dậy và Hải ấn nhẹ trên vai cho tôi ngồi xuống. Hải nói ngọt-ngào :

— Thôi chị đi. Hòa nằm xuống làm như đã hứa đi. Ngày mai...

Tôi nằm xuống úp mặt lên quyền sách. Và lắng tay nghe tiếng chân Hải rất nhẹ-nhàng xa dần trên cát. Tôi không đoán nổi Hải đi về hướng nào. Nhưng không biết một mãnh-lực nào thật lạ-lùng không cho tôi phản lại lời hứa. Tôi cứ nằm như thế cho đến khi nghĩ là đã được mười lăm phút. Tôi ngàng đầu lên, bò dậy và chỉ thấy mặt cát nát nhàu vết chân. Tôi chạy ra bờ cát nhìn quanh. Tứ bề vắng ngắt. Trời đã chiều. Nửa bầu trời phương-tây sáng rực trong khi phương-đông mờ xám lại. Tôi trở vào giắt quyền sách sau xe đạp. Đề đứng ba cái vỏ chai thành hàng cái này cách cái kia đúng một gang tay thử xem ngày mai có gì thay đổi không. Và tôi trở về buồn buồn. Nhưng tôi không thấy chán-nản vì hy-vọng ngày mai còn gặp lại Hải.

Sáng hôm sau — mồng Hai tết — tôi bị bắt-buộc ở nhà nói chuyện báp-láp với mấy đứa bạn học từ Hội-an qua. Mãi đến hơn chín giờ chúng nó mới kéo nhau đi. Tôi lại âm-thầm sửa soạn hành-trang và ra khỏi nhà không ai biết tôi đi đâu. Lần này gói lương thực có vẻ phong-phú hơn. Và tôi không quên đem theo quyền sách đọc dở-dang hôm trước; định sẽ đọc tiếp trong khi chờ Hải đến.

Gần trưa tôi mới đến nơi. Vừa xô ngã chiếc xe trên cát tôi đã chạy vào ngạc nhiên đứng nhìn : Ba cái vỏ chai tôi đề đứng bây giờ chỉ còn hai cái, một cái nằm và một cái đứng bên cạnh. Tôi biết Hải đã trở lại. Tôi buồn vô-cùng và thăm oán những đứa bạn tôi. Nhưng tôi vẫn hy vọng Hải sẽ trở lần nữa. Tôi không dám ra bờ cát đi lang thang. Tôi nằm trên cát thờ cho đỡ mệt. Dần dần tôi bình tĩnh lại. Tôi mở sách ra đọc tiếp. Nhưng tôi chẳng hiểu tôi đọc những gì vì tôi mãi nghĩ đến Hải : tôi nhớ lại từng chi tiết cuộc gặp gỡ hôm qua, từ lúc tôi mở mắt ra đến khi tôi úp mặt trên trang sách... Và trong lời ru của biển, trong tiếng gió đàn trên lá thông, tôi lại ngủ đi lúc nào chẳng hay biết.

Chiều tối tôi chợt thức giấc vì thoáng nghe lạnh nơi bàn chân. Tôi dụi mắt nhìn quanh chẳng thấy Hải đâu. Bỗng tôi nhận thấy quyền sách được đặt ngay ngắn trên gói bánh ngọt có cái cây viết của tôi trên bìa, cây viết màu đen chị tôi mua cho suốt ba năm rồi lúc nào cũng có trên túi áo tôi. Tôi hoang mang và thấy hồi hộp lạ lùng. Tôi mở quyền sách ra : trên trang sau của bìa

trước nơi khoảng giấy trống trơn những dòng chữ thật đẹp của Hải. Hải viết cho tôi cái thư ngắn mà chữ nào cũng viết hoa :

« Hòa ơi !

« Hồi sáng chị đến đây không có em. Bây giờ chị trở lại thì em đang ngủ thật say nồng, Chị biết Hòa mơ thấy gì rồi .. Giấc ngủ của cậu bé an-lành như giấc ngủ một thiên-thần; chị không dám làm kinh-động. Nhưng chị phải đi vì không biết lúc nào em mới thức dậy. Không biết rồi mai, rồi một chị có còn được trở lại nữa không. Hòa biết, làm em gái đâu có dễ-dàng đi chơi một mình !

« Nếu chị em mình không được gặp lại nhau, thì cứ xem như mình đã qua một thoáng mộng. Mà có lẽ cả cuộc đời cũng chỉ là một giấc mộng thôi em... Chị cầu chúc em suốt đời vẫn là một đứa bé thơ-ngây...

« Thôi chị đi. Em ngủ cho ngon.

Chị Hải »

Tôi bàng-hoàng thấy mát-mát một cái gì. Từng hơi thở tiếc-nuối dâng lên. Tôi nhìn ra xa. Trời đã chiều, chiều hơn hôm trước nhiều lắm. Tôi chán-nản dắt xe trở về, lòng nặng trĩu những u-uất khó-tả.

Những ngày kế-tiếp tôi xuống sớm hơn, nhưng chỉ để trở về buồn bã. Rồi suốt mùa xuân và mùa hạ, tôi gần như thường trực ở đó. Nhưng Hải không bao giờ trở lại. Dần dần rồi tôi cũng quen với nỗi trống-vắng thiếu Hải và tôi vẫn yêu mến biển như trước kia. Nhưng tôi chỉ được sống với biển mấy năm nữa thôi. Khi đất nước khắp nơi chìm trong bom đạn thì những hàng rào bằng thép gai, bằng mìn và cả bằng người võ-trang mọc lên ngăn cách thành-phố với miền duyên-hải, ngăn cách tôi với biển. Tôi đã qua sông tìm về thành-phố khi xóm làng trở thành vùng xôi-đậu. Rồi lại bỏ thành-phố nhỏ cồ-kính đó để đến những thành-phố lớn hơn...

Bây giờ ngày ngày ngập-chìm giữa những lớp sóng người phố-thị, tôi nhiều lúc bắt gặp mình hết là đứa bé thơ ngây như Hải cầu chúc. Còn mấy ngày nữa lại một cái tết mới. Mọi người đang xôn xao về sự ngưng nghỉ gần kề của súng đạn. Nhưng im tiếng súng để tôi được trở về thăm xóm làng rách nát hay để tôi ngàn đời cách xa vùng trời ấu-thơ biển xanh cát trắng. Hải ơi ! bây giờ Hải ở đâu ? Có thể Hải đang là một người mẹ tay bồng tay [mang. Nhưng tôi không gọi Hải bằng chị nữa đâu vì Hải sẽ ngàn năm trong tôi là cô gái mười bảy tóc xanh rờn thông và áo hồng màu hoa tứ-qui... Hay Hải đã thành tro than theo khói lửa ? Làm thế nào để sống lại những ngày tháng cũ như thể mình chưa từng trải qua cuộc chiến khốn-khó này ? Nhưng mà Hải, Hải có thực không hay chỉ là một bóng ma ! Vùng trời ấu-thơ tôi có thực hay chỉ là một ảo tượng như trăm ngàn ảo-tượng làm nên giấc mộng cuộc đời ! Và tình-yêu ? Có phải tình-yêu thâm-thiết nhất chỉ có với những đối-tượng ngàn đời ở xa hun-hút ngoài tầm tay mỗi người ..

HUỶNH PHAN

Hoa Chúc

Thơ BUI KHANH ĐẢN

Loan phụng rung màu sóng nắng

Hoa mùa dấy ngát trời yêu

Lối hẹn non mờ biển lặng

Trúc ty giao nhịp thanh kiều

Giò bụi tan dần bốn cõi

Tiên thề nở ánh hoàng vân

Phấn đại gương chìm ý đợi

Khung lồng đôi bóng hành nhân

Hương ủ cao đài, ĐẸP hiện thân

Duyên tròn kim thạch, nghĩa tròn ân

Đàn nghiêng hòa khúc, tơ đồn ngọc

Son ngả tâm tình, tóc dệt xuân

Đôi cánh nhận in trời viễn mộng

Một thuyền yêu đậu bến hoàn chân

Trang thơ ai dựng lầu kim mã

Từng nét linh hoa có nhập thần

NGÀY TẾT

ở chợ trời biên giới Gò Dầu Hạ

Chợ Trời biên giới Gò dầu hạ (1) nằm cách quốc lộ số 1 và Phân Chi Cảnh sát xã An Thạnh lối non 1000 thước giữa đồng ruộng. Bên ta đi vào chợ ở phía tay phải, thuộc hẳn trên đất Việt, cách lằn ranh lối trăm thước. Đây là vị trí cuối cùng sau khi đã dời nhiều nơi khác không thuận tiện cho đồng bào lui, tới và sự bảo đảm an ninh.

Trong lịch sử chợ trời biên giới, chợ này đáng gọi là bậc đàn anh của 6 ngôi chợ khác, đã khai lộ tiên phong ngay từ khi hai quốc gia Việt Nam — Cao Miên thu hồi nền độc lập vào cuối năm 1954. Đạo ấy, đồng bào tụ họp xung quanh hai trạm Công An ngay bên xe dò tạo thành một thứ chợ chồm hồm. Dần dà số thân chủ đông thêm làm cản trở sự lưu thông, chánh quyền Cao Miên cấm không cho người Việt sang đất họ và người Miên bán món gì cho người Việt. Đồng bào ta vào trong ruộng nhóm ban đêm dưới ánh đèn dầu và ánh đuốc chập chờn. Người ta gọi là CHỢ MA để chỉ một nơi buôn bán kỳ lạ nhất nước ta. Ít lâu sau, chợ được dời xa hơn nữa dưới rặng cây thốt nốt, cách quốc lộ hơn 2 cây số, tuy vẫn còn ở đất Việt nhưng gần

lằn ranh Miên hơn. Chợ mang tên là CHỢ THỐT NỐT, nằm dưới sự kiểm soát của bọn người võ trang ẩn nấp bên Miên. Để bảo vệ tài sản đồng bào, chánh quyền Gò dầu hạ dời chợ về gần đồn bót của ta và duy trì đến ngày nay. Chợ cất bằng tre lá, chia làm 3 dãy dài 200 thước rộng 60 thước không có vách che ngăn từng sạp, từng quán một. Từ quốc lộ vào chợ có 2 ngã, một là ngã chánh cách đồn Nghĩa quân một trăm thước có đường rẽ xuống ruộng, đồng bào theo bờ đê đi vào, hai là ngã của các nhân viên An ninh trong đồn đi thẳng ra. Bờ đê được chừa rộng hơn để nhiều người tránh nhau và xe đạp thì hàng h' a. Bên Miên người buôn bán theo bờ ruộng đi thẳng theo một đường khá rộng dành riêng cho chợ.

Khác hẳn các nơi khác đồng bào muốn vào chợ phải theo lệnh của Tỉnh-đường Tây-ninh ghi trên tấm bảng treo tại đốc cầu Gò-dầu-hạ « Người mang thẻ căn cước ngoài tỉnh Tây ninh không được phép vào vùng biên giới », nghĩa là chợ Trời Gò-dầu-hạ chỉ dành riêng cho bà con ở tỉnh nhà « sinh hoạt » mà thôi. Tuy nhiên

(1) Trích ở quyển « CHỢ TRỜI BIÊN GIỚI VIỆT NAM — CAO MIÊN » Sắp xuất bản

roi dài vẫn không bao giờ đánh tới bụng ngựa, « vấn đề » người ở tỉnh khác có thăm viếng chợ Trời được hay không đều do nhân viên kiểm soát tại dốc cầu và ở trạm cầu đúc ấp An lợi tại ngã ba đi Bến Cầu, Bàu Gò.

Từ chợ Gò-dầu-hạ đến lần ranh 10 cây số theo Quốc lộ số 1 Trên khoảng đường duy nhất ấy có 110 chiếc xe lôi gắn máy và xe lam ba bánh ra, vào từ sáng đến chiều. Đó là xe có « tài », chạy theo thứ tự trước sau không giành giựt, ngoài ra còn vài chục chiếc khác không có tài, chạy tự do. Xe bắt đầu đi hồi 7 giờ sáng khi cây cổng chắn ngang cầu dỡ lên. Ở xã Gò-dầu-thượng cách Gò-dầu-hạ 2 cây số có 50 chiếc xe lam chạy tự do từ 3 giờ sáng !

Chợ họp đến hai ba giờ chiều thì tan. Không ai được ở ban đêm. Hàng hóa phải mang về không thì mất sạch. Người nào lén ở lại có khi bị thương hoặc bỏ mạng vì súng đạn bất ngờ. Ngoài những món xa xỉ phẩm để khuôn vác, có một cửa hàng bán đồ mộc: bàn, tủ, giường, ghế là hiệu buôn duy nhất mà người chủ buộc lòng phải để lại và chịu mất mát thường xuyên. Ai cũng biết rõ kẻ cắp ở đâu đến và đem về đâu nhưng làm sao đi theo được mà đòi lại ? Trong chợ, hàng Cao Miên, Trung Cộng, Pháp tràn ngập một dãy, trên các sạp, các căn vựa. Bên Việt thì hàng nội hóa của ta, hàng Hoa-kỳ, Nhật bôn chiếm cả hai dãy. Chợ này được liệt vào hạng số 1, qui tựu hầu hết hàng hóa xuất cảng của Cao Miên đã nuôi sống 2000 gia đình đồng bào ta và một số đông người Miên và Việt Kiều. Ai muốn tìm món gì không có trên thị trường chánh thức cứ vào chợ Trời Gò-dầu-hạ sẽ mua được từ món vật dụng tầm thường đến món sang trọng nhất.

Giữa thời cực thịnh, ngày Tết ở Chợ Trời Gò-dầu-hạ nhộn nhịp và tưng bừng hơn các chợ địa phương. Số người mua bán ra, vào tấp nập hơn và số đồng bào thăm thân-nhơn ở đất Miên cũng gia tăng gấp bội.

Hàng-hóa riêng biệt cho ngày Tết tấp nập vào đầy nghẹt các sạp, các quán đến nỗi nhiều người phải bày dọc theo bờ ruộng. Rau cải Đalat đứng hàng đầu vì ở Cao-Miên quanh năm chỉ ăn toàn các loại rau do người Hoa-kiều tưới bằng nước phân của Trạng-Quỳnh đã dùng khi còn sanh tiền. Bao nhiêu bán cũng hết, thứ nào bán cũng chạy. Bọn hàng ở Saigon đưa thẳng ra Chợ Trời chứ không buồn ghé bán ở chợ Gò-dầu-hạ. Bà con ở chợ này phải đi xe ra chợ Trời mua đem về ăn Tết !

Thứ đến là bánh, bánh tét, bánh tở, bánh ít, bánh in, thèo lèo, kẹo, cốm, tất cả loại bánh ngọt, mứt, rượu trà dùng ngày Tết. Bao nhiêu cũng hết, hết sạch. Người Miên thích ăn bánh của ta và của Tàu vì họ không biết làm, không đủ phương tiện làm và làm biếng không thèm làm. Đối với Việt kiều thì đây là một dịp duy nhất trong năm để tưởng nhớ quê cha đất tổ, nên người nào, cũng dành tiền mua ít, nhiều, trước cúng ông bà, sau thưởng thức hương vị của các món ăn quốc hồn, quốc túy. Đối với người Miên thì cũng là một dịp tốt để tiêu xài và vui chơi. Họ đã quen ăn Tết chung với ta và Hoa-kiều từ nhiều thế-kỷ trước nên vui vẻ đón chờ những ngày đầu Xuân. Vả lại từ xã Bavet, biên giới của họ muốn đi chợ phải mất 14 cây số đến Chipou quận lỵ, Svay Teap, hoặc 8 cây số đến chợ xã Mèsothngok, nên họ ủa

ra Chợ Trời mua sắm tiện hơn, có nhiều món hàng hơn.

Ngoài hai loại chánh thức kể trên, chợ Trời còn bán rất nhiều món xa xỉ phẩm cho kẻ thừa tiền tiêu pha trong mấy ngày Tết. Hàng Hoa kỳ là thứ được hoan nghinh. Người nào nhẹ túi một chút thì xài hàng Việt Nam.

Giới chạy đồ lậu thừa cơ hội hoạt động hết mình. Xe vô, ra rầm rộ, nhân viên không thể nào kiểm soát kịp và kiểm soát kỹ nên các tay tổ tha hồ ra tay.

Bọn cờ gian bạc lận cũng mở rộng phạm vi, định vét túi mọi người. Bông vụ, bài ba lá, bài xanh, vàng, bầu cua cá nai, ngòi rải rác khắp chợ. Tiếng reo hò, mời chào của đám cờ mời vang lên từng chập.

Xe lam, xe lôi máy được dịp phát tài. Bao nhiêu xe đều làm, những cái thoi chở hành khách và hàng hóa đầy cả trên mui.

Số người đi thăm bà con ở Cao Miên đông đảo hơn ngày thường vì có người chỉ đi được mỗi năm một lần hoặc chỉ hẹn nhau một lần. Ngược lại thời gian trải qua hai thế-kỷ từ thời nhà Nguyễn đến giờ, người Việt lập nghiệp trên đất Miên có hơn 300.000. Việc giao thương giữa hai lãnh thổ dưới thời Pháp thuộc không có gì gay go thái quá, du khách chỉ cần có thẻ căn-cước gọi là Titre Identité mà thôi. Trong lúc Việt Nam kháng Pháp, người Việt sang Nam Vang hay ngược lại phải có chu lưu gọi là Titre de Circulation. Khi thành lập chế Cộng-hòa ở Việt-nam và Cao Miên được Pháp giao trả nền độc lập, người qua lại phải

có thẻ thông hành nhập cảng, gọi là Passeport, đúng theo công-pháp quốc-tế. Chánh phủ Việt-nam Cộng-hòa có đặt Tòa Đại-diện ở Nam-Vang từ năm 1956 lo lắng cho Việt-Kiều về mọi mặt nên vấn đề xê dịch vẫn không có gì khó khăn. Đến khi mỗi bang giao tạm gián đoạn thì sự việc trở nên vô cùng rắc rối.

Bên Việt, phái nam trong tuổi quân dịch không được xuất ngoại, nhất là sang Cao Miên, một quốc gia tự xưng là Trung-lập mà ngã theo khối Cộng sản. Ngay cả những người lớn tuổi cũng không được cấp giấy dễ dàng. Phái nữ được phép với điều kiện phải có người ở Saigon bảo đảm và thân hơn ở Cao-Miên nhìn nhận.

Bên Miên về thẻ thức hành chánh cũng giống như bên Việt, nhưng sự điều hành có vẻ rộng rãi hơn, nhất là đối với những người "biết điều" với quý quan. Người nào không biết hoặc giả bộ không biết thì rần mà chờ, mà chầu chực từ ngày này qua ngày khác, có khi hàng 10 ngày nửa tháng chưa xong. Bởi vậy, Việt kiều muốn về quê thăm nhà phải tính trước số tiền phí tồn khá to ấy. Và cũng vì thế người ta mới nghĩ đến vai trò của chợ Trời Gò-dầu-hạ.

Trong số 300.000 kiều bào có nhiều người có gia-tài lớn, sự nghiệp to, công việc làm ăn trôi chảy trên đất bạn, hoặc có người vì tình thế bắt buộc, vì muốn hưởng nhiều quyền-lợi đã gia nhập quốc-tịch Miên nên không thể trở về Việt-Nam dễ dàng, còn một số đông phải rời xứ chùa tháp vì nhiên lý do: người thì vì hoạt động chánh trị không thể sống dưới

bầu không khí rục rầu màu đỏ, người thì hưởng ứng lời kêu gọi của chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa về sống trong những khu dinh điền, người thì bị chánh phủ Cao-Miên trục xuất với những bằng có xác thực hay không có bằng có gì cả, người thì bị bắt buộc phải ra đi vì lệnh cấm ngoại kiều làm 18 nghề, người thì chán cảnh qua lại khó khăn nên về quê ở luôn, người thì bị nhân viên công quyền làm tiền liên tục phải nặng bổng, nhẹ tếch. Do đấy, hàng chục năm rồi một số Việt-kiều còn ở Cao-Miên khó thể về Việt-Nam viếng thăm thân nhơn, cũng như một số kiều bào khi hồi hương không thể trở lại Nam-Vang. Nhưng óc thông minh của người Việt không bao giờ chịu lùi bước trước một trở lực nào. Người ta nghĩ đến chợ trời Gò-dầu-hạ và nhờ vùng đất quốc-tể này làm nơi hò hẹn để trút bao nỗi nhớ, niềm thương.

Không phải ai cũng dám gửi thơ theo nhà bưu điện hoặc đánh điện tín công khai gọi thân nhơn đến chợ Trời vào ngày nào, giờ nào. Nhân viên công an Miên thấy tin này thì bắt ngày đương sự buộc tội thông đồng liên lạc với người miền Nam để mà làm tiền ! Không phải ai cũng dám gửi thơ tay cho bạn hàng chợ trời đem qua đất Miên vì không một Việt kiều nào dám nhận một mảnh giấy có viết chữ Việt, mặc dầu chỉ là lời thăm hỏi, hẹn ngày gặp mặt ở chợ trời. Các quan Cao-Miên bắt gặp sẽ cho đó là tài liệu gián điệp, là chữ bí mật, là chỉ thị của một cơ quan tình báo quân sự, rồi bắt ngay người mang cho vào tù, đánh cho kỳ đến khi nào nạn nhơn lời một số tiền chuộc mạng mới thôi.

Thế nên, đồng bào ta chỉ có thể nhắn miệng với bà con hàng mấy tháng trước Tết, nhắn ngày thôi, ví dụ 22, 24, 28 tháng chạp, mồng 2 hoặc 4 Tết. Không có lời nào thêm nữa ! Người chuyen lời cũng nhận bấy nhiêu thôi, không dám « nhớ » thêm nhiều !

Số Hoa-kiều đi thăm nhau đông không kém người Việt, vì ở Cao-Miên Hoa-kiều không được phép đi Saigon ; chánh phủ ta cũng không chấp nhận cho họ nhập-cảnh. Ở Việt-Nam, người Việt gốc Hoa không được đi Nam-Vang vì tòa Đại sứ Trung-Cộng sờ sờ ở đó và hầu hết Hoa-kiều đều đều ngả theo họ Mao. Do đấy, họ chỉ có cách gặp nhau ở chợ trời mỗi năm vào ngày Tết mà thôi.

Nắm được chỗ yếu này, các quan kiểm soát Cao-Miên mở túi nhét tiền mãi lộ vào không kịp. Việt kiều và Hoa kiều ở các xã, quận và tỉnh lỵ Svay Riêng đến trạm biên giới không bị cản trở, đòi hỏi gì cả, chỉ có từ quốc lộ số 1 vào chợ trời, trên khoảng đường ruộng mà ngày thường không có quan nào siêng năng ra đứng phời năng, bây giờ thì có 4 chặng, 4 tốp quan chặn xét giấy tờ ! Người muốn vào chợ gặp bà con ở Việt-Nam trước hết phải đóng tiền hối lộ tại trạm kiểm-soát gọi là xin phép quan lớn. Mỗi người nộp 100 ria (1) năm 1960. Lần lần đến 1000 ria năm 1968 ! Rồi khi qua chặng thứ nhứt, quan nhỏ xin coi thẻ cư-trú, hỏi đi đâu, làm gì, đoạn lễ phép mời trở lại vì có lệnh

(1) Ria : tiền Miên, một ria đời 2đ70, giá chánh thức 1đ !

cấm không cho vào chợ Trời? Lý do, vào đó rồi đi luôn về Việt-Nam hay sao? Đương sự phải thuộc sách vở của quốc-gia Miên, chừa ra 100 rìa thì quan cho đi! Đến chặng thứ nhì cũng vậy, 100 rìa, chặng thứ ba, thứ bốn cũng 100 rìa mỗi quan. Vị chi tốn 1400 rìa mới vào lọt trong chợ. Đó là số bạc Việt-kiều phải tốn bấy nhiêu còn Hoa kiều thì gấp ba, gấp bốn. Quan lớn xoi 3000 rìa, quan nhỏ mỗi chặng từ 300 đến 500 rìa! Không chịu thì đứng đó nhìn vào chợ Trời rồi trở về nhà.

Bên Việt-Nam các nhân viên cũng hóm hình không kém. Ngày thường thì bà con vào, ra một vài người không sao, các ông cho đi thông thả, bây giờ thì dịp may mỗi năm có một lần, đại gì bỏ qua, Trạm thứ nhất ở dốc cầu Gò-dầu-hạ, trạm thứ nhì ở Cầu đúc đều có luật lệ giá cả cho từng nhân vật ở ngoài tỉnh Tây-ninh. Đồng bào ta rẻ hơn, Hoa-kiều mắc hơn. Nhất định phải có cái món ấy tùy theo sự điều đình. Vấn đề « thông cảm » « thông qua » không có trong mấy ngày nay. Nhiều người đi chung một xe du-lich cũng có thể « ngoại giao » xin đi luôn ra biên giới với cách tính từng đầu người. Tuy nhiên ai cũng vui vẻ móc túi vì ba ngày đầu năm gặp bà con, hà tiện làm chi. Các sến sáng còn rộng rãi hơn nữa. Có ông lấy bao giấy đỏ làm ra món lì xì cho có vẻ Tết, xem qua đẹp mắt vô cùng.

Thẻ thức làm xong hai đoàn người tiến vào chợ Trời. Có khi bên kia hay bên này đến sớm hơn thì dạo chơi một vài vòng, hoặc ngồi chờ ở quán rượu. khi gặp nhau thì mừng mừng, tủi tủi như cách xa nhau hàng mấy mươi năm

hoặc bị ngăn cách bởi một bức tường. Thôi thì mạnh ai nấy nói, kể lể chuyện đã xảy ra trong khoảng thời gian xa vắng. Người ngồi im, lắng tai như « uống » từng lời nói chờ đến phiên mình!

Chợ Trời ngày Tết đông hơn ngày thường lại được tô điểm bằng hai nhóm người riu rít trò chuyện tạo thành một cảnh tượng bưng không thể tả. Nhiều tiếng nói cười vui vẻ vang lên hòa với những tiếng khóc tức tưởi của kẻ có tâm sự náo lòng. Từng khóm, từng khóm, những kẻ gặp nhau quây quần bên bàn rượu, mâm cơm cố hưởng hết sự sung sướng trong mấy giờ ngắn ngủi. Họ coi đồng hồ từng chập hoặc lo lắng nhìn người buôn bán lần lượt ra về. Làm sao họ được tự do thò lộ tâm tình với nhau nếu không có ngôi Chợ Trời! Nếu họ gặp nhau một cách chính thức như người đi qua ranh giới có giấy tờ đầy đủ thì trước mặt nhân viên chánh quyền hai quốc-gia tại cổng chắn ngang quốc-lộ, họ không được nói với nhau một tiếng nào cả. Luật-lệ quốc-tế được thi-hành một cách cứng rắn. Trường hợp này thường xảy ra ở biên-giới Gò-dầu-hạ sau ngày tạm gián đoạn ngoại-giao giữa Việt và Miên. Trước kia, xe đồ được phép đưa hành khách tới Nam-Vang và trở về Saigon, nhưng sau đó thì bị cấm tuyệt. Du khách đi đường xe phải đến trạm biên giới trình thẻ thông hành rồi đi bộ qua trạm bên kia ngồi xe khác tiếp tục. Thân nhưn được thông báo trước đến trước cổng chờ. Hai bên gặp nhau chỉ lấy mắt nhìn chớ không thể mở miệng nói lời nào. Ở Chợ Trời thì tha hồ.

Đau đón nhất là những người đã

bị chánh phủ Cao Miên trục xuất mà thân nhơn, sự nghiệp còn trên ấy, rất cần phải điều khiển việc gia đình. Họ không thể viết thư vì thể thức khám xét thư từ rất khắc nghiệt, họ sợ làm liên lụy đến những người thân. Giờ phút gặp gỡ ở chợ Trời đối với họ quý hơn vàng ngọc. Họ nghe báo cáo những việc xảy ra ở nhà trong khi họ vắng mặt và giải quyết, căn dặn những việc cần làm. Họ muốn một giờ ở chợ Trời dài bằng một ngày.

Nhưng bóng chiều sắp ngã, người buôn bán bắt đầu dẹp hàng, họ cũng sửa soạn chia tay. Bảy giờ không còn tiếng cười nữa mà chỉ có những giọng nói nghẹn ngào hoặc tiếng khóc thút thít. Không ai nở rời tay nhau để theo con đường của mình, mãi đến phút chót không thể kéo dài thêm mới đành chịu. Những gói quà được trao đổi lẫn nhau. Việt Kiều tặng bà con ở Sài Gòn các thức ăn đất Miên đồng bào ta tặng thực phẩm đất Việt. Gói nào cũng toàn bằng giấy bao xi-măng hoặc giấy

không có chữ đề đề phòng mang qua mắt các quan Miên sẽ bị bắt vào tù ! Khi chia tay nhau Việt kiều ôm đồ và bị các quan xét rất kỹ ! Quan muốn lấy món gì ăn thử như kẹo, bánh, mứt, rau cải, rượu trà cũng không ai dám nói. Quan lấy hết cũng phải chịu. Có khi quan cao hứng bắt tội khổ chủ vì sao dám lên ra chợ Trời liên lạc với người Việt ở miền Nam quan phải giữ lại để « điều cha » kỹ lưỡng cho ra manh mối. Khổ chủ lại phải thuộc sách vở một lần nữa, nộp mãi lộ vài trăm ría mới được về nhà ăn Tết. Bên ta, lướt về, không có cái nạn ấy, cũng đỡ cho đồng bào !

Hai đoàn người đi về hai ngã, vừa nhìn lại, vừa vẫy tay. Có kẻ quên việc gì cố nói to cho người bên kia nghe, có kẻ vừa chậm nước mắt vừa cố gắng nở nụ cười như mếu. Giữa cánh đồng rộng nhìn ngói chợ Trời nằm dài theo lằn ranh giới chắn ngang hai nhóm người thân thích đang bị bắt buộc phải xa nhau, ta có cảm tưởng như chợ ấy là con sông Tương của Ngưu Lang, Chức Nữ vừa được bày ô thước bắt cầu.

LÊ - HƯƠNG

Đón đọc.

TUYỂN TẬP THƠ VĂN MÙA XUÂN SÁU CHÍN

Do Tuần Báo Văn Nghệ Truyền Thanh và Đài Phát Thanh Kiến-Hòa bảo trợ và ấn hành.

Với sự cộng tác của :

CUNG TÍCH BIÊN, NGUYỄN PHAN THỊNH, HỒ MINH DŨNG, Y UYÊN, CHU TRẦM NGUYỄN MINH, TÔ ĐÌNH SỰ, TẦN VY LA NHIÊN, NGUYỄN LỆ UYÊN, CỎ MAY, HẠC THÀNH HOA, HOÀI TUYẾT TRANG, TRẦN DZA LŨ, HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN

Thư từ bài vở xin đề Nguyễn Lệ Uyên. Bưu phiếu bảo đảm Lê-Thị Cẩm-Hoa Số 2 Phan Thanh Giản Cần Thơ

Cát vàng

đoàn văn của LỮ - QUỲNH

Tôi giữ nguyên thế nằm từ lúc vừa thức giấc. Gió làm lay động những lá cỏ ngoài lỗ châu mai. Tôi ngửi thấy mùi đất ẩm, và liên tưởng tới những nắm mồ hoang, những bộ xương trắng phếu trong hang sâu mà ngày còn nhỏ tôi đọc trong các truyện đường rừng. Bây giờ tôi nằm đây. Tôi đang nằm dưới một pháo đài chìm, có khác gì nắm mồ hoang trong trí tưởng? Tôi nằm im. Tôi muốn tôi tan ra trong sự im lặng của đêm. Trí óc tôi có thể tự do ngắm nhìn thân xác. Tôi nhìn nó — cái thân thể có ở tôi suốt một phần tư thế kỷ này vẫn có thể làm tôi cảm thấy lạ hoặc? Tôi thấy lòng hoang vu khi nhìn xuống mỗi vuông da thịt. Sao nó xa lạ đến thế? Tôi không còn nghĩ ngợi gì nữa. Như Chiến thể đó, như những đám mây trắng lơ đãng trong vòm trời, như sự ngu si của ký ức. Tôi chợt buồn đến ứa nước mắt, như mọi lần, mỗi khi nhớ tới chiến. Tôi cứ tưởng rằng mình sẽ khóc thật dễ dàng khi đứng trước nắm cát vàng của Chiến; nhưng không, trong tôi sợi thần kinh tuyến lệ hình như đã tê liệt hẳn rồi. Bây giờ người ta không còn khóc được nữa. Tâm hồn là đá, mà nỗi buồn cũng thành đá. Chiến đã nằm xuống và không một ai có thể thay hẳn, sống phần đời còn lại. Những kẻ còn sống còn bồi đắp tương lai mình, hướng gì nghĩ tới việc sống thay đời kẻ khác.

Ánh sáng mờ nhạt bắt đầu hiện rõ dần ở lỗ châu mai. Một hình chữ nhật màu sữa. Tôi lắng nghe bước chân của người lính đi tuần phía ngoài. Tiếng động đều, rã rời, âm thầm không dứt — nó lê thê như nỗi chán chường và cô đơn hơn sức chịu đựng. Tại sao tôi không chết lúc này. Cái chết của tôi thật hợp lý, vì tôi là lính. Tôi đã chờ đợi và chấp nhận. Còn Chiến thì không thể được. Chiến như một cây xanh. Đôi mắt hần tròn xoe, đã nhìn qua chiến tranh, và chắc chắn phải vượt qua sự chết. Những lời thì thầm của Chiến còn đó, hoài bão của Chiến còn đó, hành lang trường văn-khoa một buổi sáng còn đó. Nhưng bây giờ thì tôi phải thăm Chiến bên một nắm cát vàng, phải nghe gió thì thầm và hơi nóng mùa hạ hắt lên từ đất.

Con đường cát mịn giữa hai hàng liễu xanh của chiều thu ngày nào. Những dấu chân tôi bơ vơ đến tội nghiệp trên cát. Ngày đó chưa mặc áo rừng, cổ chân chưa có những vết chai cứng vì giày

lính — cái thời mà quê hương còn tiếng chó sủa, đêm trăng còn nhìn lá dừa lấp lánh sương khuya. Con đường đó thật thơ-mộng, đẹp dịu dàng như tuổi thơ, đã chôn vùi bao nhiêu vết chân của Chiến. Quê hương những hoàng hôn chúng tôi nằm dài trên cát chờ sao mọc. Giọng chiến còn đó, bao giờ cũng ngập ngừng. Tôi hiểu anh, chúng mình phải phấn đấu. Quá khứ bi thảm cũng là hơi men váng vất trong hơi thở đủ tay say...

Tôi mỉm cười. Tôi đã say. Quá khứ cùng một dáng dấp. Tôi đã cúi đầu đi, quên cả đôi chân đang bỏng rát vì cát nóng mùa hạ. Quá khứ thảm thương của một thế hệ. Bảy giờ thì tôi chưa nghĩ thế, nhưng từ khi Chiến chết, tôi đã nghĩ thêm được nhiều điều. Tôi cảm thấy thêm sự ngọt ngào của những củ khoai bột vàng, những chén cơm gạo đỏ trộn lẫn sắn khô, những đêm trăng bà mẹ của Chiến bắc thang hái trà, và chúng tôi nằm bên nhau thao thức. Chiến đã sống bên tôi, nhưng Chiến chưa nói hết. Có những điều hẳn không muốn nói ra, nhưng tôi hiểu. Tôi còn nhớ rõ ràng khuôn mặt già nua đầy âu lo của người mẹ, khi ngồi xếp từng lá trà hoặc những cuốn lá chuối khô để mang ra chợ bán. Chiến đã lớn lên bằng những đồng tiền kiếm được từ mỗi ngọn trà, mỗi lá chuối qua bàn tay khô đét của người mẹ. Tôi biết Chiến đã nghĩ gì, khi ánh mắt đắm chiêu nhìn những đứa bé hàng xóm trần-trường ngồi chơi với cái bụng căng tròn như chiếc trống. Màu vàng trên da lũ trẻ còn thê thảm hơn thân phận của màu da quê-hương. Tôi biết hẳn đang ao ước điều gì. Không thể ngồi mơ có chiếc đĩa thần để lần lượt gõ lên khắp bụng đám trẻ. Tôi nghĩ tới tương lai, không một sự rào đón, không một chút đề phòng. Quê hương tôi đói khổ. Lũ trẻ con cần được hướng dẫn. Những người mẹ của chúng không thể suốt đời đi chợ mỗi ngày bằng năm đồng bạc. Năm đồng bạc đủ mua mấy con cá vụn nấu với một trạch bóng nước cho cả gia đình cùng húp. Chúng ta phải phấn đấu, dù có chết đi cũng sung sướng, vì được chết. Trong ước mơ làm nhỏ lại những cái bụng màu nghệ căng tròn ; làm cho mỗi ngọn trà, mỗi chiếc lá chuối khô có thể đổi được nhiều hơn những con cá vụn với năm đồng bạc chợ mỗi ngày. Tôi hiểu Chiến. Tôi chờ đợi, và không nghĩ tới một sự trắc trở, vì Chiến còn đi học, Chiến mới 20 tuổi.

Tôi nhớ thật rõ nét mặt của bà mẹ Chiến hôm tôi về thăm. Da mặt xạm đen, và hai gò má nhô hẳn ra. Bà nói với tôi, giọng bùi ngùi : Ngày Tết mà thằng Chiến không về được !

Tôi thần nhiên, vì tôi biết hẳn đang ngồi trong tù. Ở tù hẳn sẽ có dịp để suy nghĩ nhiều hơn. Cơm tù chắc chắn cũng không khổ hơn những bữa cơm nhà với mỗi ngày năm đồng tiền chợ. Quả thật tôi yên tâm. Tôi càng yên tâm hơn khi biết chắc chắn Chiến ở tù không vì lý do nào cả. Một buổi trưa từ trường về, bị người ta chặn ở đầu cầu rồi dẫn đi. Cảnh Chiến ngồi tù không làm tôi cảm thấy buồn. Ở đời vẫn có vô số kẻ chỉ sợ có mỗi sự âm thầm, nhất là sự âm thầm ở Chiến. Sự âm thầm làm kẻ khác nhìn vào tối

mắt. Tôi lấy giọng ngọt ngào để trả lời mẹ Chiến: Chiến không có tội gì, thế nào người ta cũng thả anh về, bác nên yên lòng!

Người đàn bà rướm nước mắt: người ta cũng bảo thế. Nó còn dại đã biết gì mà người ta đòi làm tù làm tội...

Tôi tưởng tượng khuôn mặt Chiến sau những chấn song tù ngục, mà mỉm cười chua xót. Dù là mẹ, những người đàn bà làm sao hiểu được những mơ ước trong lòng con. Mẹ thương con bằng những củ khoai bột vàng buổi sáng, những bữa ăn đảm thắm buổi trưa, những đêm thức dậy nhìn con ngủ đắp lại chiếc chăn sửa lại chân mùng. Mẹ thương con bằng ấy thứ, nhưng mẹ làm sao hiểu được những tiếng thở dài vu vơ, những giấc ngủ chập chờn mộng mị nước mắt... Chiến ở tù thật yên ấm. Ngục thất nhiều lúc trở thành lâu son trong trí tôi.

Thế là đêm giao thừa thiếu Chiến để đốt nến. Thiếu Chiến để nhìn bàn tay run cầm cây hương thắp vào chuỗi pháo. Tôi biết thiếu Chiến — và tôi cảm thấy Tết này không đầy đủ thật sự.

Tiếng pháo nổ dồn hơn mọi năm. Niềm vui cũng bừng sáng trong lòng mọi người. Tiếng pháo nổ dồn quá, làm người ta nghĩ tới sự tốt đẹp, thanh bình phải đến trong năm mới. Nhưng pháo đã không nổ dồn như họ tưởng. Sự bình yên vốn có ở thành thị làm người ta không thể phân biệt được tiếng súng mấy giờ. Pháo nổ tràn ngập và súng nổ tràn ngập. Cho đến khi nhận ra sự bất an, thì đã quá muộn. Thành phố thành chiến trường. Biết làm thế nào khi bên kia vành môi là họng súng, trong lời ru hớt hởi của người của người mẹ là tiếng l-ầm của đại bác. Tôi không thể tưởng tượng được trong phút giây đó Chiến đã nghĩ gì? Lần đầu tiên trong đời được đối diện chiến tranh, và cũng là lần mang theo cái vĩnh viễn vốn liếng xác xơ của quê hương nghèo khổ. Khi cánh cửa ngục được súng đạn và sự hỗn loạn mở tung, những người tù trở nên tự do. Họ quên nghĩ rằng họ đã vượt ngục. Họ đang sợ hãi sự chết, đang cố gắng vượt qua sự chết, vì đạn bom phút đó đang trút xuống quanh họ, trong khắp các đường phố. Đạn bay ra từ mọi cánh cửa sổ. Bom dội xuống từ tiếng thét rợn rùng của máy bay. Những người tù cầm đầu chạy không định hướng, chạy theo đồng bào, theo tiếng khóc hãi hùng của trẻ thơ. Trong sự hãi-hùng bi thảm nhất, tôi biết chắc một điều là Chiến đã chạy về phía tôi, về căn nhà mà mỗi buổi sáng, buổi chiều, tôi đã nhắc tới Kim với Chiến. Những buổi trời sáng trong và chúng tôi cùng nhận ra khuôn mặt rạng rỡ của mình. Bước chân của Chiến thế nào mà chẳng run lên lo lắng và mừng rỡ. Bằng bước chân trần trên ngói gạch vụn, Chiến đã chạy như con nai giữa phố phường. Buổi sáng trời thật xanh, nhưng không một người chú ý. Tiếng úng làm căng thẳng trí não họ. Họ dành hết thì giờ để nhìn thật kỹ khuôn mặt vợ con, nhìn mà cứ ngỡ nhìn lần cuối cùng. Không một ai nghĩ rằng bầu trời bấy giờ thật xanh, và giòng sông thì thật buồn đang âm thầm chảy. Chiến

vẫn như một con nai không bao giờ nghĩ tới họng súng sẵn đang di chuyển theo mình. Tâm hồn Chiến trong sáng quá. Tâm hồn đó đầy ắp yêu thương, không biết tới tầm đạn đi, cũng không nghĩ rằng mình có thể chết.

Tôi nghe kể lại, Chiến đã nằm chết thật thản nhiên trước mặt một trường tiểu học, phía sau sân vận-động. Thành phố bấy giờ nhiều xác người quá, nên thân thể Chiến chẳng gây thêm sự tò mò nào cho kẻ còn sống. Chiến bị ngã giữa lúc muốn vượt qua con đường, con đường dẫn tới căn nhà quen thuộc, mà ở đó mỗi sáng mỗi chiều tôi đã kể về Kim với hẳn. Nhớ lại buổi sáng cuối cùng được nhìn nụ cười, ánh mắt của Chiến cùng câu chuyện vu vơ về một đám cưới. Chiến muốn ngày cưới Kim tôi phải mặc áo rộng xanh, và Kim chít khăn vành thật rộng. Chiến muốn thấy những đứa trẻ xách lồng đèn, những người đàn ông mặc áo dẫu, đội nón quai găng.

Cái gì Chiến ước mơ cũng tầm thường như thế cả. Hình-ảnh một đám cưới ngày xưa, cũng như những đứa trẻ với chiếc bụng căng tròn vàng óng nước, những lá trà, những ngọn chuối, những đồng bạc bé nhỏ trên tay mẹ già. Quả thật những ước mơ của Chiến quá nhỏ — quá nhỏ, nhưng đến lúc buông xuôi hai tay, lòng chưa tại nguyện.

Tôi cảm thấy mắt mình cay rát, lạnh hai bên khóe. [Bây giờ thì tôi không cảm thấy gì hết. Suốt ngày, tầm mắt với màu đỏ núi đồi. Tôi thật thản nhiên khi nhớ tới quá khứ, khi nghĩ về tương lai. Và đêm xuống, dưới chiếc pháo đài chật hẹp này, tôi cũng bình thản ngắm nhìn thân xác mình. Tôi nghĩ tới cát bụi, nghĩ tới hư vô. Và tâm hồn bỗng chao đi, chơi với, như cảm giác đêm nào say rượu ở thành phố, nhìn thẳng bạn vừa đàn vừa khóc tức tưởi. Tôi đã ôm hẳn, kéo đầu hẳn vào lòng mà thầm dỗ : nín đi con. Nín đi con. Còn khóc cha đánh chết con bây giờ !

Tôi đã buồn thật nhiều. Tôi nhớ Chiến se sắt. Tôi muốn khóc cho Chiến nhưng không thể nào khóc được. Trong ánh sáng đầu tiên của ngày, tôi nghĩ đó cũng là điều bất hạnh.

bagi tháng 10-1968

LỮ-QUỲNH

CÁO LỖI

Vì bạn Ngê - Bá - Lí bất thường mắc bệnh, nên không viết tiếp được loạt bài « TÌNH HÌNH XUẤT BẢN SÁCH... » do đó bài này phải dành cho những số kế tiếp. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Tòa soạn BÁCH - KHOA T. Đ.

Một chỗ thật tịch mịch

● V O - P H I Ế N

Chàng vẫn tin rằng cứ đến giữa khung cảnh ấy mà an tọa, một mình, rồi lặng lẽ suy tưởng, thì chẳng mấy chốc sẽ có chim chóc đến làm tổ trên đầu. Một chiếc tổ chim thật rối trên đỉnh đầu, một vòng hoa tư tưởng đáng ước ao như thế có lúc chàng đã dám nghĩ là không khó. Chỉ cần đến đó, một mình. Chỉ cần có thể, nhưng ấy là điều chàng chưa bao giờ làm. Đâu khó gì? Chỉ vì chàng chưa bao giờ có cái duyên đối với hành vi như thế.

Khung cảnh nọ cách xóm làng không xa. Nằm trên vùng đồi hơi cao. Xế trưa, thơ thẩn trên đồi, chàng trông xuống thấy dừa với tre trong xóm xanh um, nổi bông lên cuộn cuộn như từng đám rong lớn trong hồ nước. Xóm làng coi xinh xắn, nhỏ hẳn đi. Nhà cửa thì thưa thớt, nằm khuất trong đám cây xanh. Và sự sinh hoạt của dân làng thì càng khuất xa hơn nữa.

Tha hồ nhìn ngắm, vẫn không thấy động tĩnh gì. Lặng tai hàng giờ, không bắt được tiếng hát tiếng la nào. Họa hoằn, như có tiếng ai kêu ơi ới, nhưng tiếng vắng vắng rồi tắt ngay, mơ hồ, không rõ rệt.

Một đôi khi, mắt chàng bắt gặp một bóng người ngoài đồng, trên một con đường bờ ruộng ngoằn ngoèo nhỏ xiu. Một dáng người tí teo ngộ nguậy trong nắng xé bao la. Một chiếc nón trắng lấp lánh giữa đồng trống, tận xa tít... Chiếc nón lấp lánh, di động chậm chạp, trong lúc con ó rần giăng đôi cánh xác xơ giữa nền trời, trong lúc con cuốc phát tiếng kêu đều đều trong nắng rưng rưng... Chàng càng có cảm tưởng xa cách cuộc sống khiếm tốn của xóm làng hơn bao giờ hết.

Chỉ cần dừng lại, an tọa, chẳng mấy chốc...

oOo

Nhưng chàng không đến đó để an tọa.

Và càng tiến xa cảnh càng vắng hơn. Có một vùng đồi chia làm nhiều khoảnh lớn, như những khoảnh vườn rộng có hàng cây bao bọc bốn bề. Trong số ấy có khoảnh vốn là vườn thật, nhưng vườn cũ, vườn hoang. Bởi vì xưa kia trên đồi có một số gia đình sinh sống,

về sau bỏ đồi xuống xóm. Trong những khu vườn hoang ấy còn lại hoặc một cây mít, hoặc năm ba cây dừa, có cây cụt ngọn chết khô từ lâu.

Những khoảnh khác là đất trống, bỏ hoang cho cỏ mọc quanh năm. Cho bò, cho dê ăn. Từ đám đất này qua đám khác chỉ có một lối thông rất hẹp, phải vạch cây vạch lá, lách mình lên

lỏi. Len qua xong, lọt vào khoảng đất mới, nhìn quanh quất lại bốn bề có cây vây kín, một ngọn gió không vào nổi. Lại càng vắng vẻ thêm lên một bậc. Vài con chim giạt mình quay đầu nhìn khách lạ. Có con nhấp nhòm mãi, không yên tâm. Có con dứt khoát bay vụt đi, làm rung rinh một chùm quả dái ngựa. Bỏ khách lại với cái bóng mình, in dài trên nền cỏ.

Thử vạch lá, lách mình len qua một khu đất nữa. Lại càng xa nhân gian thêm lên một bậc. Một con cút cụt đuôi cắm đầu lúi trồn vào bụi rậm. Một con gà rừng chậm hiểu, ngàng nhìn giầy lát trước khi hoảng hốt vỗ cánh một cách nặng nề. Gió không len vào nổi; nắng xé càng nồng.

Cứ thế từ đám này qua đám đất khác. Chàng không gặp gì khác hơn là những cây dái ngựa, cây bông trang, là lá giang, lá vắn, là thỉnh thoảng một con bò, mấy con dê. Và thường xuyên là cái bóng chàng, in dài trên nền cỏ. Tuy vậy, mỗi lần lách mình qua một khu đất mới, thoát tiên chàng đều có một ngạc nhiên mới, trước một khung cảnh vắng vẻ mới.

Cái vắng vẻ chùng chất lên nhiều tầng. Sau cùng đến một bãi rộng mênh mông. Cuối bãi cỏ là khu rừng nhỏ, cây cao bóng cả. Mé rừng là một ngôi miếu.

Hẳn nhiên đây là nơi xưa kia con chằng tinh từng mài răng chờ xé thịt Thạch-Sanh. Một ngôi miếu cỏ, khuất nẻo như thế, hẳn nhiên...

oOo

Nhưng một ngôi miếu cỏ, khuất nẻo như thế, cũng là nơi mà một thiếu phụ trong truyện của Pearl Buck từng

ném chiếc áo vừa cởi ra, trùm lên đầu các tượng thần để che mấy cặp mắt lom lom.

Chi không thích những cặp mắt lom lom. Khi chàng lần đầu trông thấy Chi, chàng bị thu hút ngay. Chàng nhìn không chớp chiếc cổ trắng muốt tuyệt diệu, nhìn mấy sợi tóc xòa xuống má, cặp mắt sâu, đen nhánh, mở to, trông thông minh và nồng nàn lạ lùng. Chi ngồi giữa bạn bè. Chàng không hề biết người con gái ấy tên là gì, từ đâu tới. Mới trông thấy lần đầu, chàng mê mẩn ngay. Chàng chăm chú nhìn: chàng mê cặp chân mày đen đậm, mê đôi mắt sâu, mê những sợi tóc sau gáy và những sợi tóc hai bên má v.v...

Chàng chăm chú, lom lom. Suýt thành lỗ bịch. Có lẽ chàng đã có vẻ lỗ bịch cũng nên. Trong phòng, ai nấy có lẽ đã để ý đến chàng. Còn chàng thì khốn khổ, vẫn chưa tìm ra cái gì để mở miệng, chưa biết nói câu gì.

Di nhiên Chi không hề trông thấy chàng, không hề ngó qua một tí nào về phía chàng, Thỉnh thoảng Chi ngàng phất đầu lên, nhìn thẳng vào mắt chàng, cười xoà kêu: « Nóng quá », rồi hai tay nắm hai chéo áo dài, ngửa cổ ra, quạt mấy cái.

Chết một nỗi là sau đó chàng càng bối rối, vẫn không tìm được câu nào để nói. Và chàng hóa ra lỗ bịch hẳn. Chàng loay hoay, khốn đốn. Tuy vậy đồng thời chàng đã biết chắc hẳn mình có hy vọng. Bắt đầu có hy vọng ngay từ lúc ấy.

Như vậy không đáng lo lắng sao? Nếu chỉ cần nói « Nóng quá » để tỏ tình thì có thể Chi đã nói câu ấy biết bao nhiêu lần, với biết bao nhiêu người? Thế

nhưng chàng nghĩ lui nghĩ tới, nhớ tới con mắt Chi nhìn chàng lúc ấy, miệng nàng cười lúc ấy, giọng nàng nói lúc ấy và chàng quả quyết : không làm được.

Quả nhiên, dần dần, hai người quên nhau. Rốt cuộc Chi đến với chàng nơi ngôi miếu cổ.

oOo

Hai người tìm đến để nói với nhau những câu chuyện tuyệt vời.

— À này anh...

— Gì ?

— Anh biết không...

— Không. Anh chưa biết. Gì thế Chi ?

— Bà ngoại đóng đinh bị búa đập trúng ngón tay cái...

— Thật hả ? Trời ơi, bao giờ ?

— Mới hôm qua. Khiếp, ngón tay bầm tím.

— Tội nghiệp chưa... Nhưng em may áo mới lúc nào thế ?

— Dốt ! Áo thế này mà mới !

— Anh có trông thấy em có áo màu tím này bao giờ đâu.

— Đố anh biết ở đâu ra ?

— Anh thua.

— Nhuộm đấy.

— Em nhuộm lấy ?

— Anh coi được không ?

— Được quá chứ lại. Em khéo thật.

— Thôi ông. Muốn nịnh cũng phải am hiểu mới nịnh được, chứ dốt như anh... Mua được thuốc tốt, nhuộm đâu khó gì.

— Em đem cái này cho anh, phải không ?

— Cây đi trước rào đấy... Có quả to

nhất để dành cho anh, dơi nó vừa khoét đêm qua.

— Em tránh qua phía này đi. Có kiến...

— Đề yên em coi. Mình không cử động nó không cắn. Anh thấy không, con này bò mãi trên chân em mà không cắn.

— Dại gì. Nó còn muốn bò lên cao..

— Thôi ông. Lại bắt đầu nói bậy !

Trên trời cao, nắng gắt, mây trắng sáng lòa. Nhưng xung quanh ngôi miếu cây cao mịt mù. Bóng cây mát lạnh. Màu của cây xanh lá xanh ánh lên quần áo, thấm mát vào da thịt.

U cảnh mỗi bạch nhật

Thanh huy chiếu y thường.

oOo

Gần như mỗi nhật, thanh huy đều có chiếu y thường một lần. Hai người thủ thị, trong lúc con sóc trèo ngược trèo xuôi một nhánh cây thị, trong lúc đàn két hái rớt lộp độp trái cây đậu đó phía sau miếu, trong lúc con ó rần giăng cánh xác xơ trên trời xanh...

Và đến khi chàng ra về thì trên cỏ bóng chàng đã ngã quá dài. Trong mỗi khoảng đất hoang, bờ cây bao bọc ngã bóng quá dài. Và những quả dái ngựa, thì chúng in một cái bóng cũng dài quá cỡ, thành ra kỳ hình dị tướng. Một quả dái ngựa hơn sải tay ! ôi chao, trên đường về đôi khi chàng tưởng thấy bị giễu cợt.

Tuy nhiên không có một cơn gió lay động, không có một tiếng huyên náo. Cảnh vật nghiêm trọng, thâm trầm. Chàng tha hồ sống với cảm xúc của riêng mình, tha hồ gìn giữ cần trọng nguyên vẹn cảm xúc riêng.

Chàng giữ gìn cho đến lúc đêm về.

Nằm trên chiếc chõng tre đặt ngoài vườn, chàng nhìn trăng cao. Chàng nhìn lá tre trên đầu mình với những giọt nước long lanh tụ ở đuôi lá. Chàng nhìn mây kéo nhau lướt êm đềm bên cạnh mặt trăng. Tai chàng lơ đãng theo dõi tiếng chày giã gạo đều đều trong xóm. Và chàng lặng lẽ ôn lại những lời chàng nói, những lời Chi nói, những cảm xúc của hai người. Chàng như con bò nhàn hạ nhai lại cảm xúc của chính mình. Chàng sống lại, trong đêm ở một góc vườn, những giờ nồng nàn dưới trưa...

Và tre trúc, và sương đêm, trăng sao v.v... tất cả giữ một sự xa cách kính cần đối với tâm sự của chàng.

oOo

Tất cả đều giữ một sự xa cách kính cần. Ngay cả cái lúc mà Chi lặng lẽ khóc.

Phải, có lần Chi khóc. Chuyện đó gần như dĩ nhiên. Vì sự gần gũi lâu ngày, thanh huy chiếu y thường nhiều lần, quá nhiều lần. Rồi một hôm, Chi khóc lặng lẽ.

Chàng hỏi : « Em làm sao thế ? Chi anh có làm em khổ không ? Hã ? Chi Chi. Em... » Nàng lắc đầu không trả lời, tiếp tục khóc. Còn chàng thì loay hoay. Như một con gà mái loay hoay trong ổ sau khi đẻ xong chiếc trứng, hoàn không hiểu gì về công việc mình vừa làm.

Ngay cả cái lúc ấy, tất cả vẫn xa cách kính cần. Két vẫn ăn trái rơi lộp bộp sau miếu, con rắn lục vẫn hút một tiếng dài thoang thoang lưng lơ, con sóc vẫn nhảy nhanh nhẹn từ cành nọ sang cành kia trên cây thị, con kỳ nhông nghênh đầu rồi lúi đi... Tất

cả đều khuyến khích : « Tự nhiên ! xin cứ tự nhiên ! Xin các người tự nhiên ! »

Và Chi thấy yên ủi. Và nước mắt nàng khô dần trên mi.

oOo

Hạt nước mắt Chi đã khô trên phần tư thế kỷ. Trong chừng ấy thời gian giặc giã liên miên. Xóm cũ mất đi sáu phần mười nhà cửa. Dân làng mười người tản mác hết tám. Cây cối xâm chiếm hết vùng đồi, bao trùm ngôi cổ miếu...

Còn chàng, bây giờ chàng ngược xuôi trên các con đường nhựa của đô thị, mũi hít mùi xăng nhớt, mùi rác rến, mặt mày tóc tai mỗi chiều về phủ dày một lớp bụi. Còn chàng, bây giờ ngày ngày chàng tất tả chạy vào chạy ra sở nọ sở kia, chàng leo lóc cóc các thang lầu, chàng đụng đầu đều đều với những công việc buồn nản

Mỗi tối, trong tiếng muỗi vo ve bên màn, chàng lắng nghe sự tàn tạ của cuộc đời.

Nhưng cuộc đời không cam phận tàn tạ. Nó không chịu cam phận. Giữa tiếng muỗi vo ve những khi thức giấc nửa đêm, từ trong cùng thẳm của tâm hồn chàng nổi lên tiếng kêu đều đều, tiếng kêu giống giả, khắc khoải như tiếng cước trong nắng đậm xế chiều, tiếng đổ quyên tiếc nhớ tiểu triền. Nó gọi một khung cảnh tịch tịch, thật tịch tịch...

VÕ PHIÊN

I - 1969

Một năm kinh - tế

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 289)

• DUY

VIỄN - TƯỢNG KINH - TẾ 1969

Khởi hành chật vật

Ngay từ ngày khởi-đầu năm 1969, người dân đã thấy những sự kiện kinh tế khó-khăn.

Trước hết là vấn-đề gà. Năm qua là năm "gà" được giá. Tất-cả các loại "gà". Sáu bảy trăm đồng một con gà choai-choai. Bởi vậy mới có một phong-trào khuyến-khích nuôi gà rầm-rộ. Sân rộng nuôi gà, sân hẹp cũng nuôi gà. "Room for rent" không cho được Mỹ mướn cũng biến thành phòng nuôi gà. Công-chức, tư-chức, người giàu, người nghèo, lớn bé già trẻ đồ xô vào nuôi gà. Gà giống nhập-cảng, có tuần lễ tới nửa triệu con. Và trong năm sáu tháng trời người ta đã làm chợ đen gà, người ta đã hốt bạc, kể luôn cả người nuôi gà lẫn người chế tạo thức ăn cho gà, người đóng chuồng gà.

Đầu năm nay thiên hạ xanh mắt hết thầy. Một chương-trình nhập-cảng vô tổ chức, một sự khuyến-khích mù-quáng, đã đem lại biết bao hậu-quả tai-hại, bao nhiêu lỗ-vốn cho những người có đồng lương cố-định, tin-tưởng theo lời đường mật, tưởng nuôi gà vừa có lời vừa giải-quyết được việc khan-hiếm thực-phẩm cho quốc-gia.

Thị trường có hạn-định mà việc nhập cảng vô hạn nên giá-cả xuống phân

nửa. Thực-phẩm nuôi gà lại khan-hiếm, giá vừa đắt vừa không mua được. Gà nhập-cảng mà không có thuốc trụ-sinh, không có thức ăn riêng, tất phải thành "gà-chết". Người nuôi gà đã lỗ vì "gà chết" lại còn lỗ vì phải xuất vốn quá nhiều để nuôi gà, để thuốc-thang cho gà, mà bán chẳng được bao nhiêu.

Chỉ có ông Tổng-trưởng Kinh-tế là có thể khoái chí, xoa tay cười. Không những ông đã ổn-định được vật-giá, mà ông còn hóa được "phép lạ", ông làm cho giá-cả phải sụt xuống trong thời-kỳ chiến tranh "gạo châu củi quế" này. Trong những cuộc tiếp-xúc với Quốc-hội, với báo-chí, ông thường vui-vẻ tuyên bố: "Có nhiều thứ hàng đã bán dưới giá chánh-thức".

Mà đúng như lời ông nói, Honda bán dưới giá chánh thức ba bốn ngàn bạc. Máy lạnh, tủ lạnh, truyền hình, vải vóc, rượu chè, thượng vàng hạ cám đều bán dưới giá chánh thức. Bơ tươi, từ trên hai trăm đồng một bánh, sụt xuống còn trăm hai. Phó mát đầu bò, từ 120 đồng xuống 66 đồng một hộp.

Nhưng xin ông Tổng-trưởng Kinh-tế đừng tưởng bỏ. Người dân chỉ hy-vọng đừng có bán giá chợ-đen mà thôi. Hàng hóa bán dưới giá chánh thức, nhà buôn, nhà sản-xuất phải lỗ-vốn, đó có

phải là một triệu chứng đáng mừng hay không ?

Người có lòng có thể cười được không, khi công tư-chức, quân-nhân, lớp nạn-nhân của chiến cuộc, đồ mồ-hôi nước mắt ra nuôi gà, đẻ rồi phải bán gà lỗ vốn ?

Bán dưới giá chánh-thức, vì hàng-hóa ổi đong, vì mãi-lực sút kém, là một nguy cơ báo động các cơn bão táp kinh-tế sắp nổi dậy. Nạn nhân bây giờ là các nhà buôn, các nhà sản-xuất, thấp cổ bé miệng. Nạn nhân tương-lai sẽ là toàn thể khối người tiêu-thụ. Rút cuộc, rồi chỉ có một đám cá-mập tư-bản mại-bản, khi không còn ai dám sản-xuất dám nhập-cảng nữa, sẽ độc-chiếm thị-trường, làm chợ đen chợ đỏ, bóp hầu bóp cổ dân đen.

Hàng-hóa xuống giá, chỉ có ý nghĩa khi kỹ-nghệ của chúng ta tiến bộ, sản xuất được nhiều hàng-hóa, bán được rẻ tiền nhờ giá vốn hạ-thấp, khi nông-nghiệp phát-triển, mùa màng bội thu, thóc gạo, ngũ cốc đầy lẫm đầy kho. Trong trường hợp đó hàng hóa xuống giá có nghĩa là kinh tế phồn-thịnh, nhà nghèo cũng đủ sức mua được các sản phẩm vẫn coi là xa-xỉ, vẫn dành cho người giàu.

Còn trường hợp nước ta nhập-cảng gấp mười lần xuất-cảng, cái gì cũng phải đi ăn đong thiên hạ, kể cả gạo, heo, gà, thời làm gì có chuyện hàng hóa xuống giá được. Họa chẳng nếu toàn-dân tranh đấu cho được hối xuất cũ, 35 đồng bạc một Mỹ-kim, tự nhiên hàng-hóa sẽ rẻ quá phân nửa và mức sống của nhân dân sẽ tăng tiến gấp mấy lần.

Trong hiện-trạng, hàng-hóa bán không

được nên phải bán lỗ vốn, bán dưới giá chánh thức, điều đó chứng tỏ nền kinh tế Việt-Nam đang lâm vào bước khó khăn, mãi lực của người dân bị thâu hẹp một cách đáng sợ. Kiếm không được tiền phải ráng nhịn xài. Hàng hóa tràn ngập thị-trường. Nếu có món nào khan hiếm, người ta biết ngay đã có những bàn tay bí-mật toa rập với nhau từ trên xuống dưới, gây khan-hiếm giả tạo để dễ bề làm chợ đen tiện lợi, chia tay chằm mút.

Tỷ-dụ như đường, bột-ngọt, bột-bắp để nuôi gia-súc, phân-diêm v.v... Khi mà kế-hoạch của chánh-phủ là phải tận dụng ngoại-tệ của ngoại-viện, khi mà Bộ Kinh-tế bắt-buộc các công-ty nhập-cảng mỗi năm phải xài tối thiểu là 400.000 Mỹ-kim, không-thề có một thứ hàng nhập-cảng nào khan-hiếm đến nỗi phải bán chợ-đen.

Bộ Kinh-tế đã cho tràn-ngập thị-trường, nhiều thứ hàng phải bán dưới giá chánh-thức, người dân không hiểu tại-sao ông Tổng-trưởng Kinh-tế còn phải tổ-chức cuộc họp-báo trên màn-ảnh vô-tuyến truyền-hình để phát-động phong-trào kiểm-soát giá cả ? Nghe ông nói thao-thao bất-tuyệt, tuy rất-lich-sự nhưng hoa thương Chợ-lớn đều ớn mình hết thảy, vì toàn-là luật-này luật-nọ, hình-phạt này hình-phạt khác, nhẹ thì sập cửa tiệm còn nặng thì đi nhĩ-tỳ luôn.

Thực-sự con nhà buôn ngán việc kiểm soát thời ít mà ngán người kiểm-soát thì nhiều. Bói ra ma, quét nhà ra rác, đã khám xét thời đụng chỗ nào chả ra vi-phạm. Chắc chắn mỗi cái tọc là một cái tội, nên muốn yên lành thời ba-tàu lại mất công mời « nhậm-sà »

cho xong-việc. Bình-thường, hàng nhập-cảng quá nhiều nên không thể bán giá chợ đen được. Thực phẩm, như thịt, cá, gạo, rau, đậu, thời bán giá tự-do, không được phép kiểm soát. Nước mắm đương-từ 1đ30 một độ cá, tăng lên gấp đôi, 2đ60 một độ, nghĩa là nước-mắm hạng bình-dân 12 độ cá, từ 25 đồng một lít lên 50 đồng, đâu có ai có quyền kêu ca gì.

Hàng-hoá sản-xuất trong nước, loại bị hàng nhập-cảng cạnh-tranh, nếu bán được huề vốn cũng là may rồi, mong gì lỗ lãi, mong gì chợ đen ?

Rút-cục chỉ còn có hàng độc quyền, như la-de nước ngọt, thuốc điều là có thể bán chợ đen. Vậy cần gì phải gây cả một chiến-dịch, làm hoang-mang các nhà buôn nhỏ, vì một vài món hàng nhỏ, dầu sao cũng thuộc loại xa-xỉ, không cần thiết cho đời sống hàng ngày của người dân.

Nói chung, tình-hình kinh-tế Việt-Nam đương khó khăn, người Việt-Nam đương sống, nhờ ăn lạm vào vốn liếng hoặc ăn chịu (như Quân-tiếp-vụ vừa cho phép bán chịu cho binh-sỹ) và nếu không còn vay nợ đâu được thời đành thất-lung buộc-bụng vậy.

Mặt ngân-sách khó khăn

Nhìn vào túi-tiền của dân-chúng đã chán mà nhìn vào túi-tiền Chánh-phủ còn thấy chán-chường hơn. Ngân sách thâm thủng hơn 50 tỷ bạc. Chi: 130 tỷ. Ngân sách Quốc Phòng: 85 tỷ. Những con số đó làm cho người dân choáng váng. Báo chí ít đề cập đến việc thảo-luận Ngân sách tại Quốc hội, và nhà nước cũng không phổ biến, nên người dân

chẳng hiểu trong năm 1969, Quốc-gia sẽ tiêu được những món gì và chi tiêu ra sao.

Đại-khái chỉ biết Ngân sách 69, cũng như Ngân sách 68, là một Ngân sách điều hành. Các tiền trả lương nhân-viên, tiền mua vật-liệu, xăng nhớt v.v... là những khoản tiền không thể tiết-giảm được. Ngân này binh sỹ, ngân này cán bộ, ngân này cơ quan, thì cứ tính ngang bằng số ngay ra chừng đó kinh phí không còn trêch đi đâu được. Vậy có gì mà thảo luận. Có chương-trình phát triển kinh-tế, cải-tiến xã-hội, nâng-cao văn-hóa, đặc biệt theo đường lối chính-sách nào đâu.

Nhiều dân-biêu đã tiên đoán dự-thảo Luật Ngân-sách 1969 sẽ được thông qua mau-chóng, mặc dầu nhiều vị không đồng quan-điểm với Hành-pháp trong nhiều ảnh-vực hoạt-động của chánh-phủ.

Không đồng ý vẫn cứ phải chấp-thuận ngân-khoản cho chánh-phủ trả lương nhân-viên, điều hành công việc. Những vụ cắt xén vài trăm triệu đồng của bộ này, bộ khác, thực sự chẳng có nghĩa gì hết, chẳng đạt được mục-đích khả kính nào ngoài việc biểu lộ Thượng-viện cũng dám gồng mình lấy «le» đây,

Đối với hành-động « tượng-trưng » và

Ca dao đã phát hành :

GIÁO DỤC và Ý NGHĨA CUỘC SỐNG

của Krishnamurti

bản dịch của Hoài Khanh.

«phô bày» của Thượng-viện, Hành-pháp bỏ qua cũng không sao, và nếu có «phúc nghị» cũng chỉ là vấn đề thể-diện. «hòn đất ném đi, hòn chì ném lại».

Vì luật Ngân-sách đâu có tính chất bất-di bất-dịch. Nếu khi thi-hành ngân-sách tình thế bó buộc phải chi tiêu nhiều hơn, chính phủ lại thảo dự-luật Ngân sách khác đề xin «điều chỉnh» lại. Và người dân đã thường thấy «điều chỉnh» cả mấy chục tỷ-bạc cũng chẳng «chết ai» nữa là số tiền nhỏ nhoi một tỷ ba trăm triệu đồng,

Người dân sẽ không hình dung được tính-chất khó khăn của Ngân-sách 1969, nếu không so sánh tạm với một ngân-sách quốc-gia cũ, tỷ-dụ Ngân-sách chín năm xưa, năm 1960, khoảng thời-gian mà lương bổng của giới người lương-thiện, công-chức, tư-chức, quân nhân, chưa được tăng 100 %.

Lương chưa tăng gấp đôi, mà ngân sách quốc gia đã tăng gấp gần mười lần, từ 14 tỷ lên 130 tỷ bạc.

Năm 1960, khả năng đóng góp của nhân-dân Việt-nam vào ngân-sách Quốc-gia là 9 tỷ 500 triệu đồng Nói nôm na ra, chánh phủ đã thu thuế má được của dân như sau: thuế huê-lợi 560 triệu, thuế ruộng đất 148 triệu, thuế môn bài 110 triệu, thuế gián thu 3.271 triệu, Quan-thuế 2.181 triệu, Công-quản 1.478 triệu, thuế trước bạ 600 triệu, thu hành-chánh 755 triệu, thuế đặc biệt về xăng nhớt 350 triệu.

Nhìn lại, thấy số thuế nào cũng khiêm nhượng hết. Vậy mà khi đó, nhân-dân đã kêu ca rên xiết là đóng thuế quá sức rồi.

Ngày nay, chi-phí quốc-gia lên gần

10 lần, nhân dân đào đâu ra tiền để đóng thuế?

Thuế nào cũng do dân đóng cả. Trên một triệu gia-đình công-chức, tư-chức, quân nhân, tức là quá nửa dân số miền Nam, có gia đình nào cảm thấy sống sung-túc hơn ngày xưa không?

Lợi tức chưa tăng lên gấp đôi, tất nhiên phần đóng góp vào thuế má cũng không thể tăng quá hai lần được.

Ngân-sách đã khó khăn hơn vì thiếu hụt 50 tỷ-bạc, sẽ còn khó khăn hơn, vì không chắc gì thu được 55 tỷ bạc thuế dự-trù, nếu căn cứ trên khả năng tài chánh và đóng góp của mỗi gia đình người dân.

Nếu chúng ta không quân-bình được ngân-sách quốc-gia, nếu chúng ta không đóng được đủ số thuế dự-trù, tình hình kinh-tế 1969 sẽ ra sao?

Từ nay đến Tết, các nhà chức trách đã quyết định không ban hành một biện-pháp nào khả-di làm tăng thêm vật-giá, làm nguy ngập hơn thị-trường Tết, bình thường đã khó khăn rồi. Người dân rất hoan-nghênh thái-độ sáng-suốt này. Nhưng từ sau Tết trở đi, chánh-phủ có thể nào không ban-hành các biện-pháp mới để thu tiền ứng phó với chi-phí không thể tiết-giảm được, và khi đó đời sống của nhân-dân sẽ ra sao?

Nước Việt-nam, tuy đã độc-lập, nhưng vẫn chưa thoát ra khỏi tình trạng kinh-tế thuộc-địa. 85% các khoản tiền thu cho ngân-sách quốc-gia, toàn là sắc thuế đánh trên các hàng xuất-nhập-cảng thuộc loại quan-thuế. Đặc-biệt nước chúng ta đang sống nhờ ngoại-viện, nên có thể nói, lợi tức

chánh-phủ lệ-thuộc chặt chẽ vào số Mỹ-kim viện trợ để nhập-cảng hàng hóa. Năm 1960, ta nhập-cảng khoảng 200 triệu Mỹ-kim hàng-hóa, và tiền thâu vào ngân-sách là 9 tỷ rưỡi. Năm 1969, ta sẽ nhập-cảng khoảng 500 triệu Mỹ-kim, hai lần rưỡi nhiều hơn và số tiền phải thâu là 100 tỷ bạc, mười lần nhiều hơn năm 1960.

Dĩ nhiên chánh-phủ không thể nào thâu nổi khoản tiền 100 tỷ bạc. So với lợi-tức quốc-gia, số tiền này là một phần ba, nếu chúng ta ước-lượng tổng số lợi tức trong năm 1969 là 300 tỷ bạc. Tỷ-lệ một phần ba quá lớn. Và càng bất-công hơn nữa, nếu trong sự đóng góp, những người kiếm được nhiều lợi-tức hơn hết lại là những người trốn thuế tài giỏi, vì tiền của họ là tiền trà nước, tiền chợ đen chợ đỏ, tiền hoan lạc, hoặc vì họ được đặc quyền miễn thuế như R.M.K.

Ngân-sách 1969 là một gánh nặng, quá sức đối với nhân dân miền Nam mà ảnh hưởng đối với đời sống kinh-tế quốc-gia sẽ vô cùng sâu rộng. Trong cái năm quyết định đối với tiền đồ quốc-gia này, người dân Việt-Nam sẽ phải chịu đựng, cắn răng chịu đựng, buộc bụng tới nút chót, dồn hết tiềm-năng và sinh-lực để gắng sức đứng vững trước thế công của địch và áp-lực của bạn.

Ngưng-chiến và kinh-tế

Hầu hết dư-luận Thế-giới cũng như trong nước đều dự đoán năm 1969 sẽ là năm Hòa-Bình. Hòa đàm, sớm hay muộn, cũng đem lại ngưng bắn. Sau khi ngưng chiến, tình-hình kinh-tế sẽ biến-chuyển ra sao? Có đảo lộn không? Có nạn thất-nghiệp lan tràn không? Tiền tệ có mất giá đến thành giấy lộn không? Tư-bản ngoại quốc có chi-phối các nguồn

lợi trong nước không? Biết bao nhiêu vấn-đề mà kế-hoạch hậu-chiến phải đối phó.

Giáo-sư Vũ-quốc-Thúc, nửa kín nửa hở, đã tuyên bố với báo chí rằng nhóm kinh-tế hậu-chiến đã chuẩn bị sẵn-sàng hết và đã trình lên Tổng-thống những biện pháp cần được áp dụng ngay để khỏi gây xáo-trộn kinh-tế khi tiếng súng ngừng nổ. Tất nhiên về phương diện bảo-mật, ông không thể phổ-biến kế-hoạch ra ngoài dân gian được.

Sau này báo-chí ngoại-quốc có loan-tin, và báo chí Việt-nam cũng đã đăng tải lại, Nhóm Kinh-tế hậu chiến đề nghị biến 800.000 binh-sỹ thành nông dân khi hòa-bình văn-hồi.

Không hiểu kế-hoạch Kinh-tế hậu-chiến bao gồm những chương trình gì, nhưng riêng một điểm dinh-diện này, nếu đúng thực, cũng đáng giá ngàn vàng.

Trong năm 1969, dầu có ngưng bắn cũng không thể nào giảm bớt quân số hiện hữu.

Tổng-số lực-lượng võ-trang phải đứng ở mức 1 triệu người. Ngân-sách Quốc-phòng khó lòng mà giảm xuống dưới 85 tỷ bạc. Tình-hình chính-trị, không cho phép chúng ta giảm quân số để giảm gánh nặng đóng góp cho nhân-dân. Không còn phải đánh giặc, chỉ có nhiệm-vụ canh-phòng, một triệu người ngồi không mà ăn, tất núi cũng phải lở.

Đa-số quân-đội sẽ đồn-trú ở những đường xâm nhập, phân-tán về địa-phương xa thành-thị.

Các đơn-vị võ-trang hợp cùng với gia-binh, sẽ hội đủ những điều-kiện thuận lợi nhất để thành-lập các Trung-tâm Phát-triển Nông-nghiệp, sản-xuất

các hoa màu, trái-cây mau ăn, dễ tiêu-thụ, dễ xuất-cảng như bắp, đậu xanh, đậu nành, chuối, khoai-mì v.v...

Các đơn-vị chuyên-môn sẽ tham-gia vào việc tu-bồ hạ-tầng cơ-sở như đắp đập, đào kinh, làm cầu làm đường, hoặc xây-dựng kỹ-nghệ nhẹ giúp đỡ cho nông-nghiệp.

Một phần lợi-tức sẽ dùng để nâng cao mức sống của gia đình quân-nhân, một phần sẽ sung vào Ngân-sách Quốc-gia, làm nhẹ phần đóng góp cho toàn dân.

Với số lượng 1 triệu người của lực-lượng võ-trang và gia-đình của họ, Bộ Quốc-phòng đã nắm trong tay khí cụ mạnh-mẽ nhất để thay đổi hẳn bộ mặt kinh-tế quốc-gia, đem lại những nguồn lợi vô cùng tận cho toàn dân.

Viễn-ảnh nông-nghiệp, kỹ-nghệ, thương-mại.

Trong trường-hợp chiến-tranh tiếp-tục đề chờ hoà đàm, hoặc giả ngồi vào bàn hội-nghị mà vẫn đánh lai-rai, hoặc ngưng bắn mau chóng trong vòng 6 tháng nhưng súng vẫn phải cầm trên tay, dầu trong hoàn-cảnh nào, nền kinh-tế Việt-nam khó mà có những biến-chuyển cụp lạt trong năm 1969.

● *Nông nghiệp*

Thông-điệp đầu năm của Tổng-thống Việt-Nam Cộng-Hòa về chương-trình hoạt động của Chánh phủ trong năm mới, đề-cập rất ít đến khu-vực kinh-tế. Nguyên có một điểm quan trọng là sẽ cấy lúa thần nông trên một diện-tích là 200.000 mẫu ruộng.

Chiến-tranh đã khiến cho 300.000 mẫu lúa phải bỏ hoang, diện-tích

trồng cấy từ trên 2 triệu rưỡi mẫu giảm xuống 2 triệu 2 trăm ngàn mẫu. Số lúa thâu-hoạch từ trên 5 triệu tấn giảm xuống 4 triệu 8 trăm ngàn tấn. Nếu cấy thêm được 200.000 mẫu lúa thần-nông số thâu-hoạch sẽ bằng 600.000 mẫu và mùa lúa 69-70 có hy-vọng đạt được trên 5 triệu tấn lúa như năm 1963.

Nhưng lúa thần-nông là một thứ lúa « công tử ». Cần phải săn-sóc, bồi-dưỡng khó-khăn. Phải có công-tác dẫn-thủy nhập-điền, có máy bơm nước, phải tốn nhiều phân, nhất là phân diêm, phải có đủ thuốc sát-trùng.

Bộ Kinh-tế và Canh-nông cần phải phối hợp chặt chẽ họa chặng mới đạt được kết-quả mong muốn. Nếu không chỉ tái diễn lại tấn tuồng « gà ». Gà nuôi nhiều mà không có thức ăn và giá nuôi gà lại đắt hơn giá bán gà.

Dầu sao vấn đề gạo trong năm 1969 cũng đã được giải quyết xong rồi. Số gạo Mỹ dự trữ cũng còn vài trăm ngàn tấn. Chương-trình nhập-cảng gạo Mỹ cũng đã được ấn-định và đương thi-hành. Báo chí vừa loan tin lại thêm 100.000 tấn gạo Mỹ được mua và sẽ được gửi qua Việt-Nam.

Năm 1969 sẽ là năm thừa thãi gạo. Gạo nhập cảng đã oanh liệt. Gạo sản xuất trong vụ lúa mùa 1968-1969 cũng không dưới 4 triệu 800 ngàn tấn. Như vậy năm 1969 không lo thiếu gạo mà chỉ lo gạo nội địa không cạnh tranh nổi với gạo Mỹ, và lo gạo Mỹ sài không hết đề mục nát trước khi bán tổng khứ ra ngoài Trung, khổ công các Ủy-ban Quốc-hội lại phải công du điều tra tại chỗ các

Uy-ban Quốc-hội lại phải công-du điều tra tại chỗ các lời khiếu nại của nhân-dân miền Trung, lo sức-khỏe không được bảo-vệ.

Về các hoa-mẫu phụ cũng như về ngành chăn nuôi, ngư nghiệp, đại-khái cũng không khác gì nhiều năm trước. Dĩ nhiên phải bỏ ra ngoài ngành gà và ngành cá hộp. Số sản xuất trung-bình hàng năm về cá hộp là 1.500.000 hộp theo số thống-kê. Nhưng số hộp cá nhập-cảng và dự-trù lên tới 30.000.000 hộp rồi. Số gà nuôi trong nước vẫn là 22 triệu con. Thêm vào đó gà nhập-cảng cũng dăm lên tới hai triệu con mỗi tháng, và cuối năm 1969, rất có thể Việt-Nam có một số gà đông gấp đôi các năm trước.

Bộ Kinh-tế vừa ra lệnh cấm nhập-cảng gà đóng hộp. Nhưng phát triển theo đà này, chắc cuối năm chúng ta phải xuất-cảng gà đóng hộp hoặc theo giá bán gấp đôi giá thị trường quốc-tế, hoặc nhà sản-xuất phải lỗ nữa vốn cộng thêm tiền chuyên-chở.

Trong khu vực lâm-sản, người dân cứ ngỡ tình-hình bất-an-ninh của rừng núi và trục-lộ giao-thông, khiến cho gỗ và củi khan-hiếm và tăng giá gấp mấy lần. Ngược lại sức sản xuất về danh mộc cũng như về gỗ củi đều tăng hơn trước, và sẽ tiếp tục trong năm 1969, chứng tỏ các nhà khai thác lâm-sản Việt-nam trưởng-thành về ngoại-giao hơn là các nhà ngoại-giao quốc-tế tại hội-nghị Ba-Lê trăm phần.

Trong khu vực ngư-nghiệp, tuy được giúp đỡ nhiều, nhất là thủy-động-cơ Y-an-ma để lắp vào ghe chài, nhưng số cá sản-xuất cũng không vượt quá được 500.000 tấn vì chúng

ta vẫn không có tàu đánh cá ngoài khơi và các vùng biển cấm đánh cá vẫn nhiều quá khiến cho bao nhiêu cá đều dồn về đó sinh sôi nảy nở; các nhà chài lưới chạy rong trên biển thì tốn dầu-nhớt nên đành gác thủy-động-cơ, thềm thường ngắm nghía các vùng cấm-địa béo bở.

Sau hết, sản phẩm chính đề xuất-cảng, là cao-xu thì tình-hình không thể cải thiện trong năm 1969 vì hai lý do:

— Các đồn-điền cao-xu, chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của chiến tranh, không thể bình thường hóa hoạt-động trong thời gian ngắn ngủi kể tiếp ngưng bản.

— Giá cả cao-xu hạ thấp trên thị-trường quốc-tế trong khi giá sản-xuất lên cao trong nội địa.

Hai trở ngại trên đây khiến cho nhà trồng tỉa không háng hái bắt tay vào việc trong thời chiến cũng như lúc khởi sự hòa bình.

● Kỹ-nghệ.

Chắc-chắn Bộ Kinh-tế và Trung-tâm khuếch-trương kỹ-nghệ sẽ cương quyết thực-hiện các chương-trình kỹ-nghệ sau đây:

— 1) Tiếp tục bỏ thêm bạc, đếm từng trăm triệu, để trang bị thêm máy móc cho mỏ-than Nông-sơn và nhất là tu bổ, duy-trì các máy-móc đó cho khỏi nằm không, han rỉ, mộng ước những năm tốt đẹp sau này sẽ khai-thác được tới 950.000 tấn than mỗi năm.

— 2) Nhứt định thiết lập không phải một mà tới bốn khu kỹ-nghệ. Ngoài khu kỹ-nghệ Biên-hòa đã có trên giấy tờ và đồ-án, còn biển cát trắng Cam-ranh cũng thành khu kỹ-nghệ phồn thịnh, thêm

một khu giữa cánh đồng thẳng cánh cò bay ở miền Tây, và một khu ngoài miền Trung, gọi là quân bình sự phát-triển địa phương.

— 3) Cố gắng thực-hiện một số dự-án đã được đề-cập, khi thì mười mấy năm, ít cũng 5, 7 năm như nhà máy xi-măng Văn-Xá, Thừa-Thiên, nhà máy phân bón ruộng, nhà máy lọc dầu xăng, thêm vài nhà máy đường cho có bạn với nhà máy đường Quảng-Ngãi đợi khi bình thời sẽ cùng hoạt-động v.v...

— 4) Cao hứng bất-tử Bộ Kinh-tế cũng có thể cho khai thác các mỏ sắt, mỏ kẽm, mỏ chì, mỏ đồng, luôn cả mỏ dầu hỏa ở Biên đông, Biên tây cho thế-giới lé mắt chơi.

— 5) Đối với các công-ty quốc-doanh và các cổ-phần của chánh-phủ trong công ty tư-nhân, một lần nữa, chủ-trương của Bộ Kinh-tế là đem phát-mại cho dân-chúng.

Tất cả các chương-trình kỹ-nghệ của Bộ Kinh-tế đều giống nhau ở điểm quá quen thuộc đối với người dân. Năm nào cũng nhắc đi nhắc lại có từng nấy khoản nên ai cũng có thể thuộc nằm lòng. Nếu thực hiện không được, dân chúng cũng không trách-cứ, và tháng tới năm tới, lại có ông Tân Tổng-trưởng ghi vào chương-trình hoạt động cá nhân, như một sáng kiến đặc-biệt của riêng ông Tổng-trưởng nghĩ ra.

Xét trong thực-tế, không phải là chuyên viên cũng nhìn thấy năm 1969 là một năm khó khăn cho kỹ-nghệ Việt-Nam.

Nhân-công khan-hiếm, thợ chuyên-môn phải nhập ngũ, công-xá lương-bổng

cao, nguyên-liệu đắt đỏ, mại-lực của nhân dân sa-sút, hàng ngoại-hóa cạnh-tranh ác-độc, Ngân-hàng cho vay khó-khăn các sự tàn phá của biển-cổ Mậu-Thân còn ghi dấu tích, ngần đó sự-kiện đã trói buộc sự phát-triển của nền kỹ-nghệ trước đây vẫn tiến đều được tới cuối năm 1967.

Vài ngành kỹ-nghệ còn có lời, nhờ được độc-quyền thực-tế, hoặc nhờ thế lực của ngoại bang như la-de, thuốc điếu, đường, sữa hộp...

Hầu hết các ngành khác, nếu chưa gần kề gang tấc vực-thảm phá-sản, cũng chỉ hoạt động cầm chừng để duy-trì cơ-sở, nuôi sống nhân-công chứ không còn háng-hái làm việc, không còn hào hứng phát-triển thêm để kiếm thêm nhiều lời.

Bằng chứng là một Công-ty cao-xu, cỡ tư-bản quốc-tế, định bỏ ra 10 triệu Mỹ-kim, hai tỷ-bạc Việt Nam, để thiết lập một nhà máy làm vỏ ruột xe hơi tại khu kỹ-nghệ Biên-hòa, báo chí Anh ngữ một dạo làm rùm-beng lên, rồi cũng thấy chìm xuống luôn vì tình-hình kinh-tế chưa thuận-lợi.

Vừa trường-vốn, vừa nhiều thế lực, vừa có cơ-sở thương mại khắp thế-giới với số thương vụ là 2 tỷ Mỹ-kim, 400 tỷ bạc V.N. một năm, mà còn không dám kinh doanh kỹ-nghệ, nữa là dân đánh bầy ngày không ra 10 ngàn Mỹ-kim — tuy đã là triệu phú Việt Nam, làm sao dám lao đầu xuất vốn trong hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng, mà không ăn giải gì cả.

Đương thời chiến-tranh ác-liệt, một vị Tổng-thống Mỹ có thể tuyên-bố thỏa mãn : « Nền kinh tế nước ta chưa bao giờ vững chắc và phồn thịnh như ngày nay. » nhưng không một vị Tổng-thống Việt-nam nào lập lại được những lời nói

kiêu-cảng sung túc đó.

Không những thóc gạo nước này đi đâu mất tiêu mà cả những quyền lợi kỹ nghệ cũng rời bỏ mảnh đất nghèo-nàn của chúng ta.

Chiến-tranh luôn luôn làm cho kỹ-nghệ tiến tới. Kỹ-nghệ quốc-phòng tiến tới ở nước Mỹ. Kỹ-nghệ quân-nhu, thực phẩm, đồ gia-dụng tiến-tới tại Nhật, Phi-luật-Tân, Đại-Hàn, Đài-Loan, Hồng-Kông, Tân-gia-Ba.

Còn tại Việt Nam lò lửa chiến tranh, theo lời phê bình đau-đớn của nhà đại-ký-giả F. Sully, phồn thịnh nhất chỉ có kỹ nghệ « bồi ».

Xin các vị lãnh đạo kinh tế Việt-Nam hãy suy ngẫm chính sách kinh-tế của chúng ta ra sao mà đến nỗi những kẻ, được nuôi béo mẫm trên giang-san đau khổ này, có thể ăn cháo đá bát, miệt thị người dân Việt-Nam như vậy.

● Thương-mại

Khi người dân buồn lòng thời la lối chính phủ không có chính sách kinh tế. Thực ra nếu Bộ Kinh-tế không có một chính sách cụ thể thời cũng vẫn theo đuổi một chính sách trùu tượng, cũng như khi không phải là văn vắn cũng thuộc thề văn xuôi.

Vậy « văn xuôi » của Bộ Kinh-tế vẫn là : cải-thiện hệ-thống tiếp-tế phân-phối ; ổn-định vật-giá ; quân-bình cán cân mậu-dịch, gia-tăng xuất-cảng nhiều và cũng tăng thêm nhập-cảng ít thôi.

Các mục-tiêu trên đây không có gì đáng khôi-hài cả. Về nội-thương, muốn bình- ổn vật-giá, Bộ Kinh-tế phải lập chiến-dịch kiểm-soát giá-cả, lập kho dự-trữ an toàn cho nhu-yếu-phẩm như

đường, sữa, gạo vv....

Đồng-thời phải liên lạc chặt-chẽ với các địa-phương ; ông Tổng-trưởng Kinh-tế năng đi kinh-lý về các vùng quê hẻo lánh như Đồng Tháp Mười, vùng U-Minh, Cà Mau cho hiểu-rõ tình-hình địa-phương, lê dân thừa gì và thiếu gì, và nếu có phải hòa vài ba giọt-lệ với nông dân, thời cũng là những giọt lệ đích-đáng và giá-trị. Về ngoại-thương, bộ vẫn cho phép nhập-cảng không hạn chế, dùng cho hết ngoại-viện, còn xin thêm ngân-khoản mua nhu-yếu-phẩm như gạo, đường, bột-mì. Các nhà xuất-cảng cũng được khuyến-khích đề gia-tăng xuất-cảng, càng nhiều càng tốt, miễn là kiếm ra được loại hàng gì mà xuất cảng. Bộ Kinh-tế cũng cho phép thiết-lập nhiều gian hàng Việt-Nam ở ngoại-quốc để bán chả-giò, nón và guốc phụ-nữ.

Trên đây là chính-sách của chánh-phủ. Còn dưới mắt người dân, trong năm nay, đầu nửa năm đầu còn chiến tranh và nửa năm sau hết chiến-tranh, tình-hình nhập-cảng cũng không thay đổi. Nước Việt-Nam sẽ nhập cảng khoảng 500 đến 600 triệu Mỹ-kim hàng-hóa. Phần lớn vẫn là hàng-hóa đề tiêu-thụ.

Rồi tới nguyên-liệu, bán-chế-phẩm, thực-phẩm và thuốc lá. Các loại máy móc trang-bị sẽ chỉ giữ một địa-vị khiêm-tốn, tuy rằng phải nhập-cảng một số thay thế cho máy-móc bị địch phá hủy đầu năm 1968.

Cuối-năm 68, đầu năm 69, Nga Ngoại-thương, sau một thời-gian vắng như chùa bà Đanh, đột nhiên trở lại sầm-uất, cấp phát lít-xăng kịch-liệt. Nguyên nhà buôn sợ thuế-má sắp

tăng cao, tiền - tệ e sụt giá, nên ráng sức nhập-cảng hàng-hóa để dự trữ. Nhưng theo cái đà bầy, tám chuyến tàu đầy Honda lêu bêu ngoài biển không cập bến được, thương-cảng lại ổi đong, hàng lại nằm xà-lan, tàu chuyên-chở lại « em chã », không thềm chờ-đợi, không bồi-thường, chở hàng đi luôn, tất-cả vì những lý-do « khốn-nạn » là nhà nhập-cảng không có tiền lấy hàng ra khỏi kho Quan-thuế, giới tiêu-thụ không đủ khả-năng tung tiền đặt cọc để mua hàng [và các Ngân-hàng bảo đảm cũng cạn luôn ngân khoản tín-dụng để tài-trợ cho việc nhập-cảng ; chắc chắn sau Tết, hàng-hóa sẽ ổi đong quá nhiều và Bộ Kinh-tế cũng khó lòng mà bán hết ngoại-tệ viện-trợ và sở-hữu dự-cấp.

Hàng-hóa xuất-cảng không một triển-vọng nào đẹp tốt. Vài chục ngàn tấn cao-su, vài trăm tấn trà, chỉ coi như con số không, và Trung-tâm khuếch-trương xuất-cảng còn phải thất-nghiệp dài trong năm 1969.

Đề nghị xoa dịu tình hình kinh-tế

Giỏi về « đấm bóp thời-cuộc », Việt-Nam mình chỉ có một Giáo sư Kinh-tế Nguyễn-Xuân-Oánh nổi tiếng vang lừng trong báo chí. Nhưng là thời cuộc chánh-trị, và thời-gian cũng chầy qua mất rồi.

Về phương diện kinh-tế, chúng ta thiếu hẳn người « đấm bóp thời cuộc » và có lẽ cũng không có nhà lãnh đạo nào nghĩ đến chuyện làm công tác đó. Chỉ có người dân, quá đau khổ vì tình-hình kinh tế lộn-xộn nên chẳng phải là thợ « đấm » cũng cố dưng lên cấp lãnh-đạo các nguyện vọng phát xuất từ đáy lòng.

1 - Xét lại sự đóng góp của nhân-dân

Các con số thống-kê đã hùng biện bênh-vực cho quan điểm người dân: với số lợi tức quốc-gia không quá 300 tỷ bạc, thực sự người dân không thể kham nổi ngân sách 130 tỷ bạc. Khi ngân sách quốc gia còn dưới 12 tỷ bạc thời lợi-tức quốc-gia đã trên 80 tỷ bạc rồi. Trong số 12 tỷ bạc, 4 tỷ do ngoại viện đài thọ, người dân chỉ phải đóng góp 8 tỷ bạc, một phần mười của lợi tức quốc gia. Có vậy mới đủ tiền nuôi gia-đình, cho con ăn học để đầu tư văn-hóa và thừa một chút tiền để đầu tư vào kinh-tế kỹ-nghệ. Người dân tương đối dễ thở và mức sống cao hẳn hơn người dân vùng Cộng-sản.

Trong cuộc chiến tranh chống du-kích, thời-gian có thể kéo dài vô-tận nên chúng ta không thể nào dốc toàn lực vào cuộc-chiến để rồi sẽ phải ngã quy trong hai, ba năm. Chúng ta phải giữ vững tiềm lực, bồi dưỡng sinh lực. Tổng-động-viên là một giải pháp nguy-hiêm, giải pháp cuối cùng.

Vì phong-trào phản-chiến bên Mỹ lên quá mạnh, nhà chức-trách Mỹ, không dám kéo dài chiến-đấu quân-sự tới thắng lợi cuối cùng, buộc chúng ta phải tổng-động-viên để rút dần quân-đội Mỹ về nước.

Nhân dân Việt-nam đã can-đảm làm quá bồn-phận mình trong vai trò tiền-rhong chống Đế-quốc Đỏ thời người Mỹ có bồn phận trích ra một số tiền tiết kiệm được, nhờ giảm bớt quân-số chiến đấu, để giúp đỡ quân-bình Ngân-sách Việt-Nam.

Chỉ cần Mỹ giúp cho chúng ta 250 triệu Mỹ-kim chúng ta đã có 50 tỷ-bạc

đề lấp lỗ hồng ngân-sách. Mỗi khi Mỹ giảm 20.000 quân là thừa số tiền 250 triệu Mỹ-kim rồi. Mỹ giảm 40.000 quân, sẽ giúp chúng ta được 500 triệu Mỹ kim đủ số tiền để nâng cao gấp đôi mức sống của binh-sĩ Việt. Dĩ nhiên, khi đỡ phải lo lắng cho đời sống gia-đình, tinh thần chiến-đấu sẽ tăng lên gấp đôi và Mỹ lại có thể giảm thêm 40.000 binh-sĩ nữa. Trong cái vòng luẩn quẩn hướng thượng đó, người Mỹ và người Việt đều có lợi cả. Lợi nhất là tình-hình Kinh-tế Việt.

Vậy nguyện-vọng thứ nhất của người dân là xin chánh-phủ cân nhắc lại khả-năng đóng góp của người dân, ký kết với người Mỹ một thỏa-ước, theo đó trong năm 1969, Mỹ rút bao nhiêu quân, sẽ giúp đỡ thêm một phần tương-xứng vào Ngân-sách Quốc-gia Việt-Nam, để xoa dịu các sự khó-khăn về kinh-tế cho nước này, và đừng bắt gà phải đẻ hai, ba quả trứng vàng một ngày.

Theo phúc-trình đệ lên đại-sứ Bunker, viện-trợ Mỹ đã giảm đi 31,20%. Viện-trợ giảm trong khi Việt-Nam phải tổng-dộng-viên, dốc hết năng-lực vào chiến tranh, phải nuôi-dưỡng đạo quân tới 1 triệu người, trong khi Mỹ hứa hẹn, cam-kết tích-cực giúp đỡ chúng ta tự-lực chống xâm-lăng. Quyết-định của đại-sứ Mỹ, dầu nguy-biện cách nào, cũng không làm người dân Miền Nam thông-cảm được. Khi chúng ta, đến gạo cũng không đủ ăn, còn kỹ-nghệ bị tàn phá đến 4 tỷ bạc và còn hơn nữa, khi chiến tranh càng gần giờ tàn lụi càng bùng nổ mãnh-liệt, không ai có thể nói tình-hình kinh-tế, kỹ-nghệ Việt Nam khả quan tốt đẹp được. Không nên bắt buộc người dân Việt-Nam phải

đóng góp quá sức đến nỗi kiệt quệ không bao giờ ngẩng đầu lên được nữa.

2. — *Cải tổ guồng máy lãnh đạo kinh-tế.*

« Năm mới, chánh-phủ mới » Không phải người dân sa-đích, muốn xem c'ính-phủ đổi, cũng như người đi xem xiếc Âu-Mỹ thường khoái chuyện nhà dật thú uy-nghi lẫm liệt bị sư tử vồ. Trong vòng hai tháng nay, tin đồn cải tổ chánh phủ lan rộng trong dân gian. Ai cũng hy vọng sự cải tổ chánh-phủ sẽ đem lại một luồng gió mới, một sinh lực mới thúc đẩy cho nền kinh-tế Việt-nam thoát ra khỏi tình trạng ngộp thở, sa lầy.

Các chính-trị-gia lại bàn tán về sự lợi hại của một chánh-quyền, phân chia thành khu vực hoạt động, mỗi khu vực bao gồm một số Bộ, dưới quyền chỉ-huy của một Phó-Thủ-tướng, như khu vực Quốc-phòng, An-ninh, khu vực Kinh tế Tài-chánh, Xây dựng nông-thôn, Canh nông Công-chánh, khu vực Văn hóa Giáo-dục, Xã hội, Lao động v.v...

Kinh-nghiệm thực-tế cho thấy sự tổ chức thành Siêu-Bộ đã được áp-dụng nhiều lần từ Đệ nhất Cộng hòa và chưa bao giờ đem lại kết-quả tốt đẹp. Các Phó Thủ-tướng hoặc Siêu Bộ trưởng, đều hữu danh vô thực, không có quyền-hành thực sự, không điều khiển, phối hợp được Bộ nào, không làm cho ai sợ, chỉ tham dự vào việc hiếu hỷ, nếu không ngồi chơi soi nước.

Vậy trong vấn-đề siêu-bộ quan niệm sai hay tổ-chức sai ?

Quan niệm không thể sai được rồi. Ai cũng nhìn thấy ngay sự lợi ích của việc phối hợp hoạt động và chỉ huy hợp nhất trong một khu vực chánh quyền, gồm

những bộ có liên quan mật thiết với nhau.

Nhưng muốn cho tổ-chức hữu-hiệu, không thể duy trì tình-trạng, các Tổng trưởng cũng như Phó Thủ-tướng đều ngang-hàng với nhau, do Thủ-tướng lựa-chọn, bổ nhiệm và chỉ chịu trách-nhiệm trực-tiếp trước Thủ-tướng. Do đó Phó Thủ-tướng không đủ uy-quyền để điều-khiển Tổng-trưởng, và ngược-lại Tổng-trưởng cũng luôn luôn coi Phó Thủ-tướng như pha, không có kí-lô nào hết.

Nếu Thủ-tướng hoàn-toàn tin-trưởng vào Phó Thủ-tướng và giao cho nhiệm-vụ lựa chọn các Tổng-trưởng cộng sự, ấn-định chính-sách hoạt-động chung cho Siêu-Bộ, tất-nhiên Phó Thủ-tướng sẽ có một đồng-đội cùng theo một đường lối, chỉ-hướng, và đầy-đủ uy-quyền để kiểm soát chính-sách chung được tôn-trọng, phối-hợp được hoạt-động của các Bộ thuộc-quyền.

Tổng-thống đã có thể giao-quyền lập Chánh phủ cho Thủ-tướng, vậy xin Thủ-tướng cũng theo cách đó mà tản-quyền cho các Phó Thủ-tướng, cộng - sự - viên thân - thiết nhất của Thủ-tướng.

Người dân Miền Nam chỉ ao ước, Chính-phủ có cải-tổ, xin Tân Thủ-tướng hãy lựa chọn một vị Phó Thủ-tướng thực-hiện được chính-sách kinh-tế tài-chánh lợi cho nhân-dân, thích-hợp với lòng-dân, và giao quyền cho Phó Thủ-tướng lựa chọn các Tổng trưởng Kinh-tế, Tài-chánh, Canh nông, Giao-thông cùng hoạt-động để lấp kín lỗ hổng khiếm-khuyết chính-sách kinh-tế, vẫn là nguồn gốc các nỗi

khó khăn kinh-tế trong các năm qua.

oOo

Xét lại khả-năng đóng-góp của nhân-dân Việt-Nam vào Ngân-sách tài khóa 1969, cải-tổ chánh phủ cả về nhân-sự lẫn cơ-cấu, chỉ là hai nguyện-vọng của nhân dân để xoa-dịu tình-hình kinh-tế trong năm mới.

Ông Tổng-trưởng Tài-chánh Lưu-văn-Tính có thể lạc quan và khi nghe ông Tổng Giám-đốc Ngân-hàng Nông-nghiệp Nguyễn-văn-Hảo lo sợ về lỗ-hổng Ngân-sách 45 tỷ-bạc, ông mỉm-cười mà tuyên-bố với báo-chí: « đó là ý-kiến riêng của ông Nguyễn-văn-Hảo ». Người dân cũng mong rằng sự lo âu của Quốc-vụ-khanh Vũ-Quốc-Thúc: « phải thắt lưng buộc bụng, đừng hy vọng thịnh vượng » cũng chỉ là ý-kiến riêng của Giáo-sư Vũ-Quốc-Thúc.

Mong tình-hình tài-chánh không đến nỗi quá bi quan như các vị lãnh-đạo kinh-tế trình-bày trước Quốc-hội, người dân không dám vì ước vọng mà bỏ quên thực-tế đau đớn. Người dân chưa quên năm 1968, khói lửa, tang tóc, phá-hoại kinh-tế bao trùm trên toàn-quốc, từ thành-thị tới thôn-quê. Tiếng súng chưa ngừng, hòa-đàm chưa kết quả, địch còn tung ra được nhiều quỷ-kế, đời sống nhân-dân còn khó-khăn khổ-sở, nếu không được ngoại-viện chịu-đựng cho một phần gánh Ngân-sách, nếu Chánh-phủ còn lúng-túng trong một-nền kinh-tế vô-chính-sách, thụ-động, đánh đâu đổ đó.

DUY

Thời-sự thế-giới

TU-TRỊ

Trong những tuần vừa qua, khi năm 1969 bắt đầu, mọi người đều nhìn về ba vùng trên thế-giới là Hoa-kỳ, Trung-Đông và Đông-Âu. Thật vậy, Tổng-thống tân cử Richard Nixon đã chính-thức nhậm chức. Trong khi đó mỗi lửa chiến tranh đang đe dọa bùng lên sau khi Do-Thái phá hủy các máy bay dân sự của Liban ở phi trường Beyrouth và các phong trào đối kháng Nga tại Đông-Âu đang bước qua một giai đoạn mới.

Mỹ-châu : Tổng-thống Nixon đã chính thức nhậm chức.

Ngày 20-1-1969, ông Richard Nixon đã chính thức nhận lãnh chức-vụ Tổng-thống Hoa-Kỳ. Như vậy một triều-đại đã chấm dứt. Sau 8 năm cầm quyền đảng Dân-chủ đã nhường lại Tòa Bạch-cung cho đảng Cộng-hòa.

Ông Nixon, khi lên nắm quyền tối cao, phải đối phó với nhiều vấn-đề mà đảng Dân-chủ chưa giải-quyết nổi.

Trước hết là các vấn đề quốc nội. Trong lãnh-vực kinh-tế tài-chánh, Hoa-Kỳ đang gặp nhiều khó khăn. Trong năm vừa qua giá sinh hoạt đã gia tăng 50%. Số cung không đủ cho số cầu. Nếu ông Nixon quyết định cắt xén các công phí và giới-hạn sự cung cấp tín-dụng thì ông có thể chặn được nạn lạm phát, tuy nhiên hành động này sẽ làm cho nạn thất-nghiệp gia tăng, có lẽ ông sẽ phải tiếp

tục duy trì biện pháp tăng thuế lợi tức lên 100% mà ông Johnson đã quyết định trước đây, mặc dầu ông đã hết sức đả phá biện-pháp này suốt trong thời gian tranh cử. Nhưng trước các khó khăn kinh-tế chắc là ông vẫn phải yêu cầu dân chúng chấp-nhận nó trong thời hạn một năm nữa.

Trong lãnh vực xã-hội, ông Nixon cũng phải đối phó với nhiều vấn đề không kém. Chính-phủ Johnson đã đưa ra một chương-trình cải-tạo xã-hội hết sức mạnh bạo để diệt nạn nghèo đói. Nhưng việc quản-trị chương-trình không được tốt đẹp, nên kết quả jược được đã hết sức giới-hạn. Ông Nixon có lẽ sẽ tiếp tục chính-sách của đảng Dân-chủ vì trong mọi lãnh vực ông Nixon không chủ-trương canh tân, ông chỉ củng-cố những biện-pháp có sẵn để những biện-pháp này khỏi bị thất bại và mang lại những kết quả tốt đẹp mà chính-phủ Johnson đã không thực hiện nổi.

Chính-sách đối ngoại của ông Nixon cũng được người ta chú ý không kém. Đối với Nga, ông Nixon cho rằng giai đoạn "đương đầu" (confrontation) đã chấm dứt. Giờ đây người ta chỉ có thể áp dụng một phương pháp có lợi nhất trong quan-hệ Nga-Mỹ là thương-thuyết. Nhưng muốn thương-thuyết có kết quả tốt đẹp và lâu dài, Hoa-Kỳ phải giữ ưu-thế thì mới bắt đối phương phải nhượng

bộ được. Và để có được ưu-thế, Hoa-Kỳ phải có một mức võ-trang cao hơn Nga-xô. Vì vậy ngân-sách quân-sự dưới triều-đại Nixon, sẽ không những không giảm, dù chiến-tranh Việt-Nam có chấm dứt, mà còn gia-tăng hơn nữa để chế-tạo thêm hỏa-tiên liên-lục-địa và vũ-khí nguyên-tử.

Đối với vấn-đề Việt-Nam cũng vậy, ông Nixon sẽ tiếp tục công việc dở-dang của ông Johnson và sẽ cố gắng đưa hội-nghị Ba-lê tới kết-quả, hầu tái lập hòa-bình tại Việt-Nam. Hòa-hội Ba-lê được khai thông đúng 4 ngày trước khi ông Nixon chính thức nhậm chức. Phe cộng-sản đã chịu thỏa thuận dùng bàn tròn, có hai bàn dài kê cho thư-ký-đoàn, để chia tượng trưng bàn tròn làm hai phe. Các phái đoàn khi nói trước hội-nghị áp dụng công thức « AA ; BB ». Như vậy có nghĩa là nếu Nam-Việt nói trước thì ngay sau đó Mỹ nói, rồi sau đó Bắc-Việt và « Mặt trận giải phóng ». Hòa-hội Ba-lê đã họp phiên khoáng đại đầu tiên vào hôm 25-1 vừa qua.

Sự khai thông của Hòa-hội đã khiến cho ông Johnson có thể ra đi với cảm tưởng rằng mình đã góp phần một cách hữu-hiệu vào công cuộc văn hồi hòa-bình ở Việt-Nam.

Sở dĩ Hòa-hội Ba-lê được khai thông vì phe cộng-sản biết rằng khi ông Johnson rời khỏi chính quyền, họ không còn có thể đòi Mỹ nhượng bộ hơn nữa. Vì vậy họ đã vội vã thỏa thuận sát ngày bàn giao. Sự thỏa thuận này đã đạt được sau có hơn một giờ đồng hồ bàn cãi. Ngoài ra ông Nixon cũng góp công nhiều vào sự khai thông này, vì ông đã hết sức tán thành ông Johnson và tuyên

bổ là sẽ nhiệt liệt áp dụng đường lối của ông Johnson để tìm hòa-bình.

Tuy nhiên chúng ta không nên lầm tưởng rằng ông Nixon sẽ tìm hòa bình với bất cứ giá nào. Ông tiếp tục thương thuyết để giải quyết vấn đề Việt Nam vì giai đoạn « đương đầu » đã hết. Nhưng ông không muốn hòa bình làm mất uy tín của Hoa-kỳ. Ông thành thật muốn hòa-bình vì ông muốn tỏ ra rằng trong lịch sử Hoa - kỳ chiến tranh đều do các vị Tổng-thống Dân-chủ (Wilson, F.Roosevelt, Truman) và đều được các vị Tổng-thống Cộng-hòa (Harding, Eisenhower) giải quyết. Ông Nixon đã nhiều lần nói ý rằng ông sẽ là một vị Tổng-thống Cộng-hòa giải quyết chiến tranh Việt-nam như Tổng-thống Eisenhower giải quyết chiến tranh Triều-tiên vậy.

Cũng như với Nga, ông Nixon chỉ thương-thuyết với Bắc-Việt khi mà ông ở vào ưu thế. Ông biết như vậy vì năm 1953 hội-nghị Bàn-môn-điểm chỉ thành công sau khi Tổng-thống Eisenhower tỏ ra cứng rắn đến đã ngầm đe dọa sử dụng bom nguyên tử. Vì vậy mà ông Nixon cử ông Henry Cabot Lodge hướng dẫn phái đoàn Hoa-kỳ thay ông Harri-mann ở Balê và đồng thời yêu cầu ông E. Bunker tiếp tục đảm nhận chức-vụ Đại-sứ Hoa-kỳ tại Sài-gòn. Hai ông Lodge và Bunker đều được coi là cứng rắn để đối phó với phe cộng-sản.

Tuy tỏ ra cứng rắn Tổng-thống Nixon cũng vẫn tỏ thiện-chí hiếu hòa bằng cách rút một phần quân Mỹ ở Việt-nam. Sự rút quân này chỉ nhằm mục đích tâm lý vì nó không ảnh-hưởng bao nhiêu tới công cuộc chiến đấu ở Việt-nam. Thậ

vậy, 500.000 lính Mỹ ở Việt-nam đã không được xử dụng một cách hữu-hiệu. Ông Nixon có thể rút nhiều quân và chỉ cần tận dụng những binh sĩ còn lại thì ông cũng vẫn lượm được kết quả như trước. Rút quân, do đó chỉ là một cử chỉ tượng trưng. Dù hòa-bình có vẫn-hồi tại Việt-nam, Tổng-thống Nixon cũng không thể tính chuyện rút hết binh sĩ Mỹ về ngay. Trước hết sự hiện diện của họ còn cần thiết trong nhiều năm tới để bảo đảm hòa-ước mà Hội-nghị Ba-lê sẽ tiến tới. Hơn nữa rút một lúc toàn thể binh sĩ Mỹ về, ông Nixon sẽ làm xáo trộn không những nền kinh-tế Nam-Việt mà còn cả nền kinh-tế Mỹ nữa. Thật vậy, trong những năm qua nhiều người Việt Nam hướng mọi hoạt động về sự cung cấp dịch-vụ cho binh sĩ Hoa-kỳ. Những người này phải có đủ thời gian để thích ứng hoạt động của mình vào nhu cầu của hòa-bình. Tại Hoa-kỳ, một phần của guồng máy sản-xuất được dành cho chiến-tranh Việt-Nam. Một thời gian nào đó cũng cần thiết để các kỹ-nghệ-gia Mỹ có thể biến-cải guồng máy sản xuất cho phù hợp với hoà-bình.

Bài diễn-văn nhậm chức của ông Nixon đã làm nhiều người thất vọng, vì ông không nói là ông sẽ làm gì để giải quyết mọi vấn-đề, đối nội cũng như đối ngoại, của Hoa-Kỳ. Bài diễn-văn này có những lời lẽ cao xa của một giáo-sĩ thuyết-pháp, chỉ phù hợp với tính tình ông Nixon. Ông chỉ nói tới sứ mạng đối với lịch sử của con người nói chung và của dân-tộc Mỹ nói riêng. Những lời lẽ cao siêu và mơ hồ này có công dụng là cho ông Nixon tự do hành động. Ông

không loan báo một cách chính-xác các biện-pháp của ông để khỏi bị gò ép vào khuôn khổ chật hẹp của chính tư tưởng ông. Cũng cố hơn là canh tân, chính sách của Tổng-thống Nixon có hy vọng đưa thế giới tới một tình-trạng ổn-định trong tương-lai.

Trung-Đông : tình trạng lại cực kỳ căng thẳng

Năm 1968, trước khi chấm dứt, lại một lần nữa phải chứng kiến những cuộc đụng độ giữa Do-thái và Ả-rập ở Trung-Đông. Ngày 26-12 hai tên khủng bố Ả-rập ném lựu đạn vào một phi-cơ Do-thái ở trường bay Athènes (Hy-lạp). Để trả đũa, cảm-tử-quân Do-thái đã dùng phi-cơ trực-thăng phá hủy một nửa số máy bay dân-sự của Liban là một nước Ả-rập hòa-hoãn nhất Trung-Đông. Hội-đồng an-ninh Liên-Hiệp-Quốc đã đồng thanh lên án và cảnh cáo Do-thái.

Trong khi các nước chỉ phản đối bằng miệng thì Tổng-thống Pháp dùng biện-pháp quyết liệt hơn để trừng-phạt Do-thái. Ông ra lệnh cấm không bán những vật dụng mà Do-thái cần để trang bị quân đội của mình. Biện-pháp này là một đòn nặng nề cho Do-thái vì quân đội Do-thái từ trước tới nay quá tin cậy «đồng-minh» Pháp nên chỉ xử dụng vũ khí của Pháp mà thôi. Từ máy bay phản lực, máy bay trực thăng cho tới các xe thiết-giáp của quân đội Do-thái đều do Pháp chế-tạo. Nay thiếu đồ phụ-tùng, không quân cũng như bộ binh của Do-thái khó có thể sửa chữa được các máy móc hư hao.

Sở dĩ tướng De Gaulle có một thái-độ cứng rắn như vậy vì trước hết ông không bao giờ tha thứ cho Do-thái đã bất tuân lệnh của ông. Thật vậy, năm

1967 ông đã khuyên Do-thái không nên đánh trước. Tháng 6-1967, Do-thái đã tấn công Ả-rập trước. Hơn nữa Liban là một quốc gia thân-hữu với Pháp vì sau đệ-nhất thế-chiến Liban đã được Hội Quốc-liên giao cho Pháp quản-trị. Do đó Tướng De Gaulle còn có ý định gửi quân sang bảo-vệ Liban. Thái-độ của Tổng-thống De Gaulle đã khiến cho một số lớn dân Pháp phản đối vì người Pháp luôn luôn có cảm tình với Do-thái. Ngoài ra, ngoại-trưởng Pháp Debré lại là một người gốc Do-thái. Hơn nữa không bán máy bay cho Do-thái sẽ có thể phương hại tới kỹ-nghệ hàng không của Pháp. Biết như vậy nhưng Tướng De Gaulle khẳng khăng trừng phạt Do-thái. Ông lại đề-nghị bốn cường-quốc Pháp, Anh, Nga, Mỹ nghiên cứu một giải-pháp và bắt Do-thái phải chấp nhận để ổn-định tình-hình Trung-Đông.

Nga cũng đề nghị là Pháp, Anh, Mỹ, Nga làm áp-lực bắt Do-thái phải rút khỏi những đất đai chiếm được hồi tháng 6-1967. Ngược lại Ai-cập sẽ mở cửa kênh Suez cho tàu bè Do thái thông thương và từ cường sẽ bảo-đảm biên-giới các quốc-gia Trung-Đông.

Việc Nga và Pháp công bố những đề-nghị này chỉ làm cho Do-thái cứng rắn thêm. Ả-rập và Do-thái có thể chấp nhận một giải pháp nào đó nếu giải pháp này được từ cường bàn cãi kín đáo. Không bao giờ họ lại chịu nhượng bộ trước áp-lực công-khai vì lâu như vậy họ sẽ mất thể-diện. Như vậy cả Nga lẫn Pháp đã chỉ làm cho vấn đề Trung-Đông khó giải quyết thêm lên.

Âu-châu : giai đoạn mới của sự đối-kháng Nga tại Tiệp-khắc

Tại Tiệp-khắc vào cuối năm 1958, đầu năm 1969, người ta bước sang một giai đoạn mới trong công cuộc đối-kháng Nga-xô, một cuộc khủng-hoảng nội bộ đã xảy ra cùng một lúc với phong-trào đối-kháng đời mới này.

Mùa xuân năm 1968, đề dân-chủ-hóa chính-quyền ông Dubcek đã quyết định biến cải Nhà nước Tiệp-khắc, từ trước tới nay là một quốc-gia đồng nhất, thành một liên-bang đề tôn-trọng nguyện-vọng của những người Slovaques. Năm 1918, sau khi nền quân-chủ Áo của họ Habsbourg bị lật đổ, những dân tộc thiểu số dưới quyền đế-quốc Áo được tách rời khỏi Áo để thành lập những quốc-gia mới. Tiệp-khắc được lập nên từ đó Quốc-gia mới này gồm một số lớn là người Tchèques và một thiểu số là người Slovaques. Suốt trong lịch sử Tiệp, người Slovaques luôn luôn tự coi là bị thiệt thòi và luôn luôn đòi một cơ-cấu Liên-bang. Nguyện vọng của họ đã được thỏa-mãn khi ông Dubcek, người Slovaque, lên nắm chính-quyền. Ngày 28-10-1968, nhân dịp kỷ-niệm năm thứ năm mươi ngày thành lập Tiệp-khắc, chính-phủ Tiệp đã tuyên-bố Cộng-hòa Xã-hội Tiệp-khắc là một liên bang của hai quốc-gia : một bên là quốc-gia Tchèque gồm các miền Bohême và Moravie và một bên là quốc-gia Slovaque ở miền Slovaquie. Từ nay mỗi miền sẽ có một chánh-phủ địa-phương và một cơ-quan lập-pháp riêng để quản trị các vấn-đề có tính cách địa-phương.

Nhà nước liên-bang (État fédéral) gồm có một chính-phủ và lưỡng-viện. Chính-phủ có một thủ-tướng và 4 Phó Thủ-tướng dành cho 2 người slovaques và 2 người Tchèques. Ngoài ra chính-phủ có 7 bộ. Nếu bộ nào có Tổng-trưởng người tchèque thì phụ-tá phải là slovaque và ngược lại.

Cơ quan hành-pháp gồm có hai viện. Viện dân - biểu do toàn thể Liên-bang bầu lên theo tỷ-lệ dân số và Viện các quốc-gia (Thượng viện gồm có 75 nghị sĩ tchèques và 75 nghị sĩ slovaques.

Trong giai đoạn chuyển tiếp, Quốc-hội cũ trở thành Viện dân-biểu của Liên-bang.

Nga-xô đã lợi dụng sự cải tổ cơ cấu này để bắt ông Smrkovsky phải nhường ghế Chủ tịch Viện dân-biểu cho ông Husak người slovaque và chủ trương thân Nga. Dân slovaque chỉ có 3.5 triệu người trong khi dân tchèques có tới 10 triệu, để ông Husak làm Chủ-tịch sẽ là một sự bất công. Ngoài ra ông Smrkovsky cùng với các ông Svoboda, Dubcek và Cernik là 4 người có uy-tín nhất và được dân chúng quý mến nhất. Ông đã cùng với

các ông Dubcek và Cernik bị công tay đưa sang Nga vào tháng 8 vừa qua. Vì vậy cả người tchèques và slovaques đều muốn giữ ông Smrkovsky ở lại chức vụ cũ. 900.000 thợ luyện-kim đã dọa đình công để phản đối sự ra đi của ông Smrkovsky. Ủng hộ Smrkovsky và phản đối Husak là một hình-thức đối-kháng Nga-xô của dân Tiệp-khắc hiện thời.

Vụ Smrko vsky - Husak chưa giải quyết xong, thì một phong trào đối kháng mới lại bùng lên. Một sinh viên Tiệp tên là Jan Palach, theo gương tranh đấu tại Việt Nam, đã tự thiêu và yêu cầu hủy bỏ chế độ kiểm duyệt cùng đóng cửa báo Zpravy của Nga xuất bản bằng tiếng Tiệp. Sinh viên và thợ thuyền cũng dọa tự thiêu để tái lập chủ quyền Tiệp-khắc và duy trì ông Smrkovsky trong chức vụ Chủ-tịch Quốc-hội. Hiện thời cả vùng Đông-Âu đã có tới 7 người tự thiêu không những ở Tiệp khắc mà còn ở các quốc-gia cộng-sản khác như Nam-Tur... Hàng trăm ngàn người đã dự đám táng Palach. Hiện thời nhà cầm quyền Nga đang lo ngại trước phong trào chống đối mới mẻ này.

TỪ TRÌ

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

14358YT - D.P.Đ.

Sách báo mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Chiến tranh cách mạng**, tiểu luận và tài liệu của **Thế-Uyên**, Thái Độ xuất bản, tác giả gửi tặng, 360 trang, giá 250đ.

— **Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống**, nguyên tác của **Krishnamurti**, bản dịch của **Hoài Khanh**, Cadao xuất bản và gửi tặng, 204 trang. Bản đặc biệt.

— **Học thức và trí thức của Liên Hòa Giang**, cơ sở **Phạm Quang Khai** xuất bản và gửi tặng, 116 trang, Giá 90đ

— **Miền điện của Nguyễn Bích Liên**, Cơ sở **Phạm quang Khai** xuất bản và gửi tặng, 182 trang, Giá 180đ

— **Chuyện cà-kê của Lãng Nhân**, cơ sở **Phạm quang Khai** xuất bản và gửi tặng, 274 trang, giá 250đ

— **Trước giờ đảo chánh**, nguyên tác của **Morris L. West**, Lưu Bằng dịch, Vui Học xuất bản và gửi tặng, 300 trang, giá 160đ.

— **Sâm thương**, truyện dài của **Liên Chi**, do **Lá Bối** xuất bản và gửi tặng, dày 250 trang. Bản đặc biệt.

— **Gào thét** truyện của **Dương Nghiễm Mậu**, do **Văn Uyển** xuất bản và tác giả gửi tặng, dày 124 trang. Bản đặc biệt. Giá nhất định 30đ.

— **Xứ tuyết**, nguyên tác của **Yasunari Kawabata** (Nobel 68) bản dịch của **Chu Việt**, **Trình Bầy** xuất bản và gửi tặng, dày 236 trang. Bản đặc biệt. Giá 140đ

— **Cơn hồng thủy và bông hoa quỳ** tập truyện của **Trùng Dương**, do **Trình Bầy** xuất bản và tác giả gửi tặng, dày 104 trang, bản đặc biệt. Giá 60đ.

— Thi ca miền Trung Việt Nam

Thi tuyển nhận định do **Lương-trọng-Minh** biên-soạn (39 nhà thơ) và gửi tặng, **Cầm Sa Sơn Châu** xuất bản. Bản đặc biệt.

— **Chỗ của Huệ**, truyện dài của **Doãn Dân**, do **Nhân-Văn-Xã** xuất bản, tác giả gửi tặng, dày 122 trang, bản đặc biệt, Giá 70đ.

— **Nỗi buồn thấp sáng** truyện của **Cung-Tích-Biến**, do **Trí Dũng** xuất bản, tác giả gửi tặng, dày 294 trang. Giá 160đ.

— **Tắt lửa lòng** truyện dài tiền chiến của **Nguyễn công Hoan**, do **Hoa-Tiên** xuất bản và gửi tặng, dày 250 trang, Giá 110đ

— **Khởi hành số 6** (tháng 12-68) của **Hội Văn nghệ-sĩ quân đội**, dày 82 trang, khổ 21 x 28. Giá 50đ.

— **Xuân chí nguyện Kỷ Dậu 1969**, giai phẩm của **đoàn Phụ nữ Chí nguyện**, **Hồng thập tự V.N**, dày 80 trang, khổ 21 x 28.

— **Tân văn**, số đặc biệt xuân **Kỷ-Dậu**, 160 trang, Giá 70đ.

— **Văn**, Xuân **Kỷ-Dậu**, dày 204 trang, 3 phụ bản. Giá 100đ

Nước ta số 18 Nội san học tập của **Cán bộ và Khóa sinh X.D.N.T Vũng Tàu** do **Trung tá Nguyễn Bé Chủ** nhiệm in **Ronéo** dày 200 trang khổ 21 x 27.

PHÂN ƯU

Những giòng nước mắt chúng tôi khóc anh **Y - UYÊN**.

Trần Hoài Thư, **Nguyễn Như Hoàng**,
Trần Huiền Ân, **Hồ Minh Dũng**.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật và cũng vì muốn số báo Tết của quý bạn ra kịp thời hạn, nên một số bài đã hứa đăng với các tác giả mà vẫn phải gác lại dành cho số tới, trong đó có truyện của Võ Hồng, tùy bút của Thế-Uyên, phỏng vấn của Lê Phương Chi (6 nhà văn phụ nữ nói về thời cuộc và đời sống đối với công việc sáng tác) « Chiến tranh và Hòa bình » của Nguyễn Hiến Lê, Thời sự văn nghệ của Tràng Thiên.v.v...

Cũng vì những lý do trên nên một số mục thường xuyên như Hợp-thư, giới thiệu Sách mới và một số quảng cáo sách báo của các văn-hữu, các nhà xuất bản cây đăng cũng đành phải để vào số tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng các tác giả, các văn hữu cùng quý bạn trên đây và xin quý bạn thông cảm cho.

Tòa soạn **BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI**

« QÊ...HƯƠNG »

đôi rách, iêu kiều, oai hùng
do

NGUYỄN-NGU-Í — NGÊ-BÁ-LÍ
— TÂN-FONG-HIỆP
chủ trương

tập A : 100đ (Já chỉ 1)

tập Z : 200đ

do

NÚICÚHÒNBÀ xuất bản và fathành

Đón đọc 3 tác phẩm đã phát hành của một cây bút trẻ quen thuộc CUNGTÍCH BIÊN :

AI TỈNH AI ĐIÊN

truyện dài tháng 12-1968

NỖI BUỒN THẤP SÁNG

tập truyện tháng 1-1969

HÒA BÌNH

NÀNG TÌNH RỒNG

truyện dài tháng 2-1969

Nhà xuất - bản HOA-LƯ

7/5 Võ-Tánh, Saigon-Điện thoại : 92.291

ĐÃ PHÁT HÀNH

NHỮNG ĐẠI-LỄ VÀ VŨ-KHÚC CỦA VUA CHỨA VIỆT-NAM

của Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề

khảo cứu tỉ mỉ về 36 đại lễ và 11 vũ khúc của vua chúa Việt-Nam từ đời Lý đến nay. 560 trang khổ lớn, 35 tranh ảnh, bìa của Dzu Hồng, offset 3 màu. **Giá 350đ**

HƯƠNG TRÀ của Đỗ Trọng Huề

Lịch-sử và ý nghĩa triết lý của Trà từ Đông sang Tây, nghệ thuật pha trà và uống trà, những ánh áng danh văn nói tới trà 220 trang nhiều hình ảnh, bìa của Thịnh-del, offset 3 màu. **Giá 160đ**

Soyuz 4 và Soyuz 5

Phi thuyền Soyuz 4 do Vladimir Shatalov điều khiển được phóng lên trước trong quỹ-đạo. Sau đó Soyuz 5 do 3 phi-hành-gia Boris Volynov, Yevgeny Khrunov và Alexei Yeliseyev, được phóng lên sau tìm cách thực-hiện một cuộc ráp nối trong không gian với Soyuz 4. Ráp nối như thế thật ra không phải là chuyện mới mẻ. Người Mỹ đã thành công hơn một năm rồi, với hai phi-thuyền Gemini 6 và Gemini 7 cùng nhiều chuyến bay khác tương tự. Nhưng những thành công ấy hình như chỉ nhằm đạt được những kỹ-thuật cần thiết cho chuyến đồ bộ lên mặt trăng dự trù vào cuối năm nay. Tất cả là làm sao cho phi-thuyền đồ bộ (U. M.) từ mặt trăng bay lên có thể ráp lại được với phi-thuyền mẹ có sẵn trong quỹ đạo, rồi cả hai cùng bay về trái đất.

Mục-đích của Soyuz 4 và Soyuz 5 có vẻ (ít ra cũng theo sự phỏng đoán của các chuyên-viên Mỹ) không nhằm vào việc ấy. Với Soyuz 4 và Soyuz 5 người Nga muốn mở đầu cho việc thành lập một trạm thường-trực trong không gian. Kích-thước đồ sộ của phi-thuyền cùng những đồ trang bị của nó chứng minh cho dự đoán ấy.

Soyuz 4 và Soyuz 5, cả hai giống nhau và cùng giống hệt Soyuz 3 của G. Beregovoi đã lái hôm nào. Phi thuyền gồm ba phần : một phần hình tròn có chứa bộ phận ráp nối, nơi các phi-hành-gia làm việc và nghỉ ngơi trong lúc bay trên quỹ đạo ; phần giữa hình một viên đạn chứa đủ bộ phận điều khiển cho phi-hành-gia dùng đến trong lúc phi thuyền được phóng lên và lúc nó trở về trái đất ; và phần sau cùng hình ống, chứa máy móc của phi thuyền.

Khi cả hai phi-thuyền sắp sửa tới trên vùng Châu Mỹ la-tinh thì Khrunov và Yeliseyev từ phần thứ hai của Soyuz 5 bò sang phần thứ nhất hình tròn (nơi mà đêm vừa qua họ đã ngủ một giấc thật ngon lành). Rồi Khrunov mở một nắp cửa nhỏ, bước ra ngoài không gian, bơi dần đến phi thuyền Soyuz 4, có sẵn Shatalov đang mở mắt trông chờ. Sau đó tới lượt của Yeliseyev. Phải mất chừng hơn một tiếng đồng hồ, công việc mới hoàn tất. Hai phi-hành-gia từ Soyuz 5 mang đến cho Shatalov mấy tờ báo và những bức thư khen ngợi gửi từ dưới đất lên. Đây có lẽ là những bức thư tiên-phong cách-mạng trong ngành bưu-vận. Nếu bức thư có dán tem, chắc chắn đây là những con tem quý giá nhất đối với các tay sưu tập.

Đúng 4 giờ 35 phút sau khi hội ngộ, Soyuz 4 tách rời khỏi Soyuz 5. Dân Nga chứng kiến cảnh chia ly này qua hình ảnh truyền hình Soyuz 4 giờ đây mang

theo 3 phi-hành-gia trên đường trở về trái đất. Phi thuyền đáp xuống một địa điểm ở miền Nam nước Nga.

Volynov bị bạn đồng hành bỏ rơi trên không gian, trong những vòng bay cuối cùng. Soyuz 5 trở về trái đất an toàn một ngày sau đó, tức ngày thứ bảy 18-1-69, tại một nơi cách thành phố Korestanai (thuộc Kazakhstan) 200 cây số.

Như thế là hoàn tất câu chuyện trên không gian. Nhưng ở dưới đất thì chưa hết chuyện. Ở dưới đất, vài ngày sau đó, chính phủ mới của Nixon hình như nhờ cặp Soyuz 4 và 5 kích thích nên tính xin tăng ngân khoản về không gian. Ngân khoản này Johnson chỉ xin được 3.900 triệu Mỹ-kim, trong khi Von Braun đòi ít nhất là 5 tỷ Mỹ-kim. Ở dưới đất, tại Mạc-tư-khoa, ngày 24-1-69, tin Tass còn cho hay 4 phi hành gia của cặp Soyuz biểu diễn cho dân chúng hoan hô xong, trong khi tiến vào dự cuộc tiếp tân ở Cầm-linh thì bị một người toan hạ sát. Chưa ai rõ những tin tức như thế bao trùm bí mật gì.

TỬ DIỆP

THỜI-SỰ VAN-NGHỆ

Henry Miller

Henry Miller viết về cuộc sống của mình trong 5 năm, từ 1923 đến 1928, trong một bộ tiểu thuyết gồm 3 cuốn : bộ *La crucifixion en rose*, mỗi cuốn mang một tên : *Sexus*, *Nexus*, và *Plexus*. Hai cuốn sau đã xuất bản lâu rồi, cuốn đầu vừa mới được dịch ra Pháp văn.

Nguyên một cái tên của H. Miller đã nhắc độc giả về những chuyện táo bạo quá trời rồi, cái nhan đề *Sexus* lại còn nhấn mạnh thêm vào ý nghĩa ấy một cách đậm đà.

Quả thật, trong *Sexus*, cũng như trong các tác phẩm khác của H. Miller,

cái giống có tung hoành quá trớn. Nhưng tác giả không ngán tí nào. Ông ta bình tĩnh, thản nhiên : « Ba trăm vụ truy tố về tội dâm ô ư ? Cũng không nhục nhã hơn cái việc bị đóng lên cây thập tự giữa hai tên cướp. »

Hồn láo thật ! dám ví mình với Chúa Jésus. Đem chuyện viết lách dâm ô sánh với việc cứu thế ! Ông ta làm cái gì mà ăn nói lớn lối vậy ?

Thưa, ông ta làm một công cuộc giải phóng. « Đề tài các tác phẩm của tôi không phải là cái giống ; mà là cuộc tự giải phóng. » Có hiểu như thế mới hiểu vì sao có người xem chủ trương của Miller như là một thứ

HƯƠNG MỜI

Tủ sách bỏ túi của giới đại học ● vừa phát hành cuốn đầu tiên

HIỆN TƯỢNG HỌC LÀ GÌ ?

● sắp in liên tiếp các cuốn :

PHÂN TÂM HỌC LÀ GÌ ? CƠ CẤU LUẬN LÀ GÌ ? NGỮ HỌC LÀ GÌ ?

của Trần Thái Định

đạo, xem Miller như là một thứ thánh « Ông thánh Miller » ! Vâng, đó là một ông thánh, đang sống một chân lý mới ;

Thực vậy trong xứ sở Hoa kỳ của ông, người đời lấy bạc vàng làm quý, lấy giàu sang làm chứng cứ thành công, ông thánh Miller chủ trương sống nghèo, khước từ tiện nghi trong xứ sở Hoa kỳ của ông, người đời chấp nhận những cấm kỵ, kỷ luật của cuộc sống văn minh, ông thánh Miller ăn tục nói phét, vùng lên chống lại mọi ràng buộc qui, tắc mọi sự áp đảo của thành kiến xã hội. Ông thánh vùng cái giống lên như một vũ khí, đập túi bụi vào xã hội cho nó tối tăm mặt mũi, cho nó hoảng vía lên. Như thế gọi là tự giải phóng.

« *Crucifixion* ». Nguyên một cái cách đặt nhan đề tác phẩm cũng chứng tỏ rằng Henry Miller ý thức sâu xa về sứ mệnh thiêng liêng cao cả của mình.

Hãy nghe nhìn

Cái quái gì vậy : nghe nhìn ?

Đó là một lời của Elsa Triolet.
Ecoutez-voir. Nhan đề một cuốn tiểu

thuyết vừa xuất bản của một nhà văn tuổi tác, nhiều thành tích, ở Pháp.

Nhiều tuổi, nhiều thành tích, nhưng vẫn không ngớt tìm tòi, hướng về những cái mới mẻ *Ecoutez-voir*, theo lời giới thiệu phê bình, được viết với một quan niệm tiểu thuyết rất độc đáo, bằng một kỹ thuật mới lạ kỳ quặc.

Pat Nixon và chàng Vương

BKTD trong một số trước đây có bài nói về vai trò của Pat Nixon bên cạnh Nixon. Sau đó, tòa soạn có dịp được biết một tài liệu về hình ảnh của Pat Nixon bên cạnh... Vương Hồng Sển !

Số là hồi 1956 ông Nixon Phó Tổng thống, đại diện cho Tổng thống Hoa kỳ đến Sài Gòn, bà Nixon có đến xem cổ ngoạn tại nhà Vương Hồng Sển. Hướng dẫn khách quý xem đồ cổ nước Việt là bà Đại sứ Hoa kỳ. Pat Nixon đến, liền có « chàng Vương ra mặt đón chào » ngay. Do đó hình kỷ niệm lưu giữ đến nay.

TRANG THIÊN

Trọn một tác phẩm của Nguyễn-Manh-Côn đăng trên
TÂN-VĂN số đặc-biệt Xuân Kỷ-Dậu :

YÊU ANH VƯỢT CHẾT

một tân-truyện dài trên năm chục trang,
dành cho những người biết yêu —
yêu trong cõi sống và yêu vượt cõi chết...

CÁCH MẠNG ?

- Bạn muốn biết những bí-mật gì trong ngày Cách mạng 1-11-1963 !
 - Đảo chánh hay làm Cách mạng ? CABOT LODGE lại xuất-hiện
- Trước đây ông ta đã làm gì trong ngày đó ?
- Người Mỹ đã làm gì ? CIA đã âm-mưu gì ?

Tất cả những Bí-Ẩn chưa hề được tiết-lộ, đều có đầy đủ trong quyển :

TRƯỚC GIỜ ĐẢO CHÁNH

Tác giả : MORRIS — L.WEST — LƯU BẰNG dịch.

Trong ngày Xuân, bạn hãy đọc « *Trước Giờ Đảo Chánh* » để suy-ngẫm hiện tình Đất nước.